

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI



(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 09 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 28 tháng 10 năm 2021)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số:...../QĐ - SGDCCKHN do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội cấp ngày..... tháng.....năm.....)

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

TECHCOMSECURITIES



Bejpa

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (+84-02) 69382 3604 Fax: (+84-02) 382 6365

Website: www.geccom.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 10 và Tầng 12, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3944 6368 Fax: +84 24 3944 6583

Website: www.tcbs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Phạm Thành Tuấn Anh

Chức vụ: Người được Ủy quyền công bố thông tin của tổ chức niêm yết

Số điện thoại: (+84 02) 69382 3604

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 09 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 28 tháng 10 năm 2021)

Trụ sở chính: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (+84-02) 69382 3604; **Fax:** (+84-02) 382 6365; **Website:** www.geccom.vn

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên trái phiếu** : Trái Phiếu GEGB2124002 (“**Trái Phiếu**”)
- Mã trái phiếu** : GEG121022
- Loại trái phiếu** : Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Niêm Yết.
- Ngày phát hành** : 11/10/2021
- Ngày đáo hạn** : 11/10/2024
- Phương thức thanh toán gốc và lãi** : (a) Khoản nợ gốc của trái phiếu sẽ được thanh toán một lần vào (i) ngày đáo hạn, hoặc (ii) ngày mua lại trước hạn, hoặc (iii) ngày mà các Trái Phiếu đến hạn thanh toán do bị thu hồi nợ trước hạn hoặc do nguyên nhân khác; và
- (b) Lãi của các Trái Phiếu sẽ được thanh toán (i) mỗi 3 (ba) tháng kể từ ngày phát hành, hoặc (ii) vào ngày thanh toán khoản nợ gốc như quy định tại đoạn (a) nêu trên.
- Lãi suất** : (i) Đối với 4 (bốn) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: lãi suất cố định 9,5%/năm (chín phẩy năm phần trăm một năm); và
- (ii) Đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 4 (bốn) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,28%/năm (ba phẩy hai mươi tám phần trăm một năm) và lãi suất cơ sở trung dài hạn dành cho khách hàng doanh nghiệp thuộc Khối Ngân hàng bán buôn áp dụng cho các khoản vay/trái phiếu trung dài hạn phát sinh từ ngày 30/03/2021 với kỳ định giá 3 (ba) tháng, do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam công bố vào hoặc vào khoảng 11:00 giờ sáng (giờ Việt Nam) của ngày xác định lãi suất của Kỳ Tính Lãi có liên quan.
- Hình thức và Mệnh giá** : Trái Phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử với mệnh giá 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu
- Tổng số lượng niêm yết** : 7.000.000 (bảy triệu) Trái Phiếu
- Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá** : 700.000.000.000 VND (bảy trăm tỷ Đồng)

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

- Địa chỉ: Tầng 10 và Tầng 12, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3944 6368
- Fax: (84-4) 3944 6583
- Website: www.tcbs.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công Ty TNHH PWC VIỆT NAM

- Địa chỉ: Số 29, Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: +84 28 3823 0796
- Website: <https://www.pwc.com/vn/vn/>

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1.	Rủi Ro Về Kinh Tế	6
2.	Rủi Ro Về Luật Pháp	9
3.	Rủi Ro Đặc Thù Liên Quan Đến Ngành, Công Ty, Lĩnh Vực Hoạt Động Của Công Ty.....	10
4.	Rủi Ro Liên Quan Đến Trái Phiếu.....	13
5.	Rủi Ro Khác.....	13
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH ...	14
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	15
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	18
1.	Tóm Tắt Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển:	18
2.	Cơ Cấu Tổ Chức Công Ty	26
3.	Cơ Cấu Bộ Máy Quản Lý Của Công Ty.....	26
4.	Danh Sách Cổ Đông Nắm Giữ Từ Trên 5% Vốn Cổ Phần Của Công Ty; Danh Sách Cổ Đông Sáng Lập Và Tỷ Lệ Cổ Phần Nắm Giữ; Cơ Cấu Cổ Đông	33
5.	Danh Sách Những Công Ty Mẹ Và Công Ty Con Của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, Những Công Ty Mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết Đang Nắm Giữ Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần Chi Phối, Những Công Ty Nắm Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần Chi Phối Đối Với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	35
6.	Hoạt động kinh doanh.....	40
7.	Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh.....	64
8.	Vị Thế Của Công Ty So Với Các Doanh Nghiệp Khác Trong Cùng Ngành	67
9.	Chính Sách Đối Với Người Lao Động.....	70
10.	Chính Sách Vay Nợ Trong Thời Hạn Trái Phiếu, Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán Của Trái Phiếu Trong Danh Mục Nợ Của Tổ Chức Niêm Yết.....	72
11.	Tình Hình Hoạt Động Tài Chính	73
12.	Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, Kế Toán Trưởng	78
13.	Tài Sản.....	94
14.	Kế Hoạch Sản Xuất Kinh Doanh, Lợi Nhuận Và Cổ Tức Trong Các Năm Tiếp Theo.....	95
15.	Đánh Giá Của Tổ Chức Tư Vấn Về Kế Hoạch Lợi Nhuận Và Cổ Tức.....	96
16.	Thông Tin Về Những Cam Kết Nhưng Chưa Thực Hiện Của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	97
17.	Các Thông Tin, Các Tranh Chấp KIỆN TỤNG Liên Quan Tới Công Ty Mà Có Thể Ảnh Hưởng Đến Giá Cả Chứng Khoán Niêm Yết	97
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	97

1. Loại Trái Phiếu:.....	97
2. Ngày Phát Hành:	97
3. Ngày Đáo Hạn:.....	97
4. Thời Hạn Trái Phiếu:.....	97
5. Mệnh Giá:.....	98
6. Mục đích phát hành:	98
7. Nguồn Thanh Toán Trái Phiếu:	98
8. Tổng Số Trái Phiếu Niêm Yết:	98
9. Lãi Suất:	98
10. Kỳ Trả Lãi:.....	99
11. Số Lượng Trái Phiếu Bị Hạn Chế Chuyển Nhượng Theo Quy Định Của Pháp Luật Hoặc Của Tổ Chức Niêm Yết:.....	99
12. Xếp Hạng Tín Nhiệm:	99
13. Phương Pháp Tính Giá	99
14. Tính Lợi Suất Đáo Hạn.....	101
15. Phương Pháp Thực Hiện Quyền	102
16. Đánh Giá Tác Động Của Tình Hình Lạm Phát Đối Với Trái Phiếu Niêm Yết.....	104
17. Cam Kết Về Tỷ Lệ Đảm Bảo	105
18. Giới Hạn Về Tỷ Lệ Nắm Giữ Đối Với Người Nước Ngoài (Theo Quy Định Của Pháp Luật Về Chứng Khoán Và Pháp Luật Chuyên Ngành)	108
19. Các Loại Thuế Có Liên Quan Đến Trái Phiếu	108
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT.....	113
VII. PHỤ LỤC	114

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi Ro Về Kinh Tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Chính vì vậy, Tổ Chức Niêm Yết là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

Thay đổi về điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách ở Việt Nam có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Niêm Yết

Phần lớn doanh thu và hoạt động kinh doanh của Công Ty đều xuất phát từ và nằm trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của Công Ty phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách ở Việt Nam mà các điều kiện đó khác biệt so với điều kiện ở các nước có nền kinh tế phát triển hơn xét trên các khía cạnh quan trọng, bao gồm cả mức độ can thiệp của nhà nước, trình độ phát triển, tốc độ tăng trưởng, quản lý ngoại hối, kiểm soát lương và giá cả, và hạn chế đối với hàng hóa nhập khẩu. Công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của GEC có thể bị ảnh hưởng bất lợi bởi những thay đổi chính sách và biện pháp đó.

Chính Phủ có thể can thiệp vào nền kinh tế Việt Nam và đôi lúc tạo ra những thay đổi quan trọng về chính sách, bao gồm cả thay đổi cơ chế kiểm soát lương và giá cả, quản lý vốn và ngoại hối và hạn chế đối với hàng hóa xuất khẩu và/hoặc nhập khẩu. Các thay đổi chính sách đó có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty. Thêm vào đó, tình hình kinh tế Việt Nam cũng ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công Ty. Các yếu tố đã và có khả năng tiếp tục ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam bao gồm những đợt bùng phát virus Dịch Cúm A (H1N1), Zika, Covid-19 hoặc các bệnh dịch truyền nhiễm khác xảy ra gần đây và có khả năng xảy ra trong tương lai; biến động tỷ giá; tỷ lệ lạm phát cao và việc NHNN kiểm soát tỷ giá; thay đổi về thuế; các thiên tai, bao gồm cả sóng thần, hỏa hoạn, lũ lụt và các thảm họa tương tự khác; biến động trong các loại thuế phí áp dụng lên giá xăng dầu; sự phát triển về chính sách, chính trị hoặc kinh tế khác ở Việt Nam hoặc ảnh hưởng đến Việt Nam, và các xu hướng kinh tế toàn cầu mang tính tiêu cực bao gồm khủng hoảng kinh tế toàn cầu dẫn đến những đợt điều chỉnh trên thị trường bất động sản và chứng khoán, thiếu nguồn cung vốn, suy giảm mang tính hệ quả đối với hoạt động đầu tư nước ngoài và đình trệ tăng trưởng kinh tế.

Công Ty không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Một đợt suy thoái của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty. Tuy nhiên, Công Ty luôn cam kết nỗ lực tối đa trong việc kiểm soát và nhận diện sớm các rủi ro có thể xảy ra và xây dựng các biện pháp khắc phục phù hợp nhất.

Mức độ lạm phát cao ở Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty

Theo số liệu của Tổng Cục thống kê (GSO), mức lạm phát bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với cùng kỳ năm 2018, là mức thấp và nằm trong kiểm soát so với mục tiêu 4% được đề ra trước đó. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 tăng 2,31% so với bình quân của năm liền trước, tiếp tục đạt mục tiêu Quốc hội

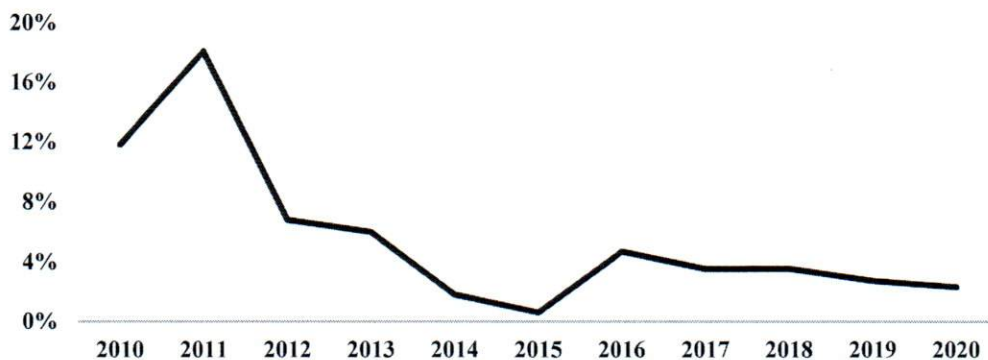
ul

đề ra dưới 4%. Trong 9 tháng đầu năm 2021, tỷ lệ lạm phát tăng 1,82% so với cùng kỳ năm trước và là mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016 đến nay.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát đã được Chính Phủ duy trì ở mức ổn định trong các năm trở lại đây, Công Ty không thể bảo đảm rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao (như giai đoạn từ năm 2011 trở về trước) trong tương lai, đặc biệt trong thời gian tới khi giá dầu có xu hướng tăng dần trở lại và nền kinh tế được dự báo tiếp tục tăng trưởng nhanh.

Trong trường hợp lạm phát của Việt Nam tăng cao trở lại thì chi phí hoạt động của Công Ty, bao gồm cả chi phí nguyên liệu thô, chi phí trả lương người lao động, chi phí nhiên liệu, chi phí vận chuyển, chi phí xây dựng, chi phí bảo trì, chi phí tài chính và các chi phí quản lý khác dự kiến cũng sẽ tăng theo tương ứng. Nếu GEC không thể chuyển các chi phí và phí tổn gia tăng này vào giá dịch vụ cho khách hàng, thì các chi phí đó sẽ có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của GEC. Hơn nữa, tỷ lệ lạm phát và mức lãi suất cho vay cao có thể ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam, môi trường kinh doanh và hành vi tiêu dùng của khách hàng nói chung, và do đó ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, và kết quả hoạt động kinh doanh của GEC.

Lạm Phát Việt Nam Qua Các Năm



Nguồn: GSO

Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam (tăng trưởng GDP) suy giảm có thể gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công Ty

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng phản ánh khả năng tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề và lĩnh vực kinh tế.

Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong vòng 10 năm trở lại đây tương đối khả quan và ổn định, tăng bình quân từ 6%-7% mỗi năm.

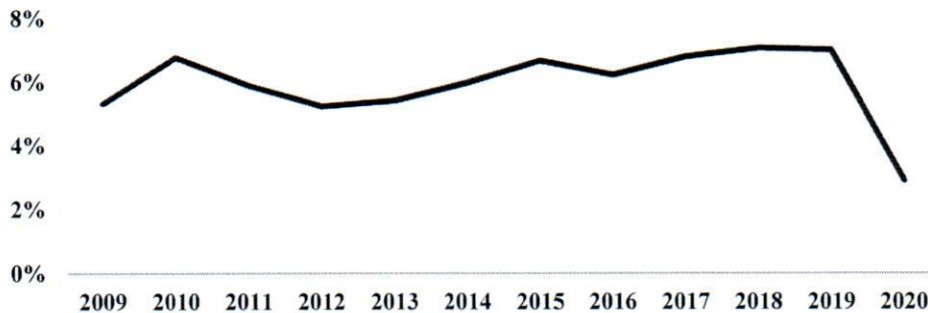
Tuy nhiên, GEC không thể đảm bảo điều kiện kinh tế Việt Nam, bao gồm tốc độ tăng trưởng GDP, có thể duy trì sự ổn định và tốc độ tăng trưởng hiện có. Một đợt suy thoái kinh tế toàn cầu hoặc một diễn biến kinh tế bất lợi có thể xảy ra trong tương lai và gây ra những tác động tiêu cực đến tốc độ tăng trưởng GDP và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, bao gồm cả GEC.

Diễn hình như GDP năm 2020 tăng 2,91% (lần lượt tăng 3,68%, 0,39%, 2,69% và 4,48% vào các Quý I, II, III và IV cùng năm), mức thấp nhất trong các năm giai đoạn từ 2011-2020 do ảnh hưởng của dịch COVID-19 với nhiều diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, đây cũng đã là mức tăng ấn tượng khi xem xét mức tăng của các nền kinh tế khác trên thế giới và là thành công lớn của Chính phủ Việt Nam. Mặc dù dịch

lee

bệnh đã phần nào được kiểm soát tại Việt Nam nhưng vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp trên phạm vi toàn cầu, ảnh hưởng tiêu cực tới các lĩnh vực kinh tế-xã hội. Vì lý do đó, Việt Nam tuy là một điểm sáng trong bức tranh tăng trưởng kinh tế toàn cầu nhưng Công Ty không thể đảm bảo tốc độ tăng trưởng GDP có thể quay trở lại ổn định như thời kỳ trước dịch trong tương lai gần.

Tăng Trưởng GDP Qua Các Năm



Nguồn: GSO, World Bank

Diễn biến lãi suất có thể làm gia tăng chi phí vận hành của Công Ty

Lãi suất luôn đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Các biến động về lãi suất có thể làm gia tăng chi phí vay vốn và từ đó tác động chi phí vận hành và kết quả hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm cả Công Ty.

Tính đến thời điểm cuối năm 2019, chi phí lãi vay bằng tiền Đồng của Công Ty rơi vào khoảng bình quân 11%/năm. Mọi biến động đối với lãi suất vay cũng sẽ tác động đến chi phí vận hành và từ đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công Ty. Từ đầu năm 2020 đến nay, NHNN đã nhiều lần hạ mặt bằng lãi suất so với mức bình quân 9%-11% vào thời điểm cuối năm 2019. Tuy nhiên, đây được xem là động thái của NHNN nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sau các ảnh hưởng từ dịch bệnh COVID-19 cũng như giúp kích thích nền kinh tế hoạt động sôi nổi trở lại. Công Ty không thể cam kết rằng các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng sẽ không tăng lãi suất cũng như việc NHNN sẽ không tăng lãi suất trung tâm trong thời gian tới. Bất kỳ sự gia tăng lãi suất nào trong thời gian tới cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí vay và do đó ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả của hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Nền kinh tế Việt Nam vẫn còn phải chịu các rủi ro gắn liền với một nền kinh tế mới nổi

Nền kinh tế Việt Nam vẫn phải chịu các rủi ro gắn liền với nền kinh tế mới nổi. Các nhà đầu tư tại các thị trường mới nổi, như Việt Nam, nên lưu ý rằng các thị trường mới nổi này có thể tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn các nền kinh tế đã phát triển, trong một số trường hợp bao gồm rủi ro đáng kể về kinh tế và pháp lý. Hơn thế nữa, những thay đổi chính sách quản lý của nhà nước cũng như việc diễn giải về mặt pháp lý đối với pháp luật áp dụng có thể gây ra các hệ quả không lường trước mà có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh trong nước. Các nhà đầu tư cũng nên lưu ý rằng các nền kinh tế mới nổi như nền kinh tế Việt Nam thường biến đổi một cách nhanh chóng. Do đó, các nhà đầu tư nên thận trọng trong việc đánh giá các rủi ro có liên quan và từ đó đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp có tính đến các rủi ro đó. Nhìn chung, hoạt động đầu tư ở các thị trường mới nổi chỉ phù hợp cho những nhà đầu tư có tổ chức và chuyên nghiệp và có khả năng đánh giá một cách toàn diện tầm quan trọng của các rủi ro có liên quan.

Xếp hạng tín dụng của Việt Nam và các công ty Việt Nam giảm có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến khả năng huy động vốn của Công Ty

Công ty xếp hạng tín dụng Standard & Poor's Financial Services và các cơ quan xếp hạng tín dụng khác có thể sẽ hạ xếp hạng tín dụng của Việt Nam hoặc của các công ty Việt Nam. Việc hạ xếp hạng như vậy có thể ảnh hưởng bất lợi đến tính thanh khoản trong các thị trường tài chính của Việt Nam, đến khả năng của Chính Phủ và các doanh nghiệp Việt Nam, bao gồm cả Công Ty, trong việc huy động vốn bổ sung, và có thể tác động đến lãi suất và các điều khoản thương mại khác mà việc huy động vốn bổ sung được thực hiện trên cơ sở lãi suất và các điều khoản thương mại khác đó. Tất cả các yếu tố đó có thể tác động bất lợi đáng kể đến Công Ty.

2. Rủi Ro Về Luật Pháp

Những quy định pháp luật của Việt Nam và các chính sách liên quan đến ngành năng lượng ảnh hưởng đến hoạt động của Công Ty

Trong các loại hình NLTT, ĐMT và điện gió đều sử dụng một diện tích đất đáng kể, và điều này gây khó khăn cho các dự án liên quan đến khâu đền bù, giải phóng mặt bằng, chẳng hạn như việc các phần diện tích lớn đã được sang nhượng cho các nhà đầu tư khác trước đó, và doanh nghiệp muốn triển khai phát triển đầu tư vào ngành năng lượng cũng khó tiếp cận được quỹ đất với vị trí và chi phí hợp lý. Hiện nay, Nhà Nước cũng đã có các chính sách cụ thể để giao đất cho doanh nghiệp làm dự án ĐMT và điện gió tuy nhiên vẫn đang trong quá trình hoàn thiện về quy định để có thể tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư dự án năng lượng.

Ngoài ra, chính sách giá mua bán điện của Nhà nước vẫn có thể chưa hoàn toàn phù hợp với mặt bằng chung của thị trường năng lượng, và Công Ty cũng chịu quy định chuyên ngành như Luật Doanh nghiệp, Luật Điện lực, Luật Đất đai, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường và các thông tư, nghị định liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện, dẫn đến việc rất nhiều thủ tục và điều kiện mà Công Ty sẽ phải đáp ứng. Tuy nhiên, Nhà nước đã thúc đẩy và khuyến khích các dự án về năng lượng, đặc biệt là ĐMT, cùng với việc thị trường cạnh tranh bán buôn chính thức đi vào vận hành, hệ thống pháp lý ngành Điện sẽ có những thay đổi phù hợp về vận hành thị trường điện, chính sách ưu đãi đầu tư, thuế,... ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Những thay đổi cơ bản đối với các quy định pháp luật của Việt Nam có thể tác động không tích cực đến hoạt động của Công Ty

Do phần lớn hoạt động kinh doanh của Công Ty hiện đang được tiến hành tại Việt Nam, cho nên toàn bộ các hoạt động của Công Ty đều chịu sự điều chỉnh của pháp luật và các quy định của Việt Nam.

Khi hệ thống pháp luật Việt Nam phát triển, người ta kỳ vọng rằng sự không nhất quán và không chắc chắn của các quy định pháp luật sẽ được giải thích và làm rõ theo các quy định pháp luật mới và các luật cũ sẽ được thay thế hoặc sửa đổi. Khó có thể dự đoán được khi nào hệ thống pháp luật của Việt Nam sẽ đạt được mức chắc chắn và có tính tiên liệu được như hệ thống pháp luật của các nền kinh tế phát triển khác. Mặt khác, việc công nhận và cho thi hành phán quyết của tòa án, trung tâm trọng tài và các cơ quan hành chính Việt Nam trong trường hợp có tranh chấp xảy ra vẫn còn chưa chắc chắn.

Pháp luật thuế Việt Nam có thể thay đổi

Tất cả các luật và quy định về các khoản thuế chính ở Việt Nam (bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, phí bản quyền) đã được ban hành và được sửa đổi, bổ sung trong quá trình thi hành, áp dụng và sử dụng để đáp ứng yêu cầu thực tiễn khi có các vấn đề phát sinh trong quá trình thu và nộp thuế. Những thay đổi về mức thuế hoặc các quy định pháp luật về thuế có thể được tiếp tục điều chỉnh hoặc các cách diễn giải khác nhau về pháp luật và chính sách thuế ở Việt Nam

ll

có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của Công Ty và làm tăng nghĩa vụ thuế mà Công Ty phải chịu.

Để hạn chế rủi ro này, Công Ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật, theo sát đường lối chủ trương của Chính Phủ. Từ đó, xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và phù hợp với từng thời kỳ. Ngoài ra, bộ phận pháp lý của Công Ty cũng được tăng cường và củng cố khi tuyển dụng các luật sư có bằng cấp và kinh nghiệm nhằm tư vấn kịp thời những cập nhật mới nhất về pháp luật cho Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban có liên quan

3. Rủi Ro Đặc Thù Liên Quan Đến Ngành, Công Ty, Lĩnh Vực Hoạt Động Của Công Ty

Hoạt động kinh doanh của Công Ty đòi hỏi vốn đầu tư lớn, tính sẵn có của nguồn vốn đó có thể bị hạn chế

Đặc thù đầu tư các dự án NLTT đòi hỏi nguồn vốn lớn và phụ thuộc vào khả năng huy động vốn từ các nguồn khác nhau, do đó GEC cần nguồn vốn bổ sung lớn để tài trợ cho các dự án mà GEC đang có kế hoạch mua và/hoặc đầu tư và phát triển.

Sự sẵn sàng về vốn từ các nguồn bên ngoài và chi phí tài trợ như vậy phụ thuộc vào một số yếu tố không nằm trong khả năng kiểm soát của Công Ty, điển hình như:

- Các điều kiện thị trường vốn và kinh tế nói chung như lãi suất, hạn mức tín dụng của các ngân hàng;
- Các thay đổi trong quy định của pháp luật liên quan đến các tổ chức tín dụng và chứng khoán có thể ảnh hưởng tới các nỗ lực huy động vốn của Công Ty; và
- Diễn biến tình hình kinh tế ở Việt Nam và trên thế giới.

Công Ty không thể bảo đảm sẽ nhận được tài trợ cần thiết từ các nguồn lực bên ngoài vào thời điểm, với giá trị hoặc với chi phí đủ để đáp ứng các yêu cầu của Công Ty. Ngoài sự sẵn có về vốn từ các nguồn bên ngoài, thu nhập của Công Ty cũng sẽ được sử dụng một phần để tài trợ cho các dự án năng lượng và nguồn thu nhập đó lại phụ thuộc vào doanh thu từ các hoạt động hiện tại vốn phụ thuộc vào nhu cầu của khách hàng và các điều kiện của thị trường. Nếu Công Ty không thể bảo đảm có đủ vốn nội bộ hoặc vốn bên ngoài để tài trợ cho các dự án, khả năng thực hiện hoặc hoàn thành các dự án này có thể bị ảnh hưởng và gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Công Ty.

Hoạt động kinh doanh của Công Ty có thể gặp phải các rủi ro do các yếu tố liên quan đến thời tiết

Hiện nay, GEC là một trong số rất ít những doanh nghiệp niêm yết hoạt động trong Ngành điện với nhiều loại hình điện khác nhau bao gồm Thủy điện, ĐMT và đang mở rộng sang lĩnh vực Điện gió. Việc đa dạng hóa danh mục dự án một mặt góp phần đa dạng hóa nguồn doanh thu, mặt khác nhằm phân tán các rủi ro đặc thù do phải phụ thuộc nhiều vào tình hình thời tiết tự nhiên như lưu lượng nước, cường độ nắng và tốc độ gió,....

Các NMTĐ chịu ảnh hưởng trực tiếp và quyết định của điều kiện thời tiết. Nắng hạn kéo dài, lượng mưa thấp sẽ ảnh hưởng đến nguồn nước, dẫn đến giảm sút sản lượng điện. Ngược lại, nếu tần suất mưa lớn kéo dài gây lũ quét cũng có thể gây hư hại tổn thất cho các công trình đập của nhà máy, gây ra sự cố và phát sinh thêm chi phí duy tu sửa chữa. Các NMTĐ có dung tích hồ chứa lớn, nếu không chuẩn bị kỹ trong việc đảm bảo an toàn hồ, đập, phòng chống thiên tai, nguy cơ mất an toàn hạ du là rất lớn khi xảy ra các hiện tượng xói mòn tự nhiên, động đất. Đó là những yếu tố rủi ro chi phối lớn nhất đến hoạt động

cu

sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên khi lập dự án đầu tư xây dựng, Công Ty đã tuân thủ đúng và đầy đủ theo quy trình quản lý đầu tư xây dựng, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong việc thiết kế xây dựng công trình Thủy điện nhằm đảm bảo công trình được an toàn khi có những tác động bất lợi xảy ra như bão, lũ,...

Bên cạnh đó, Công Ty đã chủ động xây dựng quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình đập NMTĐ nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình đập theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng. Cụ thể, đập phải thường xuyên kiểm tra và quan trắc nhằm xác định các tác nhân từ bên ngoài có thể gây mất an toàn cho đập. Việc thực hiện quan trắc đập bao gồm quan trắc biến dạng công trình đất, quan trắc độ lún bản thân công trình, quan trắc độ lún của nền, quan trắc chuyển vị ngang, quan trắc bằng mắt thường các khe nứt, sự hư hỏng. Vào thời điểm tháng 4 và tháng 12 hàng năm, Công Ty tiến hành kiểm tra công tác đập trước, trong và sau mùa lũ. Hàng năm, vào thời điểm trước khi bước vào mùa lũ, Công ty tiến hành kiểm tra, đánh giá chung về ổn định đập; phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão các Bộ, Ngành, Địa phương để xây dựng hoặc cập nhật, bổ sung phương án phòng, chống lụt, bão của đập và phương án phòng chống lũ, lụt vùng hạ du. Sau khi kết thúc mùa lũ, Công Ty tiến hành kiểm tra rà soát lại các hạng mục công trình nhằm phát hiện các hư hỏng nếu có; theo dõi diễn biến các hư hỏng đã có của đập, tổng kết rút kinh nghiệm công tác phòng chống lụt, bão; đề xuất biện pháp và kế hoạch sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, tồn tại. Định kỳ không quá 5 năm kể từ ngày kiểm định gần nhất, Công Ty sẽ thuê đơn vị tư vấn kiểm định an toàn đập đo đạc nhằm đánh giá mức độ an toàn đập, kiểm tra năng lực công trình qua quá trình khai thác, sử dụng để kịp thời có những đề xuất duy tu, bảo dưỡng, khôi phục, sửa chữa, nâng cấp đập.

Công Ty có thể gặp phải các rủi ro phát sinh từ việc phát triển ô ạt các dự án ĐMT lên hệ thống điện quốc gia

Trong những năm gần đây, cơ chế khuyến khích phát triển ĐMT tại Việt Nam thông qua các QĐ số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 và QĐ số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của TTCP đã góp phần cho sự phát triển bùng nổ đối với Ngành NLTT nói chung và ĐMT nói riêng. Đến cuối năm 2020, tổng công suất lắp đặt về ĐMT trên cả nước đã đạt tới khoảng 19.400 MWp (trong đó có gần 9.300 MWp là ĐMT Áp mái), tương ứng khoảng 16.500 MW - xấp xỉ 25% tổng công suất lắp đặt nguồn điện của hệ thống điện Quốc gia, một số lượng lớn các nhà máy ĐMT đi vào vận hành trong thời gian ngắn đã và đang gây không ít khó khăn, thách thức cho công tác vận hành hệ thống điện. Nguyên nhân là do tính chất bất ổn định, phụ thuộc vào thời tiết của loại hình nguồn điện này. Bên cạnh đó, việc phát triển nóng và ô ạt các dự án ĐMT tập trung tại một số Tỉnh như Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk đã gây ra hiện tượng quá tải lưới 110 kV, 220 kV tại các Khu vực trên.

Tổ chức phải đối mặt rủi ro liên quan đến chính sách giá điện và dự phòng

Mặc dù giá bán ĐMT đối với các nhà máy vận hành trước 30/6/2019 là 9,35 cents/kWh và Điện gió vận hành trước 1/11/2021 là 9,8 Uscents/kWh và 8,5 Uscents/kWh tương ứng cho các dự án ngoài khơi và trên bờ, được áp dụng trong vòng 20 năm tuy nhiên doanh thu của các nhà máy sẽ được quy đổi dựa vào tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước ban hành. Tỷ giá này sẽ được chốt vào thời điểm mỗi cuối tháng khi Công Ty xuất hóa đơn cho EVN. Chính vì vậy, sự biến động của tỷ giá trung tâm của đồng Đô la Mỹ có tác động trực tiếp tới doanh thu của Công Ty. Tuy nhiên, trong suốt giai đoạn từ cuối năm 2018 cho đến nay, tỷ giá trung tâm vẫn đang ổn định trong giai đoạn hiện tại tuy nhiên vẫn duy trì xu thế tăng trong dài hạn, do đó nhân tố này đang có tác động tích cực tới kết quả kinh doanh của Công Ty.

Đối với các NMTĐ, do thuộc quy mô vừa và nhỏ nên được áp dụng Biểu giá Chi phí tránh được. Theo Thông tư số 32/2014/TT-BCT, Biểu giá Chi phí tránh được là biểu giá được tính toán căn cứ vào các chi phí tránh được của hệ thống điện quốc gia khi có 1 kWh công suất phát từ NMTĐ nhỏ được phát lên lưới



điện phân phối, trong đó chi phí tránh được là chi phí sản xuất 1 kWh của tổ máy phát có chi phí cao nhất trong hệ thống điện quốc gia, chi phí này có thể tránh được nếu bên mua mua 1 kWh từ một NMTĐ nhỏ thay thế. Biểu phí này sẽ được áp dụng cho (1) các nhà máy có công suất nhỏ hơn hoặc bằng 30 MW và toàn bộ điện năng được sản xuất từ NLTT hoặc (2) bên bán có nhiều NMTĐ bậc thang trên cùng một dòng sông mà tổng công suất đặt của các nhà máy này nhỏ hơn hoặc bằng 60 MW vận hành trước 01/01/2020. Hàng năm, Bộ Công Thương sẽ ban hành quyết định về biểu giá này để áp dụng trong năm tài chính tương ứng. Việc biểu giá được thay đổi hàng năm có thể khiến các doanh nghiệp khó chủ động trong việc lên kế hoạch kinh doanh, tuy nhiên, trong các năm gần đây, biểu giá này đều có xu hướng tăng nhẹ, trở thành một yếu tố tích cực giúp cải thiện doanh thu của các nhà máy Thủy điện.

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành, kể từ ngày 1/1/2015, các công ty phải lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo quy định và chính sách áp dụng đối với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công Ty. Theo đó, Công Ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án. Tuy nhiên, do hiện nay Công Ty chưa thu thập đủ thông tin và số liệu cần thiết để có thể trích lập khoản dự phòng này một cách chính xác, do đó, vào thời điểm cuối năm 2020 và tại 30/09/2021, Công Ty đã không thực hiện trích lập dự phòng cho khoản chi phí này trên BCTC, tuy nhiên, Công Ty đã thực hiện thuyết minh khoản chi phí này trên BCTC như một khoản nợ tiềm tàng để đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Công Ty phải chịu rủi ro liên quan đến vị trí triển khai dự án và điều kiện tự nhiên

Một trong những rào cản lớn nhất của các dự án Năng lượng Mặt trời nằm ở diện tích đất. Các dự án Năng lượng Mặt trời cần một diện tích đất rất lớn để lắp đặt các tấm pin năng lượng. Ở một đất nước có mật độ dân số cao như Việt Nam, tìm được những diện tích đất lớn không ảnh hưởng tới quy hoạch dân cư và đất nông nghiệp không phải là dễ dàng. Đó là chưa kể tới diện tích đất lớn sẽ cần có thời gian giải phóng mặt bằng lâu, đây là trở ngại lớn nhất ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án ĐMT tại Việt Nam. Một số nhà đầu tư đã lựa chọn lắp đặt các tấm pin Mặt trời trên mặt hồ nước. Tuy nhiên, sự dao động bất thường của mực nước trên các hồ thực sự là thách thức không nhỏ. Ví dụ như Hồ Thủy điện Yaly hay Plei-krông dao động mực nước lên tới 25-40 m thì rất khó có thể tính toán tới việc thực hiện các dự án ĐMT. Hơn nữa, số hồ nước có diện tích rộng và điều kiện lý tưởng để lắp đặt các tấm pin Mặt trời cũng không phải là nhiều.

Bên cạnh đó, các dự án Điện Gió và ĐMT phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên. Đối với ĐMT thì vào ban đêm hoặc trong những ngày nhiều mây và mưa thì nguồn năng lượng sẽ trở nên yếu hơn và không đủ để cung cấp. Điện Gió thì phụ thuộc nhiều vào chế độ gió, nếu chế độ gió không ổn định thì tuabin gió hoạt động kém hiệu quả dẫn đến tính không liên tục của nguồn năng lượng này. Ngoài ra, địa hình xây dựng các tuabin gió cũng rất quan trọng, nếu đó là khu vực vùng biển hoặc gần vùng biển thì các tuabin dễ bị hơi muối biển phá hủy. Ngoài ra, để đầu nối các dự án ĐMT hay Điện Gió vào hệ thống quốc gia đòi hỏi phải có các giải pháp kỹ thuật để đổi dòng điện. Trong một hệ thống điện, nếu tỷ trọng ĐMT và Điện Gió lớn thì tần số của hệ thống sẽ bị thay đổi liên tục, có thể dẫn đến sụp đổ tần số, sụp đổ hệ thống điện.

Dòng tiền, doanh thu và kết quả hoạt động của Công Ty phụ thuộc vào tiến độ thực hiện thi công và thời điểm hoàn thành dự án

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công Ty cùng kết quả hoạt động của Công Ty phụ thuộc nhiều vào tiến độ thi công và việc hoàn thiện thành công các dự án mà Công Ty đang dự định thực hiện và có thể có biến động khá lớn từ giai đoạn tài chính này sang giai đoạn tài chính khác.

Việc chậm thi công có thể dẫn tới tổn thất doanh thu và tăng chi phí. Vì vậy, nếu quá trình thi công hoặc hoàn thiện các dự án của Công Ty bị trì hoãn thì dòng tiền mặt của Công Ty từ việc nghiệm thu các dự án,

doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty có thể biến động lớn và làm giảm khả năng chi trả cho các dự án khác của Công Ty. Điều này có thể có tác động tiêu cực nghiêm trọng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công Ty.

4. Rủi Ro Liên Quan Đến Trái Phiếu

Quyền đối với Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể bị hạn chế

Theo quy định tại các văn kiện Trái Phiếu có liên quan, khi xảy ra một sự kiện vi phạm, Người Sở Hữu Trái Phiếu phải thực hiện quyền của mình đối với Trái Phiếu thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chứ không được tự mình chủ động thực hiện quyền.

Việc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền này cũng phụ thuộc vào các điều kiện khác, ví dụ như trong một số trường hợp Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được tuyên bố xảy ra sự kiện vi phạm và yêu cầu Công Ty mua lại Trái Phiếu nếu có nghị quyết chấp thuận của những Người Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc chỉ được tiến hành các thủ tục tố tụng đối với Công Ty sau khi Công Ty không đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ mua lại của mình.

Đây là những quy định chặt chẽ, có thể ảnh hưởng đến quyền tự quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu. Vì thế Công Ty khuyến nghị nhà đầu tư nên tham khảo ý kiến tư vấn đầy đủ trước khi đầu tư vào Trái Phiếu.

5. Rủi Ro Khác

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, hoạt động của Công Ty còn chịu ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, hỏa hoạn, đình công, đảo chính, chiến tranh, ... là những sự kiện ít gặp trong thực tế, ngoài tầm kiểm soát, khả năng phòng ngừa và dự kiến của Công Ty, Mặc dù Công Ty đã mua bảo hiểm rủi ro tài sản cho các tài sản của mình, các rủi ro này, nếu xảy ra, sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Niêm Yết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Ông Tân Xuân Hiến	Chức vụ: Chủ Tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thái Hà	Chức vụ: Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Thùy Vân	Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
Bà Trần Thị Hồng Thắm	Chức vụ: Giám đốc tài chính kiêm Kế Toán Trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG (“TCBS”)

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Chức vụ: Tổng Giám đốc (văn bản ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu Hiền thực hiện một số công việc liên quan đến hoạt động của TCBS số 010/2018/UQ-CT ngày 14/08/2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị)
-------------------------------	--

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn chào bán trái phiếu ra công chúng, bảo lãnh phát hành và tư vấn niêm yết với Công ty Cổ Phần Điện Gia Lai. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ Phần Điện Gia Lai cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Bản Cáo Bạch:	Bản cáo bạch này
BCTC:	Báo cáo tài chính
Bên Bảo Lãnh/TTCI:	Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công
BKS:	Ban Kiểm soát
BCT:	Bộ Công thương
CMND/CCCD:	Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân
CO ₂ :	Khí Cacbon dioxit
COD	Vận hành thương mại
COP21:	Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu
CP:	Cổ phần
CTCP:	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
ĐKDN:	Đăng ký doanh nghiệp
ĐMT:	Điện mặt trời
DTT:	Doanh thu thuần
EPC:	Thiết kế, mua sắm và xây dựng
EVN:	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
FIT:	Biểu giá điện hỗ trợ năng lượng tái tạo
GEC/Công Ty/ Tổ Chức Niêm Yết:	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 09 tháng 09 năm 2010 và được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm
GTGT:	Giá trị gia tăng
HĐQT:	Hội đồng Quản trị
HOSE:	Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

LNST:	Lợi nhuận sau thuế
Luật Chứng Khoán:	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019
Luật Doanh Nghiệp:	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020
M&A:	Mua bán sáp nhập
MW:	Megawatt
MWp:	Megawatt-peak
NHNN:	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NLTT:	Năng lượng tái tạo
NMTĐ:	Nhà máy thủy điện
Nghị Định 155:	Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán
Nghị Quyết Phê Duyệt Phương Án Phát Hành:	Nghị Quyết số 16/2021/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 06 năm 2021, Nghị Quyết số 27/2021/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 07 năm 2021, Nghị Quyết số 37/2021/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 08 năm 2021 của HĐQT của Tổ Chức Niêm Yết và các nghị quyết sửa đổi, bổ sung khác tại từng thời điểm
Người Sở Hữu Trái Phiếu	Chủ sở hữu của Trái Phiếu và là tổ chức/cá nhân có thông tin được ghi trong Sổ Đăng Ký. Để tránh nhầm lẫn, nếu Trái Phiếu đã được đăng ký với VSD, việc xác định “Người Sở Hữu Trái Phiếu” phải tuân theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, và các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng).
Sổ Đăng Ký	Có nghĩa là một sổ đăng ký Người Sở Hữu Trái Phiếu do tổ chức thực hiện việc đăng ký và quản lý chuyên nhượng đối với Trái Phiếu lập và lưu giữ theo ủy quyền của Tổ Chức Niêm Yết
Sở Giao Dịch Chứng Khoán	Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và/hoặc (các) công ty con nơi Trái Phiếu được niêm yết và/hoặc giao dịch tập trung

SKHĐT:	Sở Kế hoạch và Đầu tư
TCBS:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương
TGD:	Tổng Giám đốc
Thuế GTGT:	Thuế giá trị gia tăng
Thuế TNDN/ TTNDN:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
TTCK:	Thị trường chứng khoán
TTCP:	Thủ tướng Chính phủ
UBCKNN:	Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
USD:	Đô la Mỹ
World Bank:	Ngân hàng thế giới
Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật	có nghĩa là bất kỳ văn bản nào được liệt kê tại các Điều 2, 4, 172.2 và 172.4 của Luật Ban Hành Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật số 80/2015/QH13 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 22 tháng 6 năm 2015, (như được sửa đổi tại từng thời điểm), và trong trường hợp các Điều trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thì sẽ bao gồm cả bất kỳ văn bản nào mà sau đó được định nghĩa là một văn bản quy phạm pháp luật theo quy định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của các Điều đó.
VND/Đồng/Đồng Việt Nam	Tiền Đồng Việt Nam
VĐL	Vốn điều lệ
VSD:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam


Các từ ngữ, khái niệm khác được sử dụng trong Bản Cáo Bạch nhưng không được giải thích/định nghĩa trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích/định nghĩa trong các mục khác của Bản Cáo Bạch.

ul

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm Tắt Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển:

1.1. Giới Thiệu Chung Về Tổ Chức Niêm Yết

- Tên Tổ Chức Niêm Yết (tên đầy đủ) : Công ty Cổ phần Điện Gia Lai
- Tên Tổ Chức Niêm Yết viết bằng tiếng nước ngoài : Gia Lai Electricity Joint Stock Company
- Tên viết tắt : GEC
- Logo : 
- Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 09 tháng 09 năm 2010, thay đổi lần thứ 20 ngày 28 tháng 10 năm 2021
- Trụ sở chính : 114 Trường Chinh, phường Phù Đổng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam
- Điện thoại : (84.269) 3823 604
- Fax : (84.269) 3826 365
- Website : www.gec.com.vn
- Vốn điều lệ đã đăng ký : 3.037.155.260.000 VND
- Vốn điều lệ thực góp : 3.037.155.260.000 VND
- Người đại diện theo pháp luật : Ông **Tân Xuân Hiến** – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Mã cổ phiếu : GEG
- Sàn niêm yết : HOSE
- Ngành nghề kinh doanh chính :

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Sản xuất điện	3511 (Chính)

1.2. Quá Trình Hình Thành, Phát Triển

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai tiền thân là Công ty Thủy điện Gia Lai Kon Tum, là doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo quyết định số 22/UBND ngày 01/6/1989 của UBND tỉnh Gia Lai - Kon Tum. Sau khi cổ phần hóa, Công Ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ năm 2010. Các sự kiện quan trọng trong quá trình hoạt động của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai được trình bày dưới đây:

1989	Bắt đầu xây dựng NMTĐ đầu tiên: Ia Đrăng 2 – 1,2 MW.
1992	Ngày 22/12/1992: đổi tên thành Xí nghiệp Thủy điện Ia Đrăng II.
1994	Ngày 20/04/1994: đổi tên thành Công ty Thủy điện Gia Lai.
1995	Ngày 24/10/1995: đổi tên thành Công ty Điện Gia Lai.
2010	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 9/9/2010: IPO thành công 26.143.593 cổ phần trên HOSE. Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (GEC). Vốn điều lệ tại thời điểm cổ phần hóa: 261,4 tỷ Đồng.
2011	Trở thành Công ty đại chúng theo công văn số 4454/UBCK-QLPH ngày 22/12/2011 của UBCKNN.
2012	Ngày 6/6/2012, Công ty hoàn tất tăng vốn điều lệ lên 522,9 tỷ đồng thông qua phát hành riêng lẻ cho các cổ đông chiến lược.
2013	Ngày 18/1/2013, chính thức trở thành thành viên của Tập đoàn TTC – Tập đoàn kinh tế tư nhân đa ngành sau khi TTC hoàn tất các giao dịch mua cổ phần từ các cổ đông khác với số lượng 13.040.034 cổ phần, tương đương 24,94% vốn điều lệ tại Công Ty. GEC được xác định là đơn vị tiên phong, hạt nhân của Tập đoàn TTC trong lĩnh vực Năng lượng.
2014	Ngày 29/08/2014, Công ty tăng vốn điều lệ lên 601,3 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 9% và trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 6%.
2015	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 11/08/2015, Công ty tăng vốn điều lệ lên 721,6 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 9% và trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 11%. Ngày 11/11/2015, Công ty tăng vốn điều lệ lên 744,9 tỷ đồng thông qua việc phát hành thêm 2,33 triệu cổ phần để hoán đổi với cổ đông của 2 doanh nghiệp cùng ngành là Công ty cổ phần Ayun Thượng và Công ty cổ phần Điện Cao su Gia Lai, tỷ lệ hoán đổi là 1:1.
2016	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 30/6/2016: Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC – Ngân hàng Thế giới và Quỹ Năng lượng sạch Armstrong – Singapore chính thức trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài của GEC với tỷ lệ hơn 35% vốn điều lệ của Công Ty thông qua hình thức mua lại cổ phần của các cổ đông hiện hữu của Công Ty. GEC mở rộng hoạt động kinh doanh sang loại hình năng lượng tái tạo và định hướng trở thành nhà phát triển năng lượng tái tạo kiểu mẫu của Việt Nam. Sở hữu 14 nhà máy thủy điện với tổng công suất là 84,1 MW.
2017	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 21/03/2017, Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai chính thức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao

	<p>dịch là GEG. Số lượng cổ phần đăng ký giao dịch tại ngày giao dịch đầu tiên là 74.490.339 cổ phiếu, tương đương với 100% số lượng cổ phần của Công Ty. Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 20.000 đồng/ cổ phiếu.</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày 21/06/2017, Công ty tăng vốn điều lệ lên 893,9 tỷ đồng sau khi chia cổ phiếu tỷ lệ 20%. Ngày 26/10/2017, Công ty tăng vốn điều lệ lên 970,9 tỷ đồng. Thông qua việc phát hành thêm 7,7 triệu cổ phần để hoán đổi với cổ đông của Công ty cổ phần Điện Tây Nguyên, tỷ lệ hoán đổi là 1:1.
2018	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 10 năm 2018, Công ty thực hiện chào bán thành công 97.091.275 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1. Sau khi kết thúc đợt chào bán, vốn điều lệ của Công ty là 1.942 tỷ đồng. Cũng trong năm 2018, Công ty chính thức vận hành hai nhà máy Điện mặt trời đầu tiên của Việt Nam tại Huế và Gia Lai với tổng công suất 117 MWp. Danh mục dự án hoạt động: 14 NMTĐ – 84,1 MW, 2 nhà máy ĐMT – 117 MWp.
2019	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 6 năm 2019, Công ty tăng vốn lên 2.039 tỷ đồng thông qua phát hành hơn 9.7 triệu cổ phiếu theo chương trình ưu đãi lựa chọn người lao động trong công ty. Đưa vào vận hành thương mại thêm 03 nhà máy ĐMT Đức Huệ 1 - 49 MWp, Hàm Phú 2 – 49 MWp và Trúc Sơn – 44,4 MWp. Chuyển sàn thành công 203,94 triệu cổ phiếu niêm yết lên HOSE. Mua lại cổ phần chi phối tại Công ty Cổ phần Năng lượng V.P.L, là đơn vị sở hữu dự án Điện Gió V.P.L Bến Tre với tổng công suất thiết kế cả 2 giai đoạn lên tới 60 MW. Danh mục dự án hoạt động: 14 NMTĐ – 85,1 MW; 5 nhà máy ĐMT – 260 MWp.
2020	<ul style="list-style-type: none"> Chuyển nhượng thành công 588.000 cổ phần thông qua hình thức bán đấu giá số lượng cổ phần chuyển nhượng tương ứng 65,33% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc – Ayun Hạ, đơn vị sở hữu NMTĐ Kênh Bắc có công suất 1 MW nhằm mục đích tập trung nguồn lực nhân sự, tài chính cho các dự án năng lượng tái tạo tiềm năng. Danh mục dự án đang vận hành: 13 NMTĐ – 84,1 MW; 5 nhà máy ĐMT – 260 MWp và hệ thống ĐMT Áp mái với công suất 32 MWp. Tháng 11 năm 2020, Công ty tiếp tục tăng vốn lên 2.712 tỷ đồng thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và chào bán cho cổ đông hiện hữu.
2021	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 10 năm 2021, Công ty tăng vốn lên 3.037,2 tỷ đồng thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu, chào bán cho cổ đông hiện hữu và phát hành ưu đãi cho cán bộ công nhân viên. Phần vốn tăng thêm đã được thực hiện niêm yết bổ sung theo Quyết định số 607/QĐ-SGDHCM ngày 01/11/2021 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh Hoàn tất vận hành thương mại (COD) đối với 3 nhà máy điện gió: Ia Bang (50MW), Tân Phú Đông 2 (50MW) và VPL (30MW)

Hiện nay Công Ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900181213 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 09 tháng 09 năm 2010, được sửa đổi lần thứ 20 ngày 28 tháng 10 năm 2021 với vốn điều lệ là 3.037.155.260.000 VND.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Kể từ ngày cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần đến nay, Công Ty đã thực hiện 10 lần tăng vốn điều lệ từ 261.435.930.000 VND lên 3.037.155.260.000 VND, chi tiết như sau:

ST T	Thời gian tăng vốn	Vốn tăng thêm (VND)	Vốn sau phát hành (VND)	Hình thức phát hành	Số lượng phát hành (cổ phiếu)	Giá phát hành (Đồng)/ Tỷ lệ phân bổ quyền	Cơ sở pháp lý
1	Tháng 06 năm 2012	261.435.930.000	522.871.860.000	- Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược.	26.143.593	Giá phát hành: 12.000 đồng/ cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/4/2012 Nghị quyết HĐQT số 28/2012/NQ-HĐQT ngày 22/5/2012 Công văn của UBCKNN số 1687/UBCK-QLPH ngày 23/5/2012 V/v chào bán cổ phần riêng lẻ. Giấy chứng nhận ĐKDN cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 06/6/2012.
2	Tháng 08 năm 2014	78.430.420.000	601.302.280.000	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. - Phát hành cổ phiếu thưởng cho Cổ đông hiện hữu. 	7.843.042	<ul style="list-style-type: none"> - Cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 6% - Cổ phiếu thưởng tỷ lệ 9% 	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2014 Nghị quyết HĐQT số 07/2014/NQ-HĐQT ngày 15/5/2014 Công văn của UBCKNN số 4610/UBCK-QLPH ngày 07/8/2014 V/v báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Giấy chứng nhận ĐKDN cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 29/8/2014
3	Tháng 08 năm 2015	120.258.690.000	721.560.970.000	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. - Phát hành cổ phiếu thưởng cho Cổ đông hiện hữu. 	12.025.869	<ul style="list-style-type: none"> - Cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 11% - Cổ phiếu thưởng tỷ lệ 9% 	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/6/2015 Nghị quyết HĐQT số 09/2015/NQ-HĐQT ngày 08/7/2015 Công văn chấp thuận của UBCK Nhà Nước số 3173/UBCK-QLPH ngày 12/6/2015 Công văn của UBCKNN số 4773/UBCK-QLPH

ST T	Thời gian tăng vốn	Vốn tăng thêm (VND)	Vốn sau phát hành (VND)	Hình thức phát hành	Số lượng phát hành (cổ phiếu)	Giá phát hành (Đồng)/ Tỷ lệ phân bổ quyền	Cơ sở pháp lý
							<p>ngày 30/7/2015 V/v báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.</p> <ul style="list-style-type: none"> Giấy chứng nhận ĐKDN cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 11/8/2015
4	Tháng 11 năm 2015	23.342.420.000	744.903.390.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu Công ty cổ phần Ayun Thượng và Công ty cổ phần Điện Cao su Gia Lai để sáp nhập vào Tổ chức phát hành	2.334.242	Tỷ lệ hoán đổi và thực hiện quyền 1:1	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2015 Nghị quyết HĐQT số 07/2015/NQ-HĐQT ngày 7/5/2015 V/v thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014 và phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu. Giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu để hoán đổi của UBCKNN số 66/GCN-UBCK ngày 04/9/2015 Công văn của UBCK Nhà Nước số 6632/UBCK-QLPH ngày 21/10/2015 V/v báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi. Giấy chứng nhận ĐKDN cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 11/11/2015
5	Tháng 6 năm 2017	148.979.850.000	893.883.240.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	14.897.985	- Cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 20%	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2017 Nghị quyết HĐQT số 05/2017/NQ-HĐQT ngày 11/5/2017 V/v thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016 Công văn chấp thuận của UBCK Nhà Nước số 2834/UBCK-QLCB ngày 22/5/2017. Công văn số 4190/UBCK-QLCB ngày 20/6/2017 của UBCK Nhà Nước v/v báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của CTCP Điện Gia Lai. Giấy chứng nhận ĐKDN cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 21/6/2017

ST T	Thời gian tăng vốn	Vốn tăng thêm (VND)	Vốn sau phát hành (VND)	Hình thức phát hành	Số lượng phát hành (cổ phiếu)	Giá phát hành (Đồng)/ Tỷ lệ phân bổ quyền	Cơ sở pháp lý
6	Tháng 10 năm 2017	77.029.510.000	970.912.750.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu Công ty cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên để sáp nhập vào Tổ chức phát hành	7.702.951	Tỷ lệ hoán đổi và thực hiện quyền 1:1	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2017 Nghị quyết HĐQT số 06/2017/NQ-HĐQT ngày 07/6/2017 V/v triển khai Phương án sáp nhập Nghị quyết HĐQT số 07/2017/NQ-HĐQT ngày 07/6/2017 V/v thông qua hồ sơ đăng ký phát hành thêm cổ phiếu hoán đổi để thực hiện sáp nhập TIC vào GEC Giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu để hoán đổi của Ủy ban CKNN số 52/GCN-UBCK ngày 19/9/2017 Công văn của UBCK Nhà Nước số 7141/UBCK-QLPH ngày 24/10/2017 V/v báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi. Giấy chứng nhận ĐKDN cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 26/10/2017.
7	Tháng 10 năm 2018	970.912.750.000	1.941.825.500.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	97.091.275	<p>- Giá chào bán lần 1: 10.000 Đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ phân bổ quyền 1:1</p> <p>- Giá chào bán lần 2 cho cổ đông lớn: 10.500 Đồng/cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu chào bán lần 2: 1.410.296 cổ phiếu</p>	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2018 NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/3/2018 Nghị quyết HĐQT số 13/2018/NQ-HĐQT ngày 24/4/2018 V/v bổ sung, triển khai Phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng Nghị quyết HĐQT số 14/2018/NQ-HĐQT ngày 24/4/2018 V/v thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban CKNN số 44/GCN-UBCK ngày 22/8/2018 Thông báo phát hành cổ phiếu ra công chúng ngày 26/8/2018 Công văn của UBCK Nhà Nước số 6942/UBCK-QLPH ngày 11/10/2018 V/v báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng Giấy chứng nhận ĐKDN cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 16/10/2018.

ST T	Thời gian tăng vốn	Vốn tăng thêm (VND)	Vốn sau phát hành (VND)	Hình thức phát hành	Số lượng phát hành (cổ phiếu)	Giá phát hành (Đồng)/ Tỷ lệ phân bổ quyền	Cơ sở pháp lý
8	Tháng 6 năm 2019	97.091.270.000	2.038.916.770.000	Phát hành cho cán bộ nhân viên	9.709.127	- Giá chào bán: 11.000 Đồng/ cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> • Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2019. • Nghị quyết HĐQT số 11/2019/NQ-HĐQT ngày 15/05/2019 về việc phê duyệt Phương án phát hành cổ phiếu ESOP và phê duyệt danh sách cụ thể CBCNV được quyền mua cổ phiếu ESOP và quy chế phát hành cổ phiếu cho CBCNV. • Công văn chấp thuận số 3133/UBCK-QLCB ngày 22/5/2019 của UBCK nhà nước. • Thông báo nhận được kết quả chào bán ra công chúng số 3666/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 14/06/2019. • Giấy chứng nhận ĐKDN cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 24/06/2019.
9	Tháng 11 năm 2020	672.835.110.000	2.711.751.880.000	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. - Phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu. 	67.283.511	<ul style="list-style-type: none"> - Cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 10%. - Giá chào bán 10.000 Đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ phân bổ quyền 4:1 	<ul style="list-style-type: none"> • Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/06/2020 • Nghị quyết HĐQT số 16/2021/NQ-HĐQT ngày 24/06/2020 về việc triển khai phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019. • Nghị quyết HĐQT số 18/2020/NQ-HĐQT ngày 24/06/2020 về việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu. • Nghị quyết HĐQT số 23/2020/NQ-HĐQT ngày 16/07/2020 về việc điều chỉnh, triển khai Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu • Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN số 178/GCN-UBCK ngày 08/09/2020 • Thông báo của UBCKNN nhận được báo cáo kết quả chào bán ra công chúng của GEG số 6606/UBCK-QLCB ngày 03/11/2020

lu

ST T	Thời gian tăng vốn	Vốn tăng thêm (VND)	Vốn sau phát hành (VND)	Hình thức phát hành	Số lượng phát hành (cổ phiếu)	Giá phát hành (Đồng)/ Tỷ lệ phân bổ quyền	Cơ sở pháp lý
10	Tháng 10 năm 2021	325.403.380.000	3.037.155.260.000	- Phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu.	32.541.504 cổ phiếu	- Cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 4%. - Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: 10.000 Đồng/ cổ phiếu. Tỷ lệ phân bổ quyền: 100:6. - Giá chào bán cho cán bộ nhân viên: 10.000 Đồng/ cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> • Giấy chứng nhận ĐKDN cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 04/11/2020. • Giấy chứng nhận ĐKDN cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 13/11/2020. • Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2021 về việc Phương án chi trả cổ tức năm 2020. • Nghị quyết ĐHĐCĐ số 07/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2021 về việc thông qua Phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2021. • Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2021 về việc thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Người lao động trong công ty năm 2021. • Nghị quyết HĐQT số 15/2021/NQ-HĐQT ngày 04/06/2021 về việc Phê duyệt Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020; việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động; Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu của GEC. • Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 131/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 9/8/2021 • Thông báo của UBCKNN về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của GEG số 5994/UBCK-QLCB ngày 06/10/2021. • Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900181213 thay đổi lần thứ 19 ngày 11 tháng 10 năm 2021

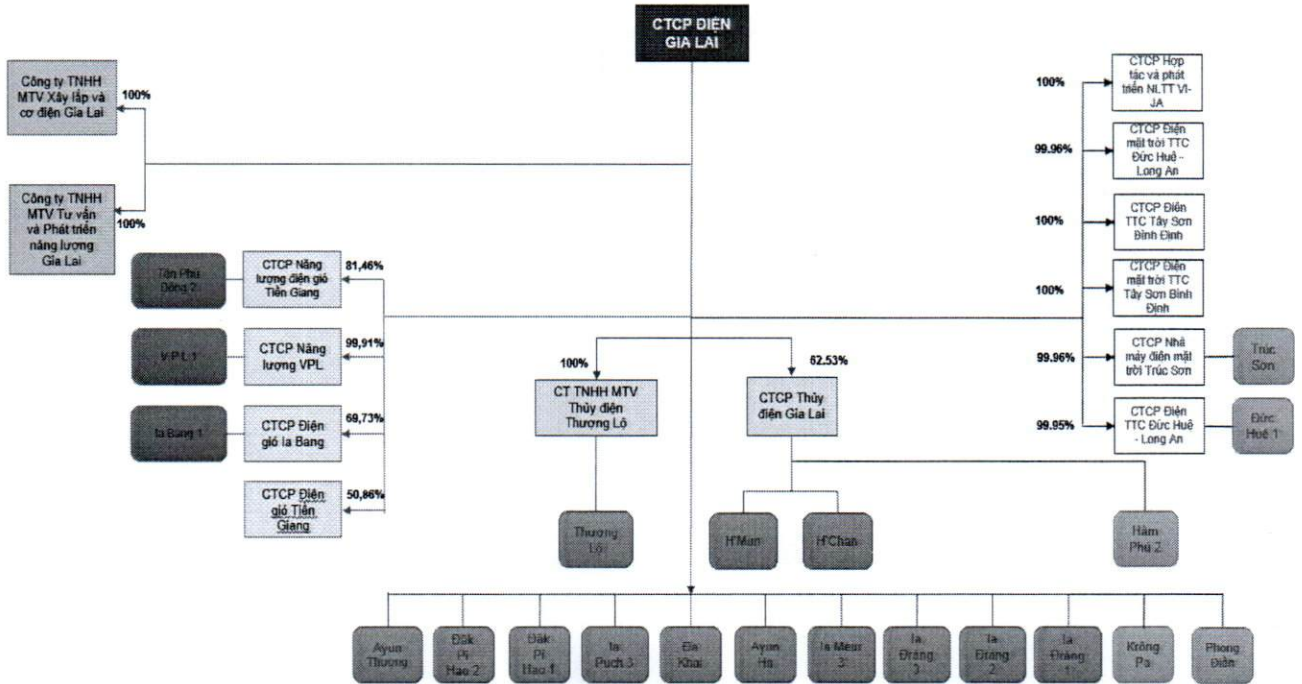
Nguồn: Tổ Chức Niêm Yết

lu

Công Ty cam kết những thông tin trên là chính xác, những lần thay đổi vốn điều lệ đều tuân thủ đúng quy định Pháp luật chuyên ngành, và thực hiện báo cáo đầy đủ theo quy định của cơ quan chức năng, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Cơ Cấu Tổ Chức Công Ty

Tại đến ngày lập Bản Cáo Bạch này, cơ cấu tổ chức của Công Ty được trình bày trong sơ đồ dưới đây:

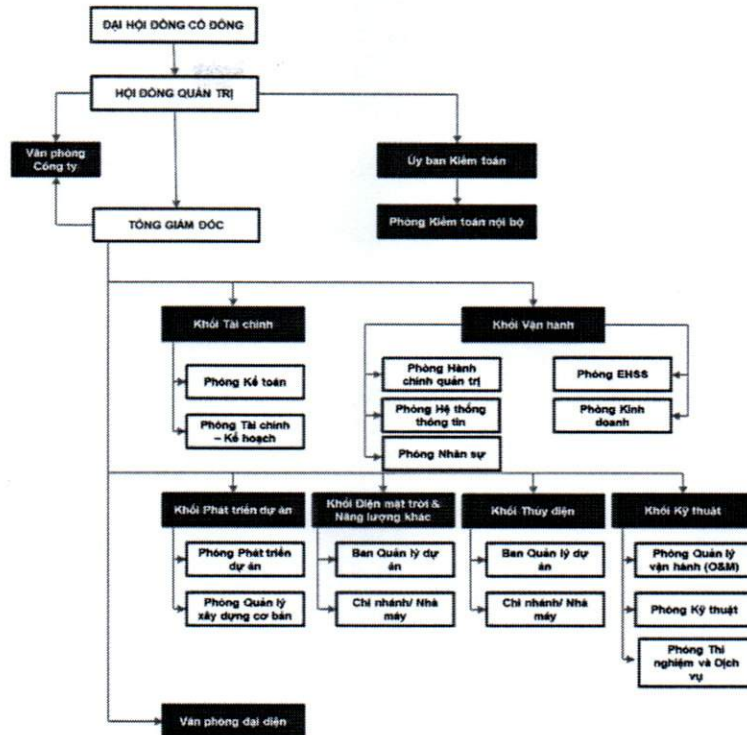


3. Cơ Cấu Bộ Máy Quản Lý Của Công Ty

Tổ chức và hoạt động của Công Ty căn cứ vào các văn bản sau đây:

- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 17 tháng 6 năm 2020, cùng các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
- Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm;
- Điều Lệ;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Tính đến ngày lập Bản Cáo Bạch này, cơ cấu quản lý của Tổ Chức Niêm Yết như sau:



Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổ Chức Niêm Yết theo mô hình công ty cổ phần bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng Quản trị;
- Ủy ban kiểm toán;
- Tổng Giám đốc;
- Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Khối, Phòng, ban, bộ phận chuyên môn.

3.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông

- ĐHDCĐ bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty.
- ĐHDCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
 - Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - Báo cáo của HĐQT;
 - Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - Thông qua định hướng phát triển Công Ty.
- ĐHDCĐ thông qua quyết định về các vấn đề sau bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản:
 - Số lượng thành viên của HĐQT;
 - Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán;
 - Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên HĐQT;

- Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và báo cáo tiền thù lao của HĐQT;
- Sửa đổi, bổ sung điều lệ Công Ty;
- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công Ty và chỉ định người thanh lý;
- Thay đổi tên, trụ sở Công Ty;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT gây thiệt hại cho Công Ty và các cổ đông của Công Ty;
- Công ty hoặc các chi nhánh của Công Ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty và các chi nhánh của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định của Công Ty.

3.2. Hội Đồng Quản Trị

- Là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty trừ những thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát các hoạt động của Ban TGD và những cán bộ quản lý khác trong Công Ty.
- Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do pháp luật, điều lệ Công Ty và nghị quyết ĐHĐCĐ quy định, cụ thể như sau:
 - Giám sát TGD và các người điều hành khác;
 - Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
 - Quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, các chế độ khác đối với TGD và các người điều hành khác của Công Ty theo đề nghị của TGD; Ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với TGD và người điều hành khác của công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở một công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - Quyết định cơ cấu tổ chức của Công Ty;
 - Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với và người điều hành khác của Công Ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - Quyết định việc phát hành trái phiếu và đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;
 - Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - Đề xuất phương án phân phối lợi nhuận hàng năm lên ĐHĐCĐ;
 - Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công Ty;

- Quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này;
- Xây dựng quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình ĐHĐCĐ thông qua.
- Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:
 - Thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công Ty;
 - Thành lập, tổ chức lại, giải thể, phá sản các Công ty con của Công Ty;
 - Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác của Công Ty, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, khoản 1 và khoản 3 điều 167 của Luật doanh nghiệp phải được ĐHĐCĐ phê chuẩn.
 - Quyết định và bãi nhiệm những người được công ty ủy nhiệm làm đại diện thương mại, luật sư của Công Ty;
 - Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công Ty;
 - Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - Việc định giá các tài sản góp vào công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền và nhiệm vụ của mình;
 - Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công Ty.

HĐQT do ĐHĐCĐ Tổ Chức Niêm Yết bầu ra. HĐQT hiện tại gồm sáu (06) thành viên, trong đó có một thành viên là chủ tịch HĐQT.

3.3. Ủy Ban Kiểm Toán

- Công Ty có Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT theo quy định tại Điều 137 và Điều 161 Luật Doanh nghiệp;
- Cơ cấu, thành phần, các tiêu chuẩn của Thành viên Ủy ban kiểm toán; quyền và nghĩa vụ, cuộc họp và chi phí hoạt động của Ủy ban Kiểm toán được quy định tại Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty và các văn bản khác có liên quan của Công Ty;

3.4. Ban Tổng Giám Đốc

- TGD công ty là người quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về trách nhiệm quản lý điều hành công ty. Các Phó TGD và Kế toán trưởng hỗ trợ TGD thực hiện các công việc theo sự phân công.
- Quyền và nhiệm vụ của TGD:
 - Thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của công ty đã được ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua;
 - Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của HĐQT bao gồm việc tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường ngày của công ty, thay mặt công ty

tu

ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại theo những thông lệ quản lý tốt nhất và theo đúng quy định quản lý nội bộ của công ty;

- Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
- Chậm nhất đến hết ngày 30 tháng 11 hàng năm, TGD phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm.
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của công ty theo kế hoạch kinh doanh.
- Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin theo quy định của pháp luật và các quy chế của Công Ty;
- Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích khác, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức điều hành công ty, quy chế quản lý nội bộ công ty;
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của điều lệ này và các quy chế của công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của TGD và pháp luật.

3.5. Chức Năng, Nhiệm Vụ Chính Của Các Phòng Ban

STT	Tên đơn vị	Lĩnh vực phụ trách	Chức năng, nhiệm vụ
1	Ủy ban Kiểm toán	Kiểm toán nội bộ	<p>Ủy ban Kiểm toán là đơn vị trực thuộc HĐQT, có vai trò tham mưu cho HĐQT các công việc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giám sát việc quản lý điều hành Công Ty; - Tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành Công Ty.
2	Văn phòng Công ty	Trợ lý - thư ký HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> - Cầu nối giữa các cơ quan: HĐQT, Ủy ban Kiểm toán, Ban TGD, các doanh nghiệp mà Công Ty có vốn góp (nếu có), các Cơ quan bên ngoài; - Tham mưu cho HĐQT về các chức năng quản trị; - Tổ chức thực hiện các nghiệp vụ hành chính và thư ký cho HĐQT.
		Trợ lý - thư ký Ban TGD	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu mối thông tin giữa Ban TGD với các đơn vị trong Công Ty; - Tham mưu các vấn đề thuộc thẩm quyền điều hành của Ban TGD;

lu

			- Tổ chức, thực hiện nghiệp vụ thư ký/trợ lý cho Ban TGD.
		Chính sách	- Lập kế hoạch văn bản lập quy hàng năm;
			- Phối hợp với các Đơn vị xây dựng hoặc giám sát, hướng dẫn việc xây dựng văn bản lập quy;
			- Thẩm định tính hệ thống, hình thức các dự thảo văn bản pháp quy;
			- Quản lý, phân phối, lưu trữ văn bản lập quy;
			- Phối hợp phổ biến nội dung các văn bản lập quy.
		Quản lý Cổ đông và Quan hệ Nhà đầu tư	- Quản lý cổ đông, cổ phần, cổ phiếu; - Hoạt động quan hệ Nhà đầu tư.
		Pháp chế	- Tư vấn và phổ biến pháp luật;
			- Đại diện tố tụng và ngoài tố tụng cho Công Ty;
			- Tham mưu xây dựng Hệ thống phân công - phân quyền/ủy quyền.
3	Khối Tài chính	Tài chính -Kế hoạch	- Quản lý tài chính;
			- Đầu tư tài chính;
			- Hoạch định, quản lý và điều phối kế hoạch của toàn Công Ty;
			- Tham mưu các vấn đề về hoạch định, theo dõi, đánh giá hoặc điều phối kế hoạch.
		Kế toán	- Quản lý những công việc thuộc nghiệp vụ kế toán theo đúng quy định pháp luật;
			- Tham mưu cho Ban Lãnh đạo về công tác Kế toán Quản trị của Công Ty;
			- Quản lý ngân quỹ, chứng từ có giá.
4	Khối vận hành	Nhân sự	- Hoạch định, tuyển dụng và quản lý nguồn nhân lực; - Tham mưu cho Ban Lãnh đạo về công tác thiết lập các chính sách liên quan đến nguồn nhân lực. - Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

		Hành chính quản trị	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý văn thư, y tế, thương hiệu, chi phí và tài sản thuộc văn phòng, tòa nhà, bất động sản; - Công tác lễ tân; - Công tác hành chính phục vụ; - Quản lý hoạt động mua sắm của Công Ty; - Bảo vệ mục tiêu an ninh; - Quản lý sử dụng xe;
		Hệ thống thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu và phát triển các giải pháp công nghệ thông tin phục vụ cho nhu cầu phát triển của Công Ty; - Xây dựng - triển khai và vận hành các hệ thống công nghệ thông tin của Công Ty; - Quản lý - khai thác - bảo mật các hệ thống thông tin của Công Ty; - Phối hợp với các bộ phận khác trong việc xây dựng - áp dụng - đánh giá và cải tiến các quy trình hoạt động của các bộ phận; - Phối hợp với các bộ phận khác trong việc định hướng, xây dựng, triển khai và áp dụng các chương trình - chủ trương cải tiến - đổi mới trong Công Ty; - Phối hợp với các bộ phận khác trong việc thu thập dữ liệu, thông tin về hiệu quả và năng suất của các lĩnh vực nghiệp vụ và hoạt động bên trong Công Ty, từ đó đề xuất xây dựng các chương trình, hành động cải tiến đổi mới nhằm tăng năng suất hoạt động trong Công ty.
		Môi trường, Sức khỏe, An toàn, Xã hội (EHSS)	<ul style="list-style-type: none"> - Điều phối, thực hiện và giám sát các hoạt động liên quan đến Môi trường, Sức khỏe, An toàn, Xã hội (EHSS); - Đảm bảo các quy định liên quan đến EHSS của Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế mà Công Ty đã cam kết.
		Kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý hoạt động bán điện cho EVN; - Quản lý kinh doanh điện toàn Công ty; - Quản lý kinh doanh các dịch vụ làm phát sinh doanh thu của Công Ty.
5	Khởi Phát triển dự án	Phát triển dự án	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác M&A các dự án; - Hợp tác phát triển dự án; - Khảo sát và xin chủ trương thực hiện dự án; - Tư vấn quản lý dự án; - Quản lý việc phát hành chứng chỉ NLTT.

		Quản lý xây dựng cơ bản	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng định mức nội bộ trong công tác xây dựng cơ bản của Công Ty; - Thực hiện việc lập, thẩm tra dự toán, quyết toán; - Thực hiện công tác quản lý, triển khai dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công Ty; - Thực hiện công tác quản lý, triển khai sửa chữa hạng mục công trình xây dựng cơ bản.
6	Khối Thủ tục điện, Khối ĐMT và Năng lượng khác	Ban Quản lý dự án	- Quản lý dự án theo Quy chế tổ chức hoạt động của từng Ban.
		Vận hành nhà máy điện	<ul style="list-style-type: none"> - Các Ban Quản lý dự án; - Sản xuất điện năng; - Bảo dưỡng, sửa chữa; - Quản lý nhân sự vận hành.
		Hành chính, tổng hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác hành chính, nhân sự; - Kế toán đơn vị trực thuộc.
		Kinh doanh bán lẻ điện	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh bán lẻ điện; - Điều độ, quản lý đường dây; - Quản lý vật tư phục vụ bán lẻ điện.
7	Khối Kỹ thuật	Quản lý vận hành (O&M)	- Quản lý vận hành các nhà máy ĐMT và điện gió.
		Kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý vận hành NMTĐ; - Quản lý kỹ thuật; - Thực hiện công tác quản lý sửa chữa các hạng mục cơ, điện; - Nghiên cứu các giải pháp về thiết bị và công nghệ cho Nhà máy điện.
		Thí nghiệm và Dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm; - Dịch vụ kỹ thuật điện; - Kiểm định kỹ thuật an toàn.
8	Văn phòng đại diện	Hành chính, tổng hợp	- Hành chính, tổng hợp tại đơn vị trực thuộc.

4. Danh Sách Cổ Đông Năm Giữ Từ Trên 5% Vốn Cổ Phần Của Công Ty; Danh Sách Cổ Đông Sáng Lập Và Tỷ Lệ Cổ Phần Năm Giữ; Cơ Cấu Cổ Đông

4.1. Danh Sách Cổ Đông Sáng Lập Bị Hạn Chế Chuyển Nhượng: Không có

4.2. Danh Sách Cổ Đông Lớn Nắm Giữ Từ Trên 5% Vốn Cổ Phần Của Công Ty

Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổ Chức Niêm Yết tại ngày 12/10/2021 như sau:

S T T	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/Mã số giao dịch chứng khoán	Địa chỉ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Quý AVH PTE. LTD	CB0328	9 Battery Road, #28-01 MYP Centre, Singapore (049910)	63.054.166	20,76%
2	CTCP Đầu tư Thành Thành Công	0301466073	253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	54.053.893	17,80%
3	International Financial Corporation (IFC)	CS6041	2121 Pennsylvania Avenue, NW, Washington, DC	41.716.831	13,74%
4	CTCP Xuất nhập khẩu Bến Tre (Betrimex)	1300104040	Lô K, CCN - TTCN Phong Năm, Xã Phong Năm, H.Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre	27.495.952	9,05%
5	Công ty cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa	3900244389	Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	21.802.158	7,18%
Tổng cộng				208.123.001	68,53%

Nguồn: Danh sách chốt cổ đông chốt tại ngày 12/10/2021 của Tổ Chức Niêm Yết

4.3. Cơ Cấu Cổ Đông

Cơ cấu cổ đông của Tổ Chức Niêm Yết tại ngày 12/10/2021 như sau:

TT	Danh mục	Số lượng	Số cổ phần nắm giữ	% Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
I	Cổ đông trong nước	2.866	196.123.536	64,57
1	Cá nhân	2.837	67.112.527	22,10
2	Tổ chức	29	129.011.009	42,48
II	Cổ đông nước ngoài	50	107.591.990	35,43
1	Cá nhân	32	456.682	0,15

2	Tổ chức khác	18	107.135.308	35,27
3	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00
	TỔNG CỘNG	2.916	303.715.526	100

Nguồn: Danh sách chốt cổ đông tại ngày 12/10/2021 của Tổ Chức Niêm Yết

5. Danh Sách Những Công Ty Mẹ Và Công Ty Con Của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, Những Công Ty Mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết Đang Nắm Giữ Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần Chi Phối, Những Công Ty Nắm Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần Chi Phối Đối Với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

5.1. Danh Sách Những Công Ty Mẹ Nắm Giữ Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần Chi Phối Đối Với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Không có

5.2. Công Ty Con Sở Hữu Trực Tiếp Mà Tổ Chức Niêm Yết Đang Nắm Giữ Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần/ Phần Vốn Góp Chi Phối Tại Ngày 30/9/2021

STT	Công Ty
1.	Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai (GCC)
	<ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 30/08/2011 Địa chỉ: 114 Trường Chinh, phường Phù Đổng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình công nghiệp; Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình Thủy điện; Xây dựng công trình thủy lợi; Xây dựng công trình giao thông; Xây dựng đường dây điện và trạm biến áp từ 35KV trở xuống; Kinh doanh vận tải hàng hóa. Gia công cơ khí (Chi tiết: Gia công sản phẩm cơ khí trong các lĩnh vực năng lượng: Thủy điện, Nhiệt điện, Phong điện; lĩnh vực công nghiệp, lâm nghiệp, nông nghiệp); xử lý và tráng phủ kim loại; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (Chi tiết: Sửa chữa sản phẩm kim loại đúc sẵn trong các lĩnh vực năng lượng: Thủy điện, Nhiệt điện, Phong điện; lĩnh vực công nghiệp, lâm nghiệp, nông nghiệp); Sửa chữa thiết bị điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Sửa chữa máy móc, thiết bị (Chi tiết: Sửa chữa máy móc, thiết bị trong các lĩnh vực năng lượng: Thủy điện, Nhiệt điện, Phong điện; lĩnh vực công nghiệp, lâm nghiệp, nông nghiệp); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Mua bán máy móc thiết bị điện, thiết bị công nghiệp, động cơ điện, máy biến thế, máy móc thiết bị phụ tùng khai khoáng); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 5900798510 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 30/08/2011, thay đổi lần thứ 09 ngày 13 tháng 10 năm 2020 Điện thoại/Fax: 84-2693503544

lll

	<ul style="list-style-type: none"> Vốn điều lệ đăng ký: 17.000.000.000 VND Vốn góp của Tổ Chức Niêm Yết tại công ty con theo giá trị giao dịch: 17.197.314.737 VND Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổ Chức Niêm Yết tại công ty con: 100%
2.	Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai (GHC)
	<ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 23/05/2002 Địa chỉ: 114 Trường Chinh, phường Phù Đổng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện; Đầu tư xây dựng các công trình Thủy điện vừa và nhỏ; Giám sát thi công xây dựng các công trình xây dựng dân dụng - công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình xây dựng thủy lợi - Thủy điện Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23/05/2002, thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 11 năm 2021. Điện thoại/Fax: (0269) 3830013 Vốn điều lệ đăng ký: 476.625.000.000 VND Vốn góp của Tổ Chức Niêm Yết tại công ty con theo giá trị giao dịch: 354.242.730.932 VND Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổ Chức Niêm Yết tại các công ty con: 60,59%
3.	Công ty TNHH MTV Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai
	<ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 14/12/2012 Địa chỉ: 114 Trường Chinh, phường Phù Đổng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Tư vấn thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Tư vấn giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi, thủy điện; Tư vấn thiết kế cơ điện công trình; Tư vấn giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình điện; Tư vấn thiết kế hệ thống điện, đường dây và trạm biến áp đến 110kV; Tư vấn lập quy hoạch, tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cơ khí, đường dây và trạm biến áp đến 110kV; Tư vấn khảo sát địa hình; Tư vấn thiết kế công trình xây dựng cầu đường). Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 5900944828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 14/12/2012, thay đổi lần thứ 06 ngày 21 tháng 01 năm 2021 Điện thoại/Fax: 0914013659 Vốn điều lệ đăng ký: 1.500.000.000 VND Vốn góp của Tổ Chức Niêm Yết tại công ty con theo giá trị giao dịch: 1.500.000.000 VND Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổ Chức Niêm Yết tại các công ty con: 100%
4.	Công ty TNHH MTV Thủy điện Thượng Lộ (GTLC)
	<ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 02/04/2013

	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: 189 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế • Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất truyền tải và phân phối điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị. • Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 3301515921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 02/04/2013, thay đổi lần thứ 4 ngày 25 tháng 12 năm 2018. • Điện thoại/Fax: 0243. 3933913 • Vốn điều lệ đăng ký: 70.000.000.000 VND • Vốn góp của Tổ Chức Niêm Yết tại công ty con theo giá trị giao dịch: 81.206.201.240 VND • Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổ Chức Niêm Yết tại các công ty con: 100%
5.	Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ Long An
	<ul style="list-style-type: none"> • Ngày thành lập: 28/08/2017 • Địa chỉ: Số nhà 90, Đường 838, Khu phố 2, Thị trấn Đông Thành, Huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An • Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất truyền tải và phân phối điện. • Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 1101860490 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 28/08/2017, thay đổi lần thứ 5 ngày 15 tháng 12 năm 2020 • Điện thoại/Fax: 0981173453 • Vốn điều lệ đăng ký: 371.000.000.000 VND • Vốn góp của Tổ Chức Niêm Yết tại công ty con theo giá trị giao dịch: 426.296.000.000 VND • Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổ Chức Niêm Yết tại các công ty con: 99,95%
6.	Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời TTC Đức Huệ Long An
	<ul style="list-style-type: none"> • Ngày thành lập: 28/08/2017 • Địa chỉ: Số nhà 90, Đường 838, Khu phố 2, Thị trấn Đông Thành, Huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An • Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất truyền tải và phân phối điện. • Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 1101860483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 28/08/2017, thay đổi lần thứ 1 ngày 28 tháng 02 năm 2019 • Điện thoại/Fax: 0915431768 • Vốn điều lệ đăng ký: 324.000.000.000 VND • Vốn góp của Tổ Chức Niêm Yết tại công ty con theo giá trị giao dịch: 371.199.520.000 VND

	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổ Chức Niêm Yết tại các công ty con: 99,96%
7.	Công ty Cổ phần Điện TTC Tây Sơn Bình Định
	<ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 08/09/2017 Địa chỉ: Xóm 2, Thôn Kiên Ngãi, Xã Bình Thành, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất truyền tải và phân phối điện. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 4101495490 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 08/09/2017 Vốn điều lệ đăng ký: 207.000.000.000 VND Vốn góp của Tổ Chức Niêm Yết tại công ty con theo giá trị giao dịch: 207.000.000.000 VND Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổ Chức Niêm Yết tại các công ty con: 100%
8.	Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời TTC Tây Sơn Bình Định
	<ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 08/09/2017 Địa chỉ: Xóm 2, Thôn Kiên Ngãi, Xã Bình Thành, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất truyền tải và phân phối điện. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 4101495483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 08/09/2017 Vốn điều lệ đăng ký: 207.000.000.000 VND Vốn góp của Tổ Chức Niêm Yết tại công ty con theo giá trị giao dịch: 2.550.000.000 VND Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổ Chức Niêm Yết tại các công ty con: 100%
9.	Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt Trời Trúc Sơn
	<ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 26/10/2018 Địa chỉ: 6 Ngô Quyền, Thị trấn Ea T-Ling, Huyện Cư Jut, Tỉnh Đắk Nông Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất truyền tải và phân phối điện năng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 6400396685 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 26/10/2018, thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 02 năm 2021 Vốn điều lệ đăng ký: 349.000.000.000 VND Vốn góp của Tổ Chức Niêm Yết tại công ty con theo giá trị giao dịch: 348.843.130.000 VND Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổ Chức Niêm Yết tại các công ty con: 99,96%
10.	Công ty Cổ phần Năng lượng VPL
	<ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 10/3/2017 Địa chỉ: 16 Hai Bà Trưng, Phường An Hội, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

	<ul style="list-style-type: none"> • Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất truyền tải và phân phối điện. • Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 1301026028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 10/3/2017, thay đổi lần thứ 5 ngày 05 tháng 02 năm 2021 • Điện thoại/Fax: 0918144015 • Vốn điều lệ đăng ký: 200.000.000.000 VND • Vốn góp của Tổ Chức Niêm Yết tại công ty con theo giá trị giao dịch: 229.799.900.000 VND • Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổ Chức Niêm Yết tại các công ty con: 99,91%
11.	Công ty Cổ phần Năng lượng Điện Gió Tiền Giang (TGE)
	<ul style="list-style-type: none"> • Ngày thành lập: 19/10/2018 • Địa chỉ: Số 08, Đường 30/4, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang • Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất truyền tải và phân phối điện. • Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 1201592559 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 19/10/2018, thay đổi lần thứ 6 ngày 20 tháng 5 năm 2021 • Vốn điều lệ đăng ký: 490.000.000.000 VND • Vốn góp của Tổ Chức Niêm Yết tại công ty con theo giá trị giao dịch: 399.150.000.000 VND • Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổ Chức Niêm Yết tại các công ty con: 81,46%
12.	Công ty Cổ phần Điện gió Ia Bang
	<ul style="list-style-type: none"> • Ngày thành lập: 06/05/2020 • Địa chỉ: Số 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai • Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất truyền tải và phân phối điện. • Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 5901142873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 06/05/2020, thay đổi lần thứ 2 ngày 05 tháng 04 năm 2021 • Vốn điều lệ đăng ký: 350.000.000.000 VND • Vốn góp của Tổ Chức Niêm Yết tại công ty con theo giá trị giao dịch: 258.000.000.000 VND • Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổ Chức Niêm Yết tại các công ty con: 69,73%
13.	Công ty Cổ phần Hợp tác và Phát triển Năng lượng tái tạo Vi – Ja
	<ul style="list-style-type: none"> • Ngày thành lập: 14/05/2020 • Địa chỉ: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh • Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất truyền tải và phân phối điện. • Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 0316274631 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 14/05/2020 • Vốn điều lệ đăng ký: 150.000.000.000 VND

	<ul style="list-style-type: none"> Vốn góp của Tổ Chức Niêm Yết tại công ty con theo giá trị giao dịch: 150.000.000.000 VND Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổ Chức Niêm Yết tại các công ty con: 100%
14.	Công ty Cổ phần Điện gió Tiền Giang
	<ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 05/05/2021 Địa chỉ: C32, Đường số 3, Mỹ Thạnh Hưng, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất truyền tải và phân phối điện. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 1201649290 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 05/05/2021 Vốn điều lệ đăng ký: 400.000.000.000 VND Vốn góp của Tổ Chức Niêm Yết tại công ty con theo giá trị giao dịch: 203.450.000.000 VND Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổ Chức Niêm Yết tại các công ty con: 50,86%
15.	Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo mới số 1
	<ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 13/09/2021 Địa chỉ: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất truyền tải và phân phối điện. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 0316957733 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 13/09/2021 Vốn điều lệ đăng ký: 180.000.000.000 VND Vốn góp của Tổ Chức Niêm Yết tại công ty con theo giá trị giao dịch: 197.700.000.000 VND Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổ Chức Niêm Yết tại các công ty con: 99,83%

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Đặc Điểm Hoạt Động Kinh Doanh

Các lĩnh vực hoạt động chính của GEC gồm: bán điện, bán hàng hóa, hợp đồng xây dựng và cung cấp dịch vụ. Trong đó, sản xuất và kinh doanh điện là lĩnh vực kinh doanh chủ đạo, đóng góp lớn nhất vào cơ cấu doanh thu và lợi nhuận hàng năm của Tổ Chức Niêm Yết.

GEC đang sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về điện, truyền tải và phân phối điện. Ngoài ra, GEC còn hoạt động kinh doanh thêm ở mảng lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đập đường và các công trình khác; tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện từ 110KV trở xuống); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ cho các dự án Thủy điện bên ngoài như tổng thầu EPC, dịch vụ quản lý dự án, dịch vụ tư vấn kỹ thuật và đầu tư tài chính, tư vấn quản lý dự án, thí nghiệm, cung cấp tủ bảng điện...

6.1.1. Hoạt động sản xuất và kinh doanh điện

60

• **Hệ Thống Nhà Máy Thủy Điện**

Qua hơn 31 năm đầu tư xây dựng và vận hành các dự án thủy điện, hiện GEC sở hữu trực tiếp và gián tiếp 13 NMTĐ tiềm năng với quy mô vừa và nhỏ có tổng diện tích: 1.290.840 m², sản lượng trung bình: 363,3 GWh/năm, tổng công suất: 84,1 MW tại khu vực Miền Trung - Tây Nguyên, đúng chuẩn loại hình năng lượng tái tạo. Dự án tập trung tại 3 khu vực Gia Lai, Lâm Đồng, Huế với tổng công suất 84 MW.

Danh sách hệ thống Nhà máy thủy điện:

STT	Nhà máy
1.	Ia Đrăng 1
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: xã Ia Đrăng, xã Ia Phìn, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai • Năm vận hành: 2002 • Diện tích nhà máy (m²): 41.929 • Công suất (MW): 0,6 • Nguồn nước sử dụng và lưu lượng nước: suối Ia Đrăng • Dung tích hồ chứa (triệu m³): 0,05 • Hiệu suất sử dụng (giờ/năm): 5.500 • Sản lượng trung bình (GWh/năm): 3,4 • Đặc điểm nổi bật của nhà máy: <ul style="list-style-type: none"> - Được gắn lưới bán lẻ với giá điện tương đối cao bình quân khoảng 1.700 đồng/kWh và giá bán buôn thỏa thuận. - Đây là cụm nhà máy duy nhất ở Việt Nam thuộc doanh nghiệp tư nhân được phép bán lẻ trực tiếp đến các đối tượng tiêu dùng.
2.	Ia Đrăng 2
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: xã Ia Đrăng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai • Năm vận hành: 1989 • Diện tích nhà máy (m²): 66.082 • Công suất (MW): 1,2 • Nguồn nước sử dụng và lưu lượng nước: suối Ia Đrăng • Dung tích hồ chứa (triệu m³): 0,012 • Hiệu suất sử dụng (giờ/năm): 5.416 • Sản lượng trung bình (GWh/năm): 6,5 • Đặc điểm nổi bật của nhà máy: <ul style="list-style-type: none"> - Được gắn lưới bán lẻ với giá điện tương đối cao bình quân khoảng 1,700 đồng/kWh và giá bán buôn thỏa thuận. - Đây là cụm nhà máy duy nhất ở Việt Nam thuộc doanh nghiệp tư nhân được phép bán lẻ trực tiếp đến các đối tượng tiêu dùng.
3.	Ia Đrăng 3
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: xã Ia Bông, xã Ia O, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai • Năm vận hành: 2005 • Diện tích nhà máy (m²): 24.690 • Công suất (MW): 1,6 • Nguồn nước sử dụng và lưu lượng nước: suối Ia Đrăng • Dung tích hồ chứa (triệu m³): 0,4 • Hiệu suất sử dụng (giờ/năm): 5.800 • Sản lượng trung bình (GWh/năm): 8,8



44

	<ul style="list-style-type: none"> • Đặc điểm nổi bật của nhà máy: <ul style="list-style-type: none"> - Được gắn lưới bán lẻ với giá điện tương đối cao bình quân khoảng 1,700 đồng/kWh và giá bán buôn thỏa thuận. - Đây là cụm nhà máy duy nhất ở Việt Nam thuộc doanh nghiệp tư nhân được phép bán lẻ trực tiếp đến các đối tượng tiêu dùng.
4.	Ia Meur 3
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: xã Ia Bông, xã Ia O, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai • Năm vận hành: 2005 • Diện tích nhà máy (m²): 63.888 • Công suất (MW): 1,8 • Nguồn nước sử dụng và lưu lượng nước: suối Ia Meur • Dung tích hồ chứa (triệu m³): 0,021 • Hiệu suất sử dụng (giờ/năm): 4.333 • Sản lượng trung bình (GWh/năm): 7,8 • Đặc điểm nổi bật của nhà máy: <ul style="list-style-type: none"> - Được gắn lưới bán lẻ với giá điện tương đối cao bình quân khoảng 1,700 đồng/kWh và giá bán buôn thỏa thuận. - Đây là cụm nhà máy duy nhất ở Việt Nam thuộc doanh nghiệp tư nhân được phép bán lẻ trực tiếp đến các đối tượng tiêu dùng.
5.	Ia Puch 3
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: xã Ia O, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai • Năm vận hành: 2009 • Diện tích nhà máy (m²): 147.148 • Công suất (MW): 6,6 • Nguồn nước sử dụng và lưu lượng nước: suối Puch • Dung tích hồ chứa (triệu m³): 0,117 • Hiệu suất sử dụng (giờ/năm): 4.638 • Sản lượng trung bình (GWh/năm): 30,61 • Đặc điểm nổi bật của nhà máy: <ul style="list-style-type: none"> - Được gắn lưới bán lẻ với giá điện tương đối cao bình quân khoảng 1,700 đồng/kWh và giá bán buôn thỏa thuận. - Đây là cụm nhà máy duy nhất ở Việt Nam thuộc doanh nghiệp tư nhân được phép bán lẻ trực tiếp đến các đối tượng tiêu dùng.
6.	Ayun Hạ
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: xã Ayun Pa, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai • Năm vận hành: 2001 • Diện tích nhà máy (m²): 6.069 • Công suất (MW): 3 • Nguồn nước sử dụng và lưu lượng nước: sông Ayun, lưu lượng qua tuabin 23,4 m³/s • Dung tích hồ chứa (triệu m³): 253 • Hiệu suất sử dụng (giờ/năm): 6.600 • Sản lượng trung bình (GWh/năm): 20 • Đặc điểm nổi bật của nhà máy: <ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng nguồn nước từ đập Thủy Lợi Ayun Hạ để phát điện nên lượng nước có đều quanh năm - Thuộc hai Nhà máy có hiệu suất sử dụng cao nhất hệ thống (số giờ vận hành lớn nhất)

	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo biểu giá Chi phí Tránh được (Biểu giá ưu đãi cho lĩnh vực NLTT)
7.	Đăk Pi Hao 1
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Xã Kon Chiêng, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai • Năm vận hành: 2014 • Diện tích nhà máy (m²): 66.082 • Công suất (MW): 5 • Nguồn nước sử dụng và lưu lượng nước: Suối ĐăkPiHao, lưu lượng trung bình năm 3,16 m³/s • Hiệu suất sử dụng (giờ/năm): 4.200 • Sản lượng trung bình (GWh/năm): 21 • Đặc điểm nổi bật của nhà máy: <ul style="list-style-type: none"> - Nhà máy có lưu lượng nước vào mùa khô ổn định. - Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo biểu giá Chi phí Tránh được (Biểu giá ưu đãi cho lĩnh vực NLTT)
8.	Đăk Pi Hao 2
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Xã Chợ Long, Huyện Ia Pa, Tỉnh Gia Lai • Năm vận hành: 2008 • Diện tích nhà máy (m²): 106.183 • Công suất (MW): 10 • Nguồn nước sử dụng và lưu lượng nước: Suối ĐăkPiHao (nhánh cấp 1 của Sông Ba) với lưu lượng trung bình năm 4,45 m³/s • Dung tích hồ chứa (triệu m³): 0,195 • Hiệu suất sử dụng (giờ/năm): 4.161 • Sản lượng trung bình (GWh/năm): 36,96 • Đặc điểm nổi bật của nhà máy: <ul style="list-style-type: none"> - Nhà máy có lưu lượng nước vào mùa khô ổn định. - Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo biểu giá Chi phí Tránh được (Biểu giá ưu đãi cho lĩnh vực NLTT)
9.	Thượng Lộ
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Xã Thượng Lộ, Huyện Nam Đông, Tỉnh Thừa Thiên Huế • Năm vận hành: 2015 • Diện tích nhà máy (m²): 44.284 • Công suất (MW): 6 • Nguồn nước sử dụng và lưu lượng nước: Suối Ba Ran, lưu lượng trung bình năm 12,9 m³/s • Dung tích hồ chứa (triệu m³): 4,03 • Hiệu suất sử dụng (giờ/năm): 3.000 • Sản lượng trung bình (GWh/năm): 18 • Đặc điểm nổi bật của nhà máy: <ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng được tối đa lưu lượng nguồn nước vào công tác phát điện giờ cao điểm tăng hiệu quả DT - Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo biểu giá Chi phí Tránh được (Biểu giá ưu đãi cho lĩnh vực NLTT)
10.	Đa Khai
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Xã Đar Sa-Đa Nhim, Huyện Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng • Năm vận hành: 2010 • Diện tích nhà máy (m²): 32.000

	<ul style="list-style-type: none"> • Công suất (MW): 8,1 • Nguồn nước sử dụng và lưu lượng nước: Nguồn nước thuộc lưu vực Sông Đa Nhim, lưu lượng trung bình năm 2,77 m³/s • Dung tích hồ chứa (triệu m³): 9,95 • Hiệu suất sử dụng (giờ/năm): 4.568 • Sản lượng trung bình (GWh/năm): 37 • Đặc điểm nổi bật của nhà máy: <ul style="list-style-type: none"> - Là Nhà máy duy nhất trong hệ thống có hồ chứa với dung tích hữu ích lớn, thuận lợi trong việc khai thác tối đa hiệu quả vận hành theo biểu giá Chi phí Tránh được và là NMTĐ có hiệu quả vận hành cao nhất hệ thống (tính theo mỗi MW đầu tư) - Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo biểu giá Chi phí Tránh được (Biểu giá ưu đãi cho lĩnh vực NLTT)
11.	Ayun Thượng
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Xã Lơ Pang, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai • Năm vận hành: 2011 • Diện tích nhà máy (m²): 642.696 • Công suất (MW): 12 • Nguồn nước sử dụng và lưu lượng nước: thuộc lưu vực sông Ayun • Dung tích hồ chứa (triệu m³): 4,54 • Hiệu suất sử dụng (giờ/năm): 4.200 • Sản lượng trung bình (GWh/năm): 50,4 • Đặc điểm nổi bật của nhà máy: <ul style="list-style-type: none"> - Thuộc nhóm Nhà máy có công suất lớn trong hệ thống, được xây dựng tại khu vực có lưu lượng nước tốt, số giờ vận hành lớn - Nhà máy đều quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo biểu giá Chi phí Tránh được (Biểu giá ưu đãi cho lĩnh vực NLTT)
12.	H'Chan
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Xã Đê Ar, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai • Năm vận hành: 2006 • Diện tích nhà máy (m²): 14.181 • Công suất (MW): 12 • Nguồn nước sử dụng và lưu lượng nước: thuộc lưu vực sông Ayun • Dung tích hồ chứa (triệu m³): 0,788 • Hiệu suất sử dụng (giờ/năm): 4.700 • Sản lượng trung bình (GWh/năm): 56,4 • Đặc điểm nổi bật của nhà máy: <ul style="list-style-type: none"> - Thuộc nhóm Nhà máy có công suất lớn trong hệ thống, được xây dựng tại khu vực có lưu lượng nước tốt, số giờ vận hành lớn - Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo biểu giá Chi phí Tránh được (Biểu giá ưu đãi cho lĩnh vực NLTT)
13.	H'Mun
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Xã Bar Măih, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai • Năm vận hành: 2010 • Diện tích nhà máy (m²): 19.493 • Công suất (MW): 16,2 • Nguồn nước sử dụng và lưu lượng nước: thuộc lưu vực sông Ayun

<ul style="list-style-type: none"> • Dung tích hồ chứa (triệu m³): 0,868 • Hiệu suất sử dụng (giờ/năm): 4.100 • Sản lượng trung bình (GWh/năm): 66,42 • Đặc điểm nổi bật của nhà máy: <ul style="list-style-type: none"> - Thuộc nhóm Nhà máy có công suất lớn trong hệ thống, được xây dựng tại khu vực có lưu lượng nước tốt, số giờ vận hành lớn - Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo biểu giá Chi phí Tránh được (Biểu giá ưu đãi cho lĩnh vực NLTT)
--

Các nhà máy đã tập trung công tác điều tiết nước tối ưu, đảm bảo công tác vận hành liên tục, giảm thiểu tối đa thời gian xử lý các sự cố. Đồng thời, công tác sửa chữa định kỳ được hoàn thành đúng kế hoạch, trong quá trình thực hiện luôn bám sát thực tế vận hành nhằm tối ưu hóa chi phí sửa chữa.

• **Hệ thống nhà máy Điện mặt trời**

Nhu cầu về năng lượng điện luôn xu hướng tăng cao khi nền kinh tế không ngừng phát triển mạnh, để đáp ứng nhu cầu cho tất cả thành phần kinh tế và góp phần đảm bảo an ninh năng lượng. Hiểu rõ năng lượng là nhu cầu, GEC đang từng bước trở thành một trong những đơn vị tư nhân dẫn đầu trong việc phát triển NLTT đa dạng, xanh, sạch và thân thiện với môi trường tại Việt Nam.

Cuối năm 2018, GEC đã đưa vào vận hành thương mại nhà máy ĐMT Phong Điền 48 MWp - Tỉnh Thừa Thiên Huế và nhà máy ĐMT Krông Pa 69 MWp - Tỉnh Gia Lai. Giá bán điện được hưởng mức ưu đãi tại thời điểm giao nhận điện là 9,35 cents/kWh, được áp dụng trong vòng 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại. Năm 2019, 03 (ba) công ty thành viên trực thuộc đã triển khai thi công 3 (ba) nhà máy ĐMT với tổng công suất 142,4 MWp và lần lượt đưa vào vận hành vào tháng 4 và tháng 6 năm 2019 để được hưởng cơ chế ưu đãi của Chính phủ đối với các dự án ĐMT. Các nhà máy ĐMT đang triển khai của GEC và các công ty thành viên hầu hết được thi công theo hình thức EPC và tổng thầu thực hiện là các nhà thầu đến từ Nhật Bản với công nghệ hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn Nhật Bản và Châu Âu. Đáng chú ý là nhà máy ĐMT Trúc Sơn - 44,4 MWp tại Tỉnh Đắk Nông là dự án đầu tiên mà GEC tự thực hiện công tác tổng thầu với kinh nghiệm đúc kết được khi thực hiện vai trò người tiên phong trong lĩnh vực ĐMT tại Việt Nam năm 2018. Trúc Sơn thi công với thời gian kỷ lục là 3 tháng, phát điện tháng 6/2019 và nhận được mức giá bán điện ưu đãi 9,35 cents/kWh.

Cuối năm 2020, Công Ty đã đưa vào vận hành 32 MWp ĐMT áp mái, tất cả hệ thống ĐMT áp mái đã được ký kết hợp đồng mua bán điện và thanh toán tiền điện với giá bán 8,38 UScents/kWh trong vòng 20 năm.

Danh sách hệ thống nhà máy ĐMT:

STT	Nhà máy
1.	Phong Điền
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Thôn Mỹ Hòa, Xã Điền Lộc, Phong Điền, Thừa Thiên Huế • Năm vận hành: 10/2018 • Diện tích nhà máy (Ha): 44.8 • Công suất (MWp): 48 • Số giờ nắng (giờ/năm): 1.700 – 2.000 • Tiềm năng năng lượng/ bức xạ mặt trời: 4,6 kWh/m²/ ngày • Sản lượng trung bình (GWh/năm): 59,7 • Công nghệ: Công nghệ đa tinh thể có công suất 330Wp của hãng sản xuất SHARP • Đặc điểm của nhà máy: <ul style="list-style-type: none"> - Có điều kiện thi công thuận lợi nhất trong số các dự án đã triển khai

44

	<ul style="list-style-type: none"> - Được miễn tiền thuê đất 15 năm đầu tiên - Là nhà máy ĐMT có quy mô lớn nhất Việt Nam tại thời điểm hòa lưới và được hưởng đầy đủ chính sách ưu đãi đối với lĩnh vực ĐMT
2.	Krông Pa
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Xã Chư Gu, Huyện Krông Pa, Tỉnh Gia Lai • Năm vận hành: 12/2018 • Diện tích nhà máy (Ha): 70.2 • Công suất (MWp): 69 • Số giờ nắng (giờ/năm): 1.900 – 2.200 • Tiềm năng năng lượng/ bức xạ mặt trời: 4,8 – 5,2 kWh/m² / ngày • Sản lượng trung bình (GWh/năm): 103 • Công nghệ: <ul style="list-style-type: none"> - Pin Polycrystalline đa tinh thể thuộc hãng Astronergy - Inverter thuộc hãng TMEIC có chức năng điều chỉnh công suất cực đại (MPPT), điều chỉnh P,Q (cos φ từ -0,85 đến 0,85) • Đặc điểm của nhà máy: <ul style="list-style-type: none"> - Có vị trí thuộc các khu vực có bức xạ tốt nhất tại Việt Nam - Được miễn toàn bộ tiền thuê đất suốt vòng đời Dự án - Nhà máy ĐMT có quy mô lớn nhất Việt Nam tại thời điểm hòa lưới và được hưởng đầy đủ chính sách ưu đãi đối với lĩnh vực ĐMT
3.	Hàm Phú 2
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Xã Hàm Phú, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận • Năm vận hành: 04/2019 • Diện tích nhà máy (Ha): 54.2 • Công suất (MWp): 49 • Số giờ nắng (giờ/năm): 2.520 • Tiềm năng năng lượng/ bức xạ mặt trời: 5,3 kWh/m² / ngày • Sản lượng trung bình (GWh/năm): 77 • Công nghệ: <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ đa tinh thể có công suất 330Wp của hãng sản xuất SHARP - Nhật Bản - Inverter trung tâm TMEIC công suất 2x2550kW của Toshiba and Mitsubishi Electric - Nhật Bản • Đặc điểm của nhà máy: <ul style="list-style-type: none"> - Có vị trí thuộc các khu vực có bức xạ tốt nhất tại Việt Nam - Được miễn tiền thuê đất 15 năm đầu tiên
4.	Đức Huệ 1
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Xã Mỹ Thạnh Bắc, Huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An • Năm vận hành: 4/2019 • Diện tích nhà máy (Ha): 58,0 • Công suất (MWp): 49 • Số giờ nắng (giờ/năm): 2.445 • Tiềm năng năng lượng/ bức xạ mặt trời: 4,93 kWh/m² / ngày • Sản lượng trung bình (GWh/năm): 73 • Công nghệ: <ul style="list-style-type: none"> - Photovoltaic - Polycrystal line silicon (Tấm pin mặt trời đa tinh thể) - 72 cells 330Wp (PV module) - Cung cấp bởi Solargiga theo công nghệ của Sharp

	<ul style="list-style-type: none"> • Đặc điểm của nhà máy: <ul style="list-style-type: none"> - Được miễn toàn bộ tiền thuê đất suốt vòng đời Dự án
5.	Trúc Sơn
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Thôn 5, Xã Trúc Sơn, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông • Năm vận hành: 6/2019 • Diện tích nhà máy (Ha): 49,5 • Công suất (MWp): 44,4 • Số giờ nắng (giờ/năm): 2.500 • Tiềm năng năng lượng/ bức xạ mặt trời: 5,09 kWh/m²/ ngày • Sản lượng trung bình (GWh/năm): 67,8 • Công nghệ: Photovoltaic - Monocrystal line silicon: Tấm pin mặt trời đơn tinh thể - 72 cells 345Wp của SHARP • Đặc điểm của nhà máy: <ul style="list-style-type: none"> - Có vị trí thuộc các khu vực có bức xạ tốt nhất tại Việt Nam - Được miễn tiền thuê đất 48 năm
6	Hệ thống ĐMT Áp mái
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa điểm hoạt động: trải dài rộng khắp từ các tỉnh miền Trung đến Nam bộ • Năm vận hành: 2020 • Tổng công suất (MWp): 32

Thời tiết nắng nóng kéo dài trong năm 2019 đã ảnh hưởng không tốt đến tình hình sản xuất của các NMTĐ. Tuy nhiên, các nhà máy ĐMT sẽ được hưởng lợi lớn vì tại các Tỉnh Bình Thuận, Đắk Nông, Gia Lai, Long An mà GEC đang hoạt động lại là những nơi có bức xạ nắng tốt nhất Việt Nam. Các dự án ĐMT mang lại nguồn thu ổn định suốt 20 năm, do đó đây được xem là bước đi phù hợp của Công Ty trong chiến lược đa dạng hóa các loại hình năng lượng phù hợp với các điều kiện thời tiết. Thêm vào đó, nhờ vào việc sử dụng các thiết bị theo tiêu chuẩn Nhật Bản như tấm pin mặt trời, inverter cùng với công tác bảo dưỡng hiệu quả, hầu hết các nhà máy ĐMT khi đi vào hoạt động đều đạt được hiệu suất tốt.

Sang năm 2020, sự phục hồi về sản lượng điện tại một số nhà máy thủy điện trọng tâm và việc đóng điện các dự án điện mặt trời áp mái đã giúp sản lượng điện tăng trưởng 20,8% so với năm 2019. Thành công này đã chứng minh sự phù hợp của định hướng chuyển dịch sang các nguồn năng lượng khác bên cạnh thủy điện để đa dạng hóa các nguồn năng lượng.

- **Hệ thống nhà máy Điện gió**

Bắt đầu từ cuối năm 2019, GEC tiếp tục phát triển danh mục đầu tư các dự án năng lượng tái tạo của mình bằng việc mua lại cổ phần chi phối tại CTCP Năng lượng VPL. Đây là công ty sở hữu dự án điện gió V.P.L tại tỉnh Bến Tre có công suất dự kiến là 60 MW. Trong đó, giai đoạn 1 thực hiện 30 MW đã được vận hành thương mại vào tháng 10 và tháng 11 năm 2021. Sau khi giai đoạn 1 đi vào hoạt động sẽ đóng góp cho hệ thống điện quốc gia gần 163 triệu kWh/năm, giảm phát thải lên đến 80 nghìn tấn CO₂/năm.

Dự án điện gió thứ 2 của GEC là dự án Ia Bang 1 thuộc địa bàn tỉnh Gia Lai khởi công vào tháng 11/2020, có quy mô công suất 50 MW, bao gồm 12 tuabin V150 4,2 MW. Dự án đã chính thức đi vào vận hành đúng tiến độ vào giữa tháng 10/2021 để hưởng giá FIT1 ưu đãi là 8,5 cents/kWh cho Điện Gió trên bờ trong vòng 20 năm. Nhà máy khi hòa lưới sẽ đóng góp cho hệ thống điện quốc gia gần 150 triệu kWh/năm, giảm phát thải lên đến 141,4 nghìn tấn CO₂/năm.

Đầu năm 2021, GEC cũng đã nhận Quyết định Chủ trương Đầu tư, Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư cho cụm 2 Dự án Điện Gió gần bờ Tân Phú Đông 1 và Tân Phú Đông 2 với tổng công suất 150 MW, là

những Dự án Điện Gió tiên phong tại Tỉnh Tiền Giang. Trong đó, dự án Tân Phú Đông 2 với công suất thiết kế 50 MW gồm 12 tuabin Gió Vestas với tổng mức đầu tư trên 2.000 tỷ đồng đã được GEC hoàn tất thi công và vận hành thương mại vào cuối tháng 10 năm 2021 với. Khi hòa lưới đóng góp cho hệ thống Điện quốc gia sản lượng điện hàng năm lên đến 154 triệu KWh và giảm phát thải 151.000 tấn CO₂. Dự án Tân Phú Đông 1 sẽ được triển khai tiếp theo có công suất thiết kế lên đến 100 MW dự kiến cung cấp 308 triệu kWh/năm sản lượng điện hàng năm. Tổng vốn đầu tư đăng ký 4.465 tỷ đồng và dự kiến chính thức vận hành trong năm 2022

Danh sách hệ thống nhà máy điện gió:

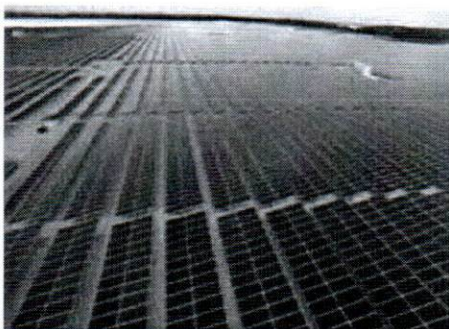
STT	Nhà máy
1.	Ia Bang 1
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa điểm: xã Ia Bang, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai • Năm vận hành: 10/2021 • Loại hình: Nhà máy điện gió trên bờ. • Diện tích đất sử dụng của nhà máy (Ha): 30,56 ha • Công suất (MW): 50 • Số lượng tua bin gió: 12. • Công nghệ: tua bin gió do Vestas sản xuất, công suất 4,2 MW/tua bin • Vận tốc gió trung bình năm (m/s): 6,7 • Sản lượng trung bình năm (triệu kWh): 163
2.	Tân Phú Đông 2
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa điểm: xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang • Năm vận hành: 10/2021 • Loại hình: Nhà máy điện gió ngoài khơi • Diện tích đất sử dụng của nhà máy (Ha): 10,25 • Công suất (MW): 50 • Số lượng tua bin gió: 12 • Công nghệ: tua bin gió do Vestas sản xuất, công suất 4,2 MW/tua bin • Vận tốc gió trung bình năm (m/s): 6,7 • Sản lượng trung bình năm (triệu kWh): 161
3.	V.P.L 1
	<ul style="list-style-type: none"> • Địa điểm: khu vựa biển Bình Đại, tỉnh Bến Tre • Năm vận hành: tháng 10 và tháng 11/2021 • Loại hình: Nhà máy điện gió ngoài khơi • Diện tích phân bố nhà máy (Ha): 11 • Công suất (MW): 30 • Số lượng tua bin gió: 7 • Công nghệ: tua bin gió do Vestas sản xuất, công suất 4,2 MW/tua bin • Vận tốc gió trung bình năm (m/s): 6,8 • Sản lượng trung bình năm (triệu kWh): 92

Một vài dự án nổi bật của Tổ Chức Phát Hành như được liệt kê dưới đây:

- **Các dự án đang hoạt động:**

44

Điện mặt trời



Nhà máy Phong Điền

Năm vận hành: 2018

Sản lượng bình quân: 60 triệu kWh/năm

Công suất – Giờ nắng: 48 MWp – 2.000 giờ/năm

Bức xạ: 4,6 kWh/m²/ngày

Đầu tư: 902 tỷ đồng

Tấm pin: 145.560 tấm pin

Giảm thải CO₂: 51.600 tấn/năm



Nhà máy Krong Pa

Năm vận hành: 2018

Sản lượng bình quân: 103 triệu kWh/năm

Công suất – Giờ nắng: 69 MWp – 2.200 giờ/năm

Bức xạ: 5,2 kWh/m²/ngày

Đầu tư: 1.301 tỷ đồng

Tấm pin: 209.100 tấm pin

Giảm thải CO₂: 89.000 tấn/năm



Nhà máy Đức Huệ 1

Năm vận hành: 2019

Sản lượng bình quân: 73 triệu kWh/năm

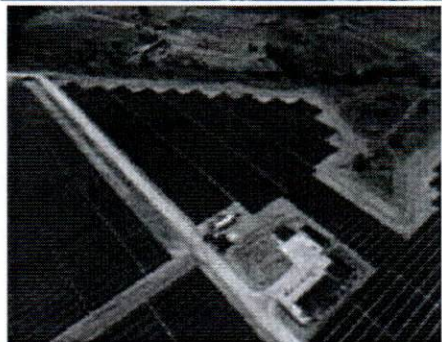
Công suất – Giờ nắng: 49 MWp – 2.445 giờ/năm

Bức xạ: 4,93 kWh/m²/ngày

Đầu tư: 936 tỷ đồng

Tấm pin: 148.500 tấm pin

Giảm thải CO₂: 63.100 tấn/năm



Nhà máy Hàm Phú 2

Năm vận hành: 2019

Sản lượng bình quân: 77 triệu kWh/năm

Công suất – Giờ nắng: 49 MWp – 2.520 giờ/năm

Bức xạ: 5,3 kWh/m²/ngày

Đầu tư: 979 tỷ đồng

Tấm pin: 148.470 tấm pin

Giảm thải CO₂: 66.600 tấn/năm



Nhà máy Trúc Sơn

Năm vận hành: 2019

Sản lượng bình quân: 68 triệu kWh/năm

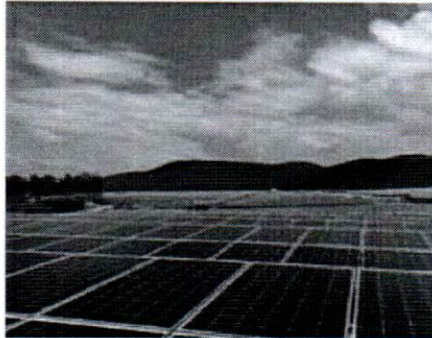
Công suất – Giờ nắng: 45 MWp – 2.500 giờ/năm

Bức xạ: 5,09 kWh/m²/ngày

Đầu tư: 825 tỷ đồng

Tấm pin: 127.200 tấm pin

Giảm thải CO₂: 58.600 tấn/năm



Hệ thống điện mặt trời Áp mái

Năm vận hành: 2019 và 2020

Sản lượng bình quân: 47 triệu kWh/năm

Công suất – Giờ nắng: 34 MWp – 2.200 giờ/năm

Bức xạ: 5,2 kWh/m²/ngày

Đầu tư: 612 tỷ đồng

Tấm pin: 96.339 tấm pin

Giảm thải CO₂: 33.400 tấn/năm

Thủy điện



Nhà máy Ia Đrăng 2

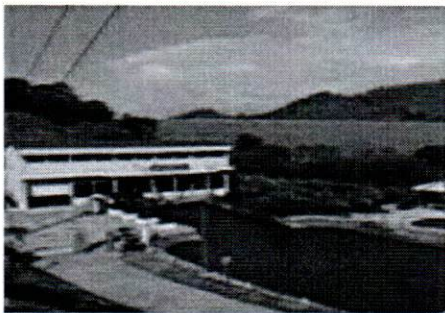
Năm vận hành: 1989

Sản lượng bình quân: 7 triệu kWh/năm

Công suất: 1,2 MW

Nguồn nước: Suối Ia Đrăng

Hiệu suất: 5.416 giờ



Nhà máy Ayun Hạ

Năm vận hành: 2001

Sản lượng bình quân: 20 triệu kWh/năm

Công suất: 3 MW

Nguồn nước: Sông Ayun

Hiệu suất: 6.600 giờ



Nhà máy Ia Đrăng 1

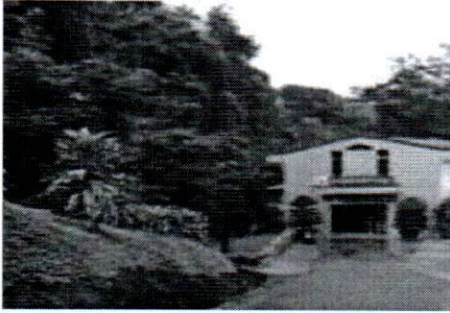
Năm vận hành: 2002

Sản lượng bình quân: 4 triệu kWh/năm

Công suất: 0,6 MW

Nguồn nước: Suối Ia Đrăng

Hiệu suất: 5.500 giờ



Nhà máy Ia Đrăng 3

Năm vận hành: 2005

Sản lượng bình quân: 9 triệu kWh/năm

Công suất: 1,6 MW

Nguồn nước: Suối Ia Đrăng

Hiệu suất: 5.800 giờ



Nhà máy Ia Muer 3

Năm vận hành: 2005

Sản lượng bình quân: 8 triệu kWh/năm

Công suất: 1,8 MW

Nguồn nước: Suối Ia Meur

Hiệu suất: 4.333 giờ



Nhà máy H'Chan

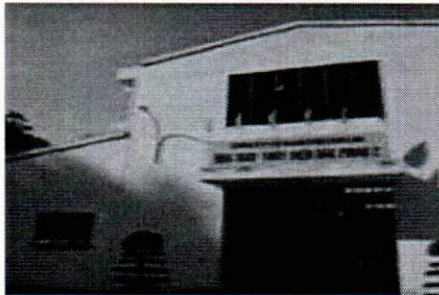
Năm vận hành: 2006

Sản lượng bình quân: 57 triệu kWh/năm

Công suất: 1,2 MW

Nguồn nước: Sông Ayun

Hiệu suất: 4.700 giờ



Nhà máy Đăk Pi Hao 2

Năm vận hành: 2008

Sản lượng bình quân: 37 triệu kWh/năm

Công suất: 10 MW

Nguồn nước: Suối Đăk Pi Hao

Hiệu suất: 4.161 giờ



Nhà máy Ia Puch 3

Năm vận hành: 2009

Sản lượng bình quân: 31 triệu kWh/năm

Công suất: 6,6 MW

Nguồn nước: Suối Puch

Hiệu suất: 4.638 giờ



Nhà máy H'Mun

Năm vận hành: 2010

Sản lượng bình quân: 67 triệu kWh/năm

Công suất: 16,2 MW

Nguồn nước: Sông Ayun

Hiệu suất: 4.100 giờ

ul



Nhà máy Ayun Thượng

Năm vận hành: 2011

Sản lượng bình quân: 50,4 triệu kWh/năm

Công suất: 12 MW

Nguồn nước: Sông Ayun

Hiệu suất: 4.200 giờ



Nhà máy Đăk Pi Hao 1

Năm vận hành: 2014

Sản lượng bình quân: 21 triệu kWh/năm

Công suất: 5 MW

Nguồn nước: Suối Đăk Pi Hao

Hiệu suất: 4.200 giờ



Nhà máy Đa Khai

Năm vận hành: 2010

Sản lượng bình quân: 37 triệu kWh/năm

Công suất: 8,1 MW

Nguồn nước: Sông Đa Nhim

Hiệu suất: 4.568 giờ



Nhà máy Thượng Lộ

Năm vận hành: 2015

Sản lượng bình quân: 18 triệu kWh/năm

Công suất: 6 MW

Nguồn nước: Sông Ba Ran

Hiệu suất: 3.000 giờ

Điện gió



Nhà máy V.P.L 1

Địa điểm: Bến Tre

Vận hành: tháng 10 và tháng 11/2021

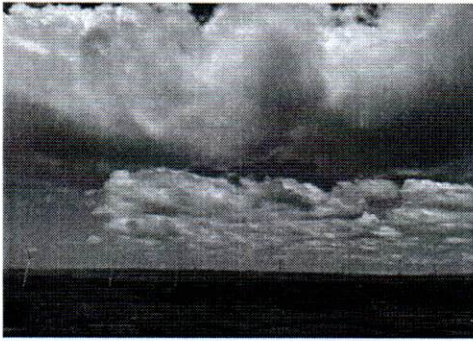
Công suất: 30 MW

Sản lượng: 92 triệu kWh/năm

Vận tốc gió: 6,8 m/s

Tuabin: Vestas

ll



Nhà máy Ia Bang 1

Địa điểm: Gia Lai
Vận hành: tháng 10/ 2021
Công suất: 50 MW
Sản lượng: 163 triệu kWh/năm
Vận tốc gió: 6,7 m/s
Tuabin: Vestas



Nhà máy Tân Phú Đông 2

Địa điểm: Tiền Giang
Vận hành: tháng 10/2021
Công suất: 50 MW
Sản lượng: 161 triệu kWh/năm
Vận tốc gió: 6,7 m/s
Tuabin: Vestas

▪ **Các dự án đang trong quá trình triển khai:**

Điện mặt trời



Nhà máy Đức Huệ 2

Năm vận hành dự kiến: 2022
Sản lượng bình quân: 74,5 triệu kWh/năm
Công suất – Giờ nắng: 49 MWp – 2.445 giờ/năm
Bức xạ: 4,93 kWh/m²/ngày
Tấm pin: 142.020 tấm pin
Giảm thải CO₂: 64.400 tấn/năm

Điện gió



Nhà máy Tân Phú Đông 1

Địa điểm: Tiền Giang
Công suất: 100 MW
Năm vận hành dự kiến: 2022
Vận tốc gió: 6,7 m/s

6.1.2. Hoạt động bán hàng hóa

Đây là mảng kinh doanh mang tính thời điểm nhằm tận dụng tình hình thị trường và khai thác các mối quan hệ hợp tác kinh doanh sẵn có của Công ty. Sản phẩm chủ yếu là mua bán, nhập khẩu tấm pin, vật tư và thiết bị ngành điện. Đối tác của hoạt động này chính là các nhà thầu cung cấp thiết bị, các nhà phát triển dự án điện mặt trời, điện mặt trời áp mái có quan hệ hợp tác kinh doanh với Tổ chức niêm yết.

Hoạt động kinh doanh hàng hóa đã được công ty đẩy mạnh triển khai trong các năm 2019 và 2020 khi thị trường điện đang diễn ra rất sôi động nhờ các chính sách hỗ trợ phát triển của Chính phủ. Bước sang năm 2021, Công ty gần như không ghi nhận doanh thu đến từ mảng này do Công ty đã chuyển hướng sang tập trung vào mảng hoạt động kinh doanh chủ chốt là sản xuất và kinh doanh điện.

6.1.3. Hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật và xây dựng xây lắp

44

Hoạt động xây lắp của Công ty chủ yếu là xây dựng các công trình thủy điện nhỏ, các công trình điện mặt trời áp mái, công trình dân dụng vừa và nhỏ.

Hoạt động cung cấp dịch vụ bao gồm dịch vụ tư vấn xây dựng điện, dịch vụ thí nghiệm, kiểm định an toàn điện.

Ngoài ra, Công ty vẫn duy trì hoạt động cung cấp các dịch vụ bảo trì, vận hành các dự án điện mặt trời, điện mặt trời áp mái vừa để đảm bảo việc vận hành các dự án của chính Công ty, vừa cung cấp dịch vụ ra bên ngoài để đáp ứng nhu cầu của các chủ đầu tư khác trong ngành.

6.2. Sản Lượng Sản Phẩm, Giá Trị Dịch Vụ Qua Các Năm

6.2.1. Doanh thu thuần và lợi nhuận gộp của công ty mẹ:

Doanh thu thuần:

STT	Sản phẩm	Năm 2019		Năm 2020		% tăng/ giảm	9 tháng năm 2021	
		Giá trị (triệu VND)	% Doanh thu thuần	Giá trị (triệu VND)	% Doanh thu thuần		Giá trị (triệu VND)	% Doanh thu thuần
1	Doanh thu bán điện	606.004	80,93%	606.702	65,10%	0,12%	435.772	90,09%
2	Doanh thu bán hàng hóa	110.089	14,70%	296.576	31,82%	169,40%	-	-
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.715	4,37%	28.721	3,08%	-12,21%	47.944	9,91%
	Tổng cộng	748.808	100%	931.999	100%	24,46%	483.716	100%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC riêng lẻ quý III/2021 của Tổ Chức Niêm Yết)

Về cơ cấu doanh thu, Doanh thu từ hoạt động bán điện bao gồm: điện mặt trời, điện gió và thủy điện chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu nguồn thu của Tổ Chức Niêm Yết khi liên tục đạt các tỷ lệ hơn 80%, 65% và 90% tương ứng trong năm 2019, 2020 và 9 tháng 2021. Doanh thu từ hoạt động bán hàng chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong cơ cấu nguồn thu của Tổ Chức Niêm Yết, chiếm tỷ lệ lần lượt là hơn 14%, 31% trong năm 2019 và năm 2020, chủ yếu đến từ bán vật tư ngành điện. Năm 2021, Tổ Chức Niêm Yết không có nguồn thu từ hoạt động bán hàng. Doanh thu cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng nhỏ nhất trong cơ cấu doanh thu của Công Ty, với tỷ lệ đạt lần lượt là hơn 4%, 3% và 9% tại năm 2019, năm 2020 và kết thúc ngày 30/9/2021. Doanh thu cung cấp dịch vụ chủ yếu đến từ cung cấp các dịch vụ xây lắp trong lĩnh vực năng lượng mặt trời.

Về sự biến động trong giai đoạn 2019-2020, Doanh thu năm 2020 đạt hơn 930 tỷ đồng, tăng 24,46% so với năm 2019 chủ yếu đến từ hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ do Công Ty đẩy mạnh hoạt động bán vật tư và cung cấp dịch vụ lắp đặt cho các công trình dân dụng, nhà máy có sử dụng năng lượng mặt trời trong khi đó doanh thu từ các nhà máy thủy điện trực thuộc Công Ty duy trì ở mức ổn định.

Trong 9 tháng đầu năm 2021, doanh thu thuần của công ty mẹ ghi nhận hơn 483 tỷ đồng, giảm 17,5% so với cùng kỳ 2020 chủ yếu do Công Ty không còn ghi nhận doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa để tập

trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi là sản xuất và kinh doanh điện, trong khi doanh thu từ các lĩnh vực bán điện và cung cấp dịch vụ duy trì ở mức ổn định.

Lợi nhuận gộp

STT	Sản phẩm	Năm 2019		Năm 2020			9 tháng năm 2021	
		Giá trị (triệu VND)	% Doanh thu thuần	Giá trị (triệu VND)	% Doanh thu thuần	% tăng/giảm	Giá trị (triệu VND)	% Doanh thu thuần
1	Lợi nhuận gộp bán điện	350.683	46,83%	333.131	35,74%	-5,01%	240.608	49,74%
2	Lợi nhuận gộp bán hàng hóa	4.496	0,60%	24.319	2,61%	440,90%	-	-
3	Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	21.910	2,93%	17.302	1,86%	-21,03%	28.336	5,86%
	Tổng	377.089	50,36%	374.752	40,21%	-0,62%	268.944	55,60%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC riêng lẻ quý III/2021 của Tổ Chức Niêm Yết)

Về cơ cấu lợi nhuận gộp: hoạt động bán điện là hoạt động chủ chốt mang lại hiệu quả cho Tổ Chức Niêm Yết, đóng góp 46,83% trong 50,36% biên lợi nhuận gộp trong năm 2019. Tương tự như vậy trong các năm 2020 và 9 tháng 2021, hoạt động bán điện tiếp tục đem lại hiệu quả cao khi chiếm 35,74% và 49,74% trong tổng biên lợi nhuận gộp là 40,21% và 55,6% của Công Ty. Các hoạt động như bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ có mức doanh thu cao nhưng biên lợi nhuận gộp tương đối mỏng nên chỉ đóng góp từ hơn 0,6%-5,86% trong biên lợi nhuận gộp của Công Ty.

Về sự biến động biên lợi nhuận gộp giai đoạn 2019-2020, biên lợi nhuận gộp của công ty mẹ giảm từ 50,36% năm 2019 xuống 40,21% năm 2020 do doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng nhưng biên lợi nhuận gộp của hai hoạt động này lại thấp hơn so với hoạt động bán điện. Về mặt giá trị tuyệt đối, năm 2020, lợi nhuận gộp từ hoạt động bán điện giảm nhẹ 5,01% trong khi doanh thu từ hoạt động bán điện duy trì ổn định (tăng 0,12%). Nguyên nhân chủ yếu là do mặc dù sản lượng điện trong năm tăng nhưng giá bán điện giảm khiến cho mặc dù doanh thu duy trì ổn định nhưng biên lợi nhuận gộp giảm nhẹ. Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa tăng trưởng mạnh 440,90% chủ yếu đến từ việc doanh thu từ bán hàng hóa gia tăng đột biến (hơn 169,4%) như đã phân tích ở phần doanh thu. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ cũng có xu hướng giảm cùng với xu hướng thu hẹp của doanh thu từ hoạt động dịch vụ.

Trong 9 tháng đầu năm 2021, lợi nhuận gộp của công ty mẹ duy trì ở mức ổn định 269 tỷ nhưng biên lợi nhuận gộp tăng, đạt 55,60% so với mức 45,7% cùng kỳ 2020 do trong giai đoạn này doanh thu đến chủ yếu từ hoạt động bán điện có biên lợi nhuận gộp cao trong khi cùng kỳ 2020 lợi nhuận gộp còn có thêm đóng góp của hoạt động bán hàng hóa với doanh thu lớn nhưng biên lợi nhuận gộp ở mức thấp. Trong đó, lợi nhuận gộp từ hoạt động bán điện đạt 240 tỷ đồng, giảm nhẹ 5,88% so với cùng kỳ 2020 cùng xu hướng với sự sụt giảm nhẹ 3,33% của doanh thu từ hoạt động bán điện. Giai đoạn này các nhà máy điện

44

hiện hữu của Công Ty đã đi vào giai đoạn ổn định nên doanh thu và lợi nhuận gộp cũng được duy trì. Ngoài ra, do không còn doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa nên hoạt động này không còn đóng góp gì trong lợi nhuận của 9 tháng 2021. Lợi nhuận gộp từ hoạt động dịch vụ trong kỳ đạt hơn 28 tỷ cao hơn mức cùng kỳ chỉ 4 tỷ chủ yếu do giai đoạn này công ty có doanh thu từ hoạt động cung cấp các dịch vụ xây lắp trong lĩnh vực năng lượng mặt trời.

6.2.2. Doanh thu thuần và lợi nhuận gộp hợp nhất của Công Ty:

Doanh thu thuần hợp nhất theo từng mảng kinh doanh:

(Đơn vị: triệu Đồng)

STT	Danh mục	Năm 2019		Năm 2020			9 tháng năm 2021	
		Giá trị (triệu VND)	% Doanh thu thuần	Giá trị (triệu VND)	% Doanh thu thuần	% tăng/giảm	Giá trị (triệu VND)	% Doanh thu thuần
1	Doanh thu bán điện	1.056.885	91,16%	1.249.421	83,60%	18,22%	925.645	98,64%
2	Doanh thu bán hàng hóa	47.679	4,11%	191.151	12,79%	300,91%	865	0,09%
3	Doanh thu hợp đồng xây dựng	29.084	2,51%	22.816	1,53%	-21,55%	2.411	0,26%
4	Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.726	2,22%	31.135	2,08%	21,03%	9.468	1,01%
	Tổng cộng	1.159.374	100%	1.494.523	100%	28,91%	938.389	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III/2021 của Tổ Chức Niêm Yết)

Về cơ cấu doanh thu, doanh thu thuần hợp nhất năm 2020 của Công Ty đạt 1.494 tỷ Đồng, tăng 28,91% so với năm 2019. Theo đó, doanh thu từ bán điện vẫn là nguồn thu chính của Tổ Chức Niêm Yết khi đạt 1.249 tỷ Đồng, tăng 18,22% so với cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 83,60% tổng doanh thu thuần nhờ tổng sản lượng Điện thương phẩm trong năm đạt 720 triệu kWh, tăng 22% so với năm 2019, đáng kể nhất là thủy điện đã ghi nhận sản lượng tăng 17% so với cùng kỳ và vượt kế hoạch đề ra. Doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa đạt hơn 191 tỷ đồng, tăng 300,91% so với năm 2019 do Công Ty tăng cường hoạt động bán các thiết bị năng lượng mặt trời, tấm pin,... cho các công trình dân dụng, nhà máy có sử dụng năng lượng mặt trời. Trong khi đó doanh thu từ hợp đồng xây dựng và cung cấp dịch vụ chỉ duy trì ở mức ổn định trong khoảng 53-54 tỷ đồng. Về sự biến động doanh thu giai đoạn 2019-2020, trong năm 2020, cơ cấu doanh thu thuần có sự chuyển dịch tích cực trong mục tiêu đa dạng hóa nguồn thu khi tỷ trọng của doanh thu bán hàng hóa tăng từ 4,11% lên 12,80% và đạt gần 200 tỷ Đồng, đến từ việc cung cấp các thiết bị năng lượng, tấm pin,... Phần còn lại là doanh thu cung cấp các dịch vụ liên quan đến kỹ thuật trong ngành năng lượng tái tạo và xây lắp với 2,08%, giảm nhẹ so với cùng kỳ.

Theo BCTC hợp nhất quý 3/2021, GEC ghi nhận doanh thu thuần hơn 938 tỷ Đồng, giảm 2,13% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu bán điện tăng nhẹ duy trì ổn định (+1,4%) trong khi doanh thu từ nguồn thu từ cung cấp dịch vụ và kinh doanh thiết bị giảm nhẹ.

Lợi nhuận gộp hợp nhất theo từng mảng kinh doanh:

(Đơn vị: triệu Đồng)

STT	Danh mục	Năm 2019		Năm 2020		% tăng/ giảm	9 tháng năm 2021	
		Giá trị (triệu VND)	% Doanh thu thuần	Giá trị (triệu VND)	% Doanh thu thuần		Giá trị (triệu VND)	% Doanh thu thuần
1	Lợi nhuận gộp bán điện	636.501	54,90%	723.721	48,46%	13,70%	551.699	58,79%
2	Lợi nhuận gộp bán hàng hóa	888	0,08%	14.830	0,99%	1570,05%	626	0,07%
3	Lợi nhuận gộp từ hợp đồng xây dựng	3.738	0,32%	163	0,01%	-95,64%	-31	0,00%
4	Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	8.536	0,74%	21.942	1,47%	157,05%	-3.586	-0,38%
	Tổng	649.663	56,04%	760.656	50,94%	17,08%	548.708	58,47%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III/2021 của Tổ Chức Niêm Yết)

Về cơ cấu lợi nhuận gộp, hoạt động bán điện là hoạt động chủ chốt mang lại hiệu quả cho Tổ Chức Niêm Yết, đóng góp 54,9% trong biên lợi nhuận gộp trong năm 2019. Tương tự như vậy trong các năm 2020 và 9 tháng 2021, hoạt động bán điện tiếp tục đem lại hiệu quả cao khi chiếm 48,46% và 58,79% trong tương ứng biên lợi nhuận gộp của Công Ty. Các hoạt động như bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ có mức doanh thu cao nhưng biên lợi nhuận gộp tương đối mỏng nên chỉ đóng góp từ hơn 1-2% trong biên lợi nhuận gộp của Công Ty.

Về sự biến động giai đoạn 2019-2020, lợi nhuận gộp hợp nhất của Công Ty năm 2020 tăng 17,08% so với năm 2019 chủ yếu nhờ sự tăng trưởng về mặt doanh thu của các nhà máy điện mặt trời khi các nhà máy này đi vào hoạt động với công suất tối đa. Lợi nhuận gộp từ các hoạt động khác (bán hàng hóa, hợp đồng xây dựng và cung cấp dịch vụ) tương đối nhỏ đạt khoảng 37 tỷ đồng, tăng so với mức 13 tỷ đồng năm 2019 do Công Ty tích cực tăng cường các hoạt động đa dạng hóa nguồn thu thêm bên cạnh việc sản xuất điện như: bán vật tư thiết bị trong ngành điện mặt trời, cung cấp các dịch vụ lắp đặt, thi công liên quan đến ngành điện, v..v

Lũy kế 9 tháng năm 2021, lợi nhuận gộp đạt 548,7 tỷ, duy trì ổn định so với cùng kỳ 2020 do các nhà máy điện đã hoạt động ổn định và trong 9 tháng năm 2021 Công Ty không ghi nhận nhiều doanh thu từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

6.3. Nguyên Vật Liệu

tu

Nguồn nguyên vật liệu

Các nhà máy Thủy điện, nhà máy Điện Mặt trời và nhà máy điện gió của GEC sử dụng nguồn nguyên liệu có thể tái tạo là dòng chảy của nước, năng lượng bức xạ mặt trời và năng lượng từ sức gió tại các địa điểm GEC đặt nhà máy để sản xuất điện năng. Đây được xem là các nguồn tài nguyên thiên nhiên vô hạn, thân thiện với môi trường, nếu như tận dụng đúng cách, hợp lý thì sẽ mang đến nhiều lợi ích lâu dài không chỉ cho Công ty mà còn cho toàn xã hội; và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại các địa phương đặt nhà máy. Nước, ánh nắng mặt trời và gió đã, đang và sẽ là 3 nguồn vật liệu đầu vào trọng yếu có thể tái tạo được sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của GEC.

Nguồn nguyên liệu liên quan đến các công tác duy tu, bảo dưỡng, bảo trì các nhà máy của công ty là các thiết bị điện, vật tư ngành điện đa phần được sản xuất trong nước. Tuy nhiên, một số thiết bị điện chuyên dụng công ty phải nhập từ các đối tác nước ngoài.

Sự ổn định của các nguồn cung cấp này

Lưu lượng nước GEC duy trì ổn định sản lượng điện sản xuất hàng năm thông qua việc kiểm soát, điều phối ổn định lượng nước qua các Nhà máy trong cả mùa khô và mùa mưa. Nước chạy máy của các Nhà máy Thủy điện đều được trả về hạ lưu sau Nhà máy, không gây ảnh hưởng đến dòng chảy tự nhiên của lưu vực. Các Nhà máy Thủy điện của GEC nằm trên lưu vực của các sông và suối lớn như Sông Ba Ran (Huế); Sông Auyn, Suối Đăk Pi Hao, Suối Púch, Suối Ia Meur và Suối Ia Đrăng (Gia Lai); Sông Đa Nhim (Lâm Đồng). Từng Nhà máy Thủy điện đều có hồ chứa hoặc tận dụng nguồn nước từ đập thủy lợi để phát điện với tổng dung tích khoảng 274 triệu m³, các hồ chứa đóng góp vai trò quan trọng trong việc điều tiết nước cho các Nhà máy. Sản lượng điện của các Nhà máy Thủy điện có liên hệ mật thiết với lưu lượng nước, lưu lượng nước càng nhiều thì sản lượng càng tăng.

Đối với các dự án đã và đang phát triển trong những năm gần đây của Công ty là Điện mặt trời và Điện gió, GEC đều thực hiện đánh giá và lập báo cáo nghiên cứu khả thi trước khi xây dựng. Trong đó, việc đánh giá các yếu tố đầu vào như lượng bức xạ mặt trời, vận tốc gió tại các khu vực đặt nhà máy luôn được công ty đặt lên hàng đầu. GEC sử dụng số liệu thu thập được trong một thời gian dài để đánh giá các yếu tố đầu vào do đó có thể đảm bảo sự ổn định và hiệu quả kinh tế khi khai thác các nguồn nguyên liệu bức xạ mặt trời và sức gió để tạo ra điện năng cung cấp cho lưới điện.

Hiện tại, GEC chủ động hoàn toàn việc vận hành cho các nhà máy Thủy điện và Điện mặt trời của mình. Để vận hành ổn định và an toàn các nhà máy này công ty luôn duy trì các thiết bị điện, vật tư chuyên dụng để sẵn sàng thay thế khi thực hiện duy tu, bảo trì nhà máy hoặc xảy ra sự cố. Đối với các dự án điện gió, công ty đều đã ký hợp đồng vận hành dài hạn với đối tác nước ngoài uy tín, do đó việc sẵn sàng thiết bị điện, vật tư chuyên dụng phục vụ công tác duy tu bảo dưỡng nhà máy luôn được đảm bảo.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Nguồn nguyên liệu phục vụ cho công tác sản xuất của các nhà máy điện là tài nguyên Nước, bức xạ Mặt trời và sức gió. Vì vậy, doanh thu và lợi nhuận hoạt động của Công ty không chịu tác động từ giá cả nguồn nguyên liệu đầu vào hay nguồn cung của nhà cung cấp. Tuy nhiên, do nguồn cung duy nhất là nước và ánh nắng mặt trời nên điều kiện thời tiết, sự ổn định của nguồn nước hay mức độ bức xạ của mặt trời là những yếu tố tiềm ẩn nhiều rủi ro có thể tác động hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đối với nguồn nguyên liệu Công Ty sử dụng cho bán hàng hóa thương mại đa phần là nhập khẩu nên ảnh hưởng chủ yếu đến từ chi phí vận chuyển, hoặc thay đổi tỷ giá nên có thể tác động đến chi phí đầu vào

44

của Công Ty. Tuy nhiên, bước sang năm 2021, Công Ty không còn đẩy mạnh mảng hoạt động kinh doanh này nên trong ngắn hạn sẽ không ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh chung của Công Ty.

Đối với các thiết bị, vật tư ngành điện Công ty sử dụng trong công tác bảo trì đa phần có thể sản xuất được trong nước và được sử dụng rất nhiều dự án năng lượng khác trên cả nước do đó giá cả của các thiết bị này tương đối bình ổn trong những năm vừa qua. Đối với các thiết bị công ty phải nhập khẩu việc chịu ảnh hưởng biến động về mặt tỷ giá, chi phí và thời gian vận chuyển kéo dài cũng là một rủi ro ảnh hưởng đến chi phí sản xuất kinh doanh và tính ổn định trong việc vận hành các nhà máy điện của GEC.

6.4. Chi Phí Sản Xuất

Bảng dưới đây thể hiện cơ cấu chi phí cho hoạt động kinh doanh của GEG:

a) Chi phí sản xuất của Công ty mẹ:

S T T	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020			9 tháng năm 2021	
		Giá trị (triệu VND)	%/DTT	Giá trị (triệu VND)	%/DTT	% tăng/ giảm	Giá trị (triệu VND)	%/DTT
1	Chi phí giá vốn hàng bán	371.719	49,64%	557.246	59,79%	49,91%	214.771	44,40%
2	Chi phí tài chính	161.710	21,60%	196.916	21,13%	21,77%	206.383	42,67%
3	Chi phí bán hàng	625	0,08%	1.202	0,13%	92,32%	263	0,05%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	91.254	12,19%	93.061	9,99%	1,98%	56.920	11,77%
	Tổng cộng	625.308	83,51%	848.425	91,03%	35,68%	478.337	98,89%

Về cơ cấu chi phí, nhìn chung chi phí giá vốn hàng bán (bao gồm giá vốn sản xuất điện: khấu hao, chi phí vận hành, nhân công và giá vốn các hàng hóa và dịch vụ cung cấp) và chi phí tài chính chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công Ty. Các nhà máy của GEC đều sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo từ tự nhiên nên Công Ty không tốn chi phí nhiên liệu. Các khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất là trong cơ cấu chi phí giá vốn của doanh nghiệp là chi phí khấu hao, sau khi các nhà máy điện mặt trời đi vào hoạt động ổn định từ năm 2019 và đến năm 2020 thì tỷ trọng chi phí khấu hao đã tăng mạnh và chiếm tới 50% tổng chi phí của doanh nghiệp. Ngoài ra còn các khoản chi phí quan trọng khác trong cơ cấu chi phí giá vốn của GEC là chi phí nhân công để vận hành các nhà máy và các khoản thuế, phí tài nguyên của các nhà máy thủy điện (chi phí khác bằng tiền). Chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng rất nhỏ do đặc thù kinh doanh bán điện không tốn nhiều chi phí bán hàng. Chi phí tài chính chiếm tỷ trọng cao thứ hai do đặc thù của ngành điện là phải đầu tư ban đầu lớn nên Công Ty phải huy động cả nguồn lực từ vốn vay nên chi phí tài chính cũng phát sinh và chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu chi phí của Công Ty.

Về giá trị tuyệt đối, giá vốn hàng bán năm 2020 đạt hơn 557 tỷ đồng, tăng 49,91% cao hơn mức tăng của doanh thu là 24,46% dẫn đến tỷ trọng chi phí giá vốn hàng bán/doanh thu thuần năm 2020 tăng mạnh lên từ mức 49,64% của năm 2019 lên 59,79% trong năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2020, Công Ty tăng mạnh doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa (+31,82%) nhưng do hoạt động này có chi phí

giá vốn hàng bán cao kéo theo giá vốn hàng bán tăng mạnh tương ứng. Chi phí tài chính năm 2020 cũng tăng 21,77% chủ yếu do số dư nợ vay bình quân năm 2020 đạt hơn 1.992 tỷ đồng (cao hơn 14,4% số dư nợ vay bình quân 2019 là 1.741 tỷ đồng) và Công Ty không còn được vốn hóa chi phí lãi vay do đã kết thúc quá trình xây dựng các dự án điện mặt trời.

Trong 9 tháng đầu năm 2021, giá vốn hàng bán đạt gần 215 tỷ đồng, giảm 32% (thấp hơn so với mức giảm 17,5% của doanh thu thuần) dẫn đến tỷ trọng chi phí giá vốn hàng bán/doanh thu thuần 9 tháng 2021 ở mức 44,4% thấp hơn mức 54,2% cùng kỳ 2020. Nguyên nhân chủ yếu là do 9 tháng đầu năm 2021, Công Ty không còn ghi nhận doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa – là hoạt động có giá vốn hàng bán tương đối cao so với hoạt động bán điện. Chi phí tài chính trong 9 tháng 2021 ghi nhận 206 tỷ đồng tăng mạnh 34,6% so với cùng kỳ 2020 chủ yếu do trong kỳ Công Ty phát sinh nhiều chi phí phát hành trái phiếu trong khi chi phí lãi vay ở mức ổn định do dư nợ vay bình quân 9T/2021 ghi nhận hơn 2.193 tỷ xấp xỉ mức dư nợ bình quân 9T/2020.

b) Chi phí sản xuất hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		% tăng/ giảm	9 tháng năm 2021	
		Giá trị (triệu VND)	%/DTT	Giá trị (triệu VND)	%/DTT		Giá trị (triệu VND)	%/DTT
1	Chi phí giá vốn hàng bán	509.711	43,96%	732.667	49,06%	43,74%	389.681	41,53%
2	Chi phí tài chính	257.819	22,24%	371.240	24,86%	43,99%	257.546	27,45%
3	Chi phí bán hàng	625	0,05%	1.700	0,11%	172,00%	267	0,03%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	111.171	9,59%	114.324	7,66%	2,84%	74.513	7,94%
	Tổng cộng	879.326	75,84%	1.219.931	81,69%	38,73%	722.007	76,94%

Về cơ cấu chi phí hợp nhất, nhìn chung chi phí giá vốn hàng bán (bao gồm giá vốn sản xuất điện: khấu hao, chi phí vận hành, nhân công và giá vốn các hàng hóa và dịch vụ cung cấp) và chi phí tài chính chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công Ty. Các nhà máy của GEC và các công ty con đều sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo từ tự nhiên (thủy điện, năng lượng mặt trời) nên Công Ty không tốn chi phí nhiên liệu. Các khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất là trong cơ cấu chi phí giá vốn của doanh nghiệp là chi phí khấu hao. Các khoản chi phí quan trọng khác của GEC là chi phí nhân công để vận hành các nhà máy và các khoản thuế, phí tài nguyên của các nhà máy thủy điện (chi phí khác bằng tiền). Chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng rất nhỏ do đặc thù kinh doanh bán điện không tốn nhiều chi phí bán hàng. Chi phí tài chính chiếm tỷ trọng cao thứ hai (trên 20% doanh thu thuần) do đặc thù của ngành điện là phải đầu tư ban đầu lớn nên Công Ty phải huy động cả nguồn lực từ vốn vay nên chi phí tài chính cũng phát sinh và chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu chi phí của Công Ty.

Về giá trị tuyệt đối, giá vốn hàng bán năm 2020 đạt gần 733 tỷ đồng, tăng 43,74% so với năm 2019 và cao hơn mức tăng của doanh thu là 28,8% dẫn đến tỷ trọng chi phí giá vốn hàng bán/doanh thu thuần hợp

66

nhất năm 2020 tăng mạnh lên từ mức 43,96% của năm 2019 lên 49,06% trong năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2020, Công Ty tăng mạnh doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa (+298,4%) nhưng do hoạt động này có chi phí giá vốn hàng bán cao kéo theo tổng giá vốn hàng bán tăng mạnh tương ứng. Chi phí tài chính năm 2020 cũng tăng mạnh 43,99% cao hơn mức tăng của doanh thu là 28,80% chủ yếu do số dư nợ vay bình quân năm 2020 đạt hơn 3.848 tỷ đồng (cao hơn 41,9% số dư nợ vay bình quân 2019 là 2.711 tỷ đồng) và Công Ty không còn được vốn hóa chi phí lãi vay do đã kết thúc quá trình xây dựng các dự án điện mặt trời.

Trong 9 tháng đầu năm 2021, giá vốn hàng bán đạt hơn 389 tỷ đồng, giảm 5,3% (cao hơn so với mức giảm 2% của doanh thu thuần) dẫn đến tỷ trọng chi phí giá vốn hàng bán/doanh thu thuần 9 tháng 2021 ở mức 41,53% thấp hơn mức 42,9% cùng kỳ 2020. Nguyên nhân chủ yếu là do 9 tháng đầu năm 2021, Công Ty không còn ghi nhận doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa – là hoạt động có giá vốn hàng bán tương đối cao so với hoạt động bán điện đồng thời các dự án điện mặt trời đi vào hoạt động tối đa công suất nên đem lại biên lợi nhuận gộp tốt hơn. Chi phí tài chính trong 9 tháng 2021 ghi nhận 257 tỷ đồng giảm 7,8% so với cùng kỳ 2020 chủ yếu do mặc dù dư nợ bình quân 9T/2021 là hơn 5.152 tỷ đồng, tăng mạnh so với mức 3.991 tỷ đồng nhưng (i) dư nợ các dự án khác giảm dần nên tiết kiệm được chi phí lãi vay và (ii) chi phí lãi phát sinh của khoản vay cho dự án điện gió mới được vốn hóa trong quá trình xây dựng nên không được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

6.5. Trình Độ Công Nghệ

Trong những năm vừa qua hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ (R&D) của GEC luôn được chú trọng nhằm cải tiến kỹ thuật đảm bảo các nhà máy Điện hoạt động liên tục, gia tăng sản lượng, nâng cao hiệu quả vận hành. Cải tiến công nghệ cũ của các nhà máy thay bằng công nghệ mới để tự động hóa, lưu trữ số liệu, báo cáo phân tích, đánh giá hiệu quả thiết bị. Đội ngũ Kỹ thuật nhiều năm kinh nghiệm trong Ngành đã phát minh và chế tạo các công nghệ mới vừa để sử dụng nội bộ, vừa phục vụ mục tiêu thương mại hóa nhằm đa dạng nguồn thu. Bộ phận R&D nghiên cứu các thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo AI và IoT để tìm kiếm giải pháp, cơ hội ứng dụng tối ưu trong hoạt động kinh doanh của GEC như Hệ thống giám sát tình trạng làm việc của các dây tẩm Panel Năng lượng Mặt trời; Sản xuất Robot Lau pin đại trà ứng dụng cho các nhà máy Điện Mặt trời; Phát triển ứng dụng IoT trong lĩnh vực quan trắc Khí tượng thủy văn nhà máy Thủy điện; Hệ thống Điện Mặt trời tự động xoay theo hướng Mặt trời và Hệ thống Điện Mặt trời Nổi.

6.6. Tình Hình Nghiên Cứu Và Phát Triển Sản Phẩm Mới

Một trong những thành tựu không thể không kể đến đó là nỗ lực của Đội ngũ Kỹ thuật GEC đã luôn tiên phong trong việc nghiên cứu, phát triển và làm chủ khoa học công nghệ. Thành công trong việc đóng điện các dự án Điện Mặt trời đầu tiên tại Việt Nam cũng như duy trì quản lý vận hành ổn định các nhà máy chính là động lực và tiền đề để Đội ngũ Kỹ thuật nâng cao tay nghề, áp dụng công nghệ 4.0 vào quản lý nhà máy năng lượng tái tạo. Đến nay, GEC tự tin khẳng định nội lực, chủ động Quản lý - Điều hành mọi hoạt động sản xuất của Công ty, cũng như thương mại hóa những sáng kiến của mình trên thị trường. Trong năm 2020, những sáng chế mang thương hiệu GEC đã được thị trường biết đến và đánh giá cao như Hệ thống Điện Mặt trời Nổi, Điện Mặt trời Xoay trục, Robot Lau pin... Đồng thời với bề dày kinh nghiệm Quản lý Vận hành tại các NM Điện Mặt trời, GEC cũng đã sẵn sàng kiến toàn đội ngũ Chuyên gia nước ngoài O&M giàu kinh nghiệm, vững kỹ thuật, chủ công nghệ, cùng với nhiều giải pháp tối ưu và tự động hóa tại các nhà máy Năng lượng... tiến đến cung cấp Dịch vụ O&M cho các NM sản xuất Điện bên ngoài thị trường.

6.7. Tình Hình Kiểm Tra Chất Lượng Sản Phẩm/Dịch Vụ

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Hiện tại GEC đã triển khai hệ thống ERP để kiểm soát tồn kho, theo dõi công tác bảo trì; giới thiệu các công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu suất các Nhà máy như công nghệ làm sạch nano, quét nhiệt bằng máy bay không người lái, thiết lập phòng thí nghiệm Điện Mặt trời với chứng nhận ISO/IEC 17025:2017 và chứng nhận ISO 9001:2015; triển khai hệ thống trung tâm điều khiển từ xa tại GEC.

Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty

Hiện tại GEC tự chủ về việc cung cấp các dịch vụ thử nghiệm, kiểm định an toàn, quản lý và giám sát vận hành. Công ty có bộ phận chuyên trách về thí nghiệm và phát triển công nghệ, quản lý vận hành các dự án của công ty đảm bảo việc vận hành các nhà máy của công ty đảm bảo tính ổn định và an toàn cho con người và hệ thống điện.

Hiện tại công ty đang sở hữu các giấy phép về hoạt động thí nghiệm, thử nghiệm điện và kiểm định kiểm tra an toàn điện của Bộ Khoa học Công nghệ và Bộ Công thương cấp bao gồm: Cung cấp dịch vụ thử nghiệm điện theo NĐ 107/2016/NĐ-CP Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp ngày 1/7/2016 và QĐ 332.2020/QĐ-VPCNCL của Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 7/4/2020 mang số hiệu VILAS 878 đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 với chức năng hoạt động trong lĩnh vực thử nghiệm điện - điện tử, cung cấp dịch vụ kiểm định an toàn điện theo TT 33/2015/TT-BCT quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện ngày 27/10/2015 và Giấy Chứng Nhận 3579/GCNHDKĐ-BCT do BCT cấp 19/9/2017 với chức năng hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện làm việc ở môi trường không nguy hiểm về khí cháy và bụi nổ, có điện áp từ 1 kV trở lên.

6.8. Hoạt Động Marketing

Là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh loại hàng hóa đặc biệt là điện năng nên hoạt động Marketing của Công ty tập trung và các mục tiêu chủ yếu sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền động viên tập thể cán bộ, nhân viên Công ty chung sức, chung lòng, củng cố niềm tin cùng nỗ lực hoàn thành các mục tiêu mà Công ty đã đề ra;
- Tập trung sử dụng mọi thế mạnh sẵn có của Công ty, của các Đơn vị Thành viên để chú trọng phát triển lĩnh vực mũi nhọn là sản xuất kinh doanh điện năng, đồng thời mở rộng phát triển các lĩnh vực khác như tư vấn quản lý dự án, đầu tư xây dựng điện, cơ khí điện lực, kinh doanh dịch vụ và một số lĩnh vực liên quan khác;
- Hướng về cộng đồng dân cư nơi có hoạt động của các công trình, nhà máy:
 - o Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về giải phóng mặt bằng, hỗ trợ di dời và tái định cư cho người dân khu vực ảnh hưởng của công trình nhà máy điện;
 - o Góp phần tích cực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng tại địa phương nơi các nhà máy hoạt động;
- Tăng cường quảng bá hình ảnh doanh nghiệp, xây dựng hình ảnh thân thiện của GEC đối với xã hội, môi trường...
- Bên cạnh hoạt động phát triển kinh doanh, GEC song hành chú trọng quan tâm và phát triển cộng đồng địa phương nơi những dự án mang thương hiệu GEC được triển khai, góp phần chung tay cải thiện đời sống người dân tại đây;
- Đặc thù ngành nghề hoạt động các dự án của GEC thường phát triển tại các khu vực vùng sâu vùng xa, kinh tế kém phát triển. Với mong muốn thúc đẩy kinh tế địa phương, GEC luôn quan tâm tạo điều kiện tối đa để người dân nơi đây có cơ hội tham gia vào dự án như: ưu tiên tuyển dụng lao

động bản địa cho giai đoạn xây dựng; công bố thông tin tuyển dụng tại trụ sở UBND để tạo cơ hội cho lao động bản địa có chuyên môn vận hành dự án;

- Bảo vệ môi trường hướng đến mục tiêu Phát triển bền vững đang nhận được sự quan tâm lớn của toàn xã hội và đặc biệt là sự quản lý chặt chẽ về mặt pháp luật. Nhận thức được trách nhiệm và tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, GEC luôn chú trọng các hoạt động tuân thủ, không chỉ những tiêu chuẩn trong nước mà còn chuẩn mực quốc tế, đóng góp xây dựng một cuộc sống tươi đẹp cho cộng đồng và xã hội.

6.9. Nhãn Hiệu Thương Mại, Đăng Ký Phát Minh Sáng Chế Và Bản Quyền

Logo Tổ Chức Niêm Yết:



6.10. Các Hợp Đồng Lớn Đang Được Thực Hiện Hoặc Đã Được Ký Kết (nêu tên, trị giá, thời gian thực hiện, sản phẩm, đối tác trong hợp đồng)

S T T	Tên hợp đồng	Đối tác tham gia hợp đồng	Mua/ Bán	Giá trị (VND)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Nội dung
1	Hợp đồng mua bán điện nhà máy điện gió V.P.L 1	EVN	Bán điện	Doanh thu cụ thể được ghi nhận theo biên bản với EVN định kỳ hàng tháng	Tháng 5/2019	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại	Thỏa thuận về việc mua, bán điện tại nhà máy điện gió V.P.L 1 tỉnh Bến Tre
2	Hợp đồng mua bán điện nhà máy điện gió Ia Bang 1	EVN	Bán điện	Doanh thu cụ thể được ghi nhận theo biên bản với EVN định kỳ hàng tháng	Tháng 12/2020	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại	Thỏa thuận về việc mua, bán điện tại nhà máy điện gió Ia Bang 1 tỉnh Gia Lai
3	Hợp đồng mua bán điện nhà máy điện gió Tân Phú Đông 2	EVN	Bán điện	Doanh thu cụ thể được ghi nhận theo biên bản với EVN định kỳ hàng tháng	Tháng 3/2021	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại	Thỏa thuận về việc mua, bán điện tại nhà máy điện gió Tân Phú Đông 2 tỉnh Tiền Giang
4	Hợp đồng mua bán điện nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1	EVN	Bán điện	Doanh thu cụ thể được ghi nhận theo biên bản với EVN định kỳ hàng tháng	Tháng 3/2021	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại	Thỏa thuận về việc mua, bán điện tại nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1 tỉnh Tiền Giang
5	Hợp đồng cung cấp dịch vụ vận hành nhà máy điện gió Ia Bang 1	Công ty TNHH Vestas Wind Technology Việt Nam	Mua dịch vụ vận hành dự án	Phí dịch vụ thanh toán được xác định hàng năm	Tháng 10/2020	5 năm kể từ ngày vận hành thương mại	Thỏa thuận về việc cung cấp dịch vụ vận hành nhà máy điện gió

S T T	Tên hợp đồng	Đối tác tham gia hợp đồng	Mua/ Bán	Giá trị (VND)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Nội dung
6	Hợp đồng cung cấp dịch vụ vận hành nhà máy điện gió VPL	Công ty TNHH Vestas Wind Technology Việt Nam	Mua dịch vụ vận hành dự án	Phí dịch vụ thanh toán được xác định hàng năm	Tháng 6/2020	10 năm kể từ ngày vận hành thương mại	Thỏa thuận về việc cung cấp dịch vụ vận hành nhà máy điện gió
7	Hợp đồng cung cấp dịch vụ vận hành nhà máy điện gió Tân Phú Đông 2	Công ty TNHH Vestas Wind Technology Việt Nam	Mua dịch vụ vận hành dự án	Phí dịch vụ thanh toán được xác định hàng năm	Tháng 12/2020	10 năm kể từ ngày vận hành thương mại	Thỏa thuận về việc cung cấp dịch vụ vận hành nhà máy điện gió

7. Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh

7.1. Tóm Tắt Một Số Chỉ Tiêu Chủ Yếu Về Hoạt Động Sản Xuất Kinh Doanh Của Công Ty Trong 02 Năm Gần Nhất Và Quý Gần Nhất

- Kết quả riêng lẻ

Đơn vị: triệu Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm	Quý III năm 2021
Tổng giá trị tài sản	4.548.125	5.173.076	13,74%	5.876.863
Vốn chủ sở hữu	2.338.999	3.087.134	31,99%	3.346.844
Doanh thu thuần	748.808	931.999	24,46%	483.715
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	220.784	255.035	15,51%	172.046
Lợi nhuận khác	523	3.234	518,36%	- 11.294
Lợi nhuận trước thuế	221.307	258.269	16,70%	160.752
Lợi nhuận sau thuế	217.250	253.901	16,87%	159.572
Tỷ lệ nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân (%)	9,64%	9,36%	-	4,96

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2019, năm 2020 và BCTC riêng lẻ quý III/2021 của Tổ Chức Niêm Yết

- Kết quả hợp nhất

44

Đơn vị: triệu Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm	Quý III năm 2021
Tổng giá trị tài sản	6.763.219	7.773.108	14,93%	12.559.844
Vốn chủ sở hữu	2.579.628	3.467.916	34,43%	3.536.856
Doanh thu thuần	1.159.374	1.493.323	28,80%	938.389
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	304.290	303.928	-0,12%	239.532
Lợi nhuận khác	- 342	4.659	-	- 9.967
Lợi nhuận trước thuế	303.948	308.586	1,53%	229.566
Lợi nhuận sau thuế	290.516	294.963	1,53%	210.953
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	251.000	257.355	2,53%	181.228
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	39.516	37.607	-4,83%	29.725
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân (%) ¹	11,16%	9,57%	-	5,68%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III/2021 của Tổ Chức Niêm Yết

Nhận xét các chỉ tiêu công ty mẹ

Tài sản của công ty mẹ là 5.173 tỷ Đồng trong năm 2020, tăng 13,7% so với năm 2019, chủ yếu do hàng tồn kho, bao gồm các thiết bị phục vụ cũng như chi phí phục vụ cho việc gấp rút xây dựng các dự án điện gió. Vốn chủ sở hữu của công ty mẹ là 3.087 tỷ Đồng trong năm 2020, tăng 31,99% so với năm 2019 chủ yếu do vốn góp chủ sở hữu tăng 33% từ việc Công Ty phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Doanh thu thuần của công ty mẹ ở mức 931 tỷ Đồng trong năm 2020, tăng 24,46% so với năm 2019, chủ yếu đến từ hoạt động bán điện, trong đó thủy điện mang lại lợi nhuận cao trong cơ cấu doanh thu do tình hình thủy văn thuận lợi trong năm 2020, lưu lượng nước về nhiều nên sản lượng cao dẫn đến doanh thu và lợi nhuận đột biến so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ ở mức 253 tỷ Đồng trong năm 2020, tăng 16,87% so với mức 217 tỷ Đồng trong năm 2019 do phát sinh lợi nhuận tăng thêm từ

¹ Hệ số tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân được tính sau khi đã loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

hoạt động mua bán thiết bị so với cùng kỳ năm 2019.

Kết thúc 9 tháng năm 2021, tài sản công ty mẹ đạt 5.876 tỷ tăng nhẹ 22,81% so với cùng kỳ năm 2020 chủ yếu do tăng giá trị đầu tư vào các công ty con bao gồm: Công ty cổ phần Điện mặt trời TTC Đức Huệ - Long An, Công ty cổ phần năng lượng điện gió Tiền Giang, Công ty cổ phần điện gió Tiền Giang và Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo mới số 1. Trong 9 tháng đầu năm 2021, GEC ghi nhận doanh thu thuần hơn 483 tỷ Đồng, giảm nhẹ 17,54% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu bán điện giảm nhẹ nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn ghi nhận hơn 159 tỷ, tăng mạnh 118,65% so với cùng kỳ 2020 do Công Ty được nhận cổ tức và lợi nhuận được chia trong quý III.

Nhận xét các chỉ tiêu hợp nhất

Tài sản của hợp nhất của Công Ty và các công ty con là 7.773 tỷ Đồng trong năm 2020, tăng lên 14,93% so với năm 2019, chủ yếu do tài sản dở dang dài hạn tăng mạnh đến từ các dự án điện mặt trời, dự án điện gió, dự án điện mặt trời áp mái và các dự án khác của Công Ty. Vốn chủ sở hữu hợp nhất của GEC đạt 3.467 tỷ Đồng trong năm 2020, tăng 34,43% so với năm 2019 chủ yếu do tăng vốn góp từ việc phát hành thêm cổ phần và lợi nhuận thuần tăng trong năm 2020 so với năm 2019. Doanh thu thuần hợp nhất của Công Ty ở mức 1.493 tỷ Đồng trong năm 2020, tăng 28,80% so với năm 2019 chủ yếu do doanh thu từ bán điện tăng trưởng đều trong năm 2020. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công Ty ở mức 294 tỷ Đồng trong năm 2020, tương đương mức tăng nhẹ là 1,53% so với năm 2019 do do phát sinh lợi nhuận tăng thêm từ hoạt động mua bán thiết bị so với cùng kỳ năm 2019.

Tài sản hợp nhất cuối Quý 3/2021 đạt hơn 12.559 tỷ tăng mạnh 61,5% so với cùng kỳ cuối 2020 chủ yếu do tăng mạnh tài sản dở dang dài hạn từ Dự án điện gió VPL, dự án điện gió I A Bang và dự án Điện gió Tân Phú Đông 2. Trong 9 tháng đầu năm 2021, GEC ghi nhận doanh thu thuần hơn 938 tỷ Đồng, giảm 2,13% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu bán điện và nguồn thu từ cung cấp dịch vụ và kinh doanh thiết bị giảm nhẹ nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn ghi nhận hơn 210 tỷ, tăng nhẹ 2,4% so với cùng kỳ 2020 do Công Ty quản lý chặt chẽ hơn các chi phí và biên lợi nhuận gộp tốt hơn.

7.2. Những Nhân Tố Ảnh Hưởng Đến Hoạt Động Sản Xuất Kinh Doanh Của Công Ty Trong Năm Báo Cáo

Thuận lợi

Nhu cầu sử dụng điện liên tục tăng trong những năm qua. Tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa ở mức cao khiến hoạt động sản xuất điện hiện tại phải nỗ lực và liên tục phát triển để đáp ứng hoàn toàn nhu cầu cho sinh hoạt và sản xuất. Nếu như năm 2010 sản lượng điện toàn hệ thống chỉ đạt khoảng 94 tỷ kWh thì đến năm 2019 đã lên tới 240 tỷ kWh - tăng gấp 2,6 lần trong vòng 9 năm và riêng năm 2020 đạt 250 tỷ kWh, tiếp tục tăng 4% so với cùng kỳ. Tỷ lệ tăng trưởng kép 2010-2020 lên đến 10%. Dự kiến trong năm 2021 theo Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia A0, sản lượng điện toàn hệ thống sẽ tăng khoảng 7% lên 268 tỷ kWh. Có thể thấy nhu cầu điện năng của Việt Nam vẫn đang giữ đà tăng trưởng mạnh và ổn định qua nhiều năm.

Trong những năm gần đây, Cơ chế khuyến khích phát triển Điện Mặt trời tại Việt Nam thông qua các QĐ số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 và QĐ số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6/4/2020 của TTCP đã góp phần cho sự phát triển bùng nổ đối với ngành năng lượng tái tạo nói chung và Điện Mặt trời nói riêng. Đến cuối năm 2020, tổng công suất lắp đặt về Điện Mặt trời trên cả nước đã đạt tới khoảng 19.400 MWp (trong đó có gần 9.300 MWp là Điện Mặt trời Áp mái), tương ứng khoảng 16.500 MW - xấp xỉ 25% tổng công suất lắp đặt nguồn điện của hệ thống điện Quốc gia.

W

Đầu Quý II/2020, Chính phủ đã ban hành Cơ chế khuyến khích phát triển Điện Mặt trời tại Việt Nam theo VB số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6/4/2020. GEC đã đón cơ hội, tận dụng các cơ sở hiện có, đưa vào vận hành 34 MWp Điện Mặt trời Áp mái hưởng Giá FIT2 8,38 UScent/kWh. Quan trọng hơn hết là việc tích cực triển khai xây dựng 3 dự án Điện Gió V.P.L 1 Bến Tre, Ia Bang 1 Gia Lai và Tân Phú Đông 2 Tiền Giang với tổng công suất 130 MW để kịp đưa vào vận hành trước tháng 11/2021 hưởng giá FIT1 ngoài khơi và trên bờ 9,8 UScent/kWh và 8,5 UScent/kWh; chính thức ghi nhận Doanh thu đóng góp đáng kể từ Điện Gió. Bên cạnh đó, GEC cũng chủ động chuẩn bị cho Cơ chế Đấu thầu Điện Mặt trời, Chương trình Thí điểm Mua bán điện trực tiếp DPPA để đưa thêm 1 đến 2 dự án Điện Mặt trời vào đóng điện trong năm 2021, góp phần phát triển và xây dựng kinh tế Địa phương. Với tầm nhìn “Trở thành tổ chức tư nhân dẫn đầu về lĩnh vực NLTT tại Việt Nam”, sau 31 năm xây dựng và phát triển, GEC đã đưa vào vận hành và đang triển khai một hệ thống danh mục năng lượng tái tạo đa dạng loại hình bao gồm Thủy điện, Điện Mặt trời, Áp mái, Điện Gió với tổng công suất lên đến hơn 485 MW, hướng tới mục tiêu chiến lược 1.700+ MWp năm 2025. Song song với vấn đề đảm bảo các chỉ số sinh lời, GEC vẫn kiên định với sứ mệnh của một Nhà phát triển năng lượng tái tạo có trách nhiệm khi không ngừng hoàn thiện các tiêu chuẩn Quốc tế IFC cho 1 dự án năng lượng tái tạo đạt chất lượng về Môi trường và Xã hội; cũng như việc áp dụng kỹ thuật công nghệ tiên tiến nhằm mang lại các giá trị gia tăng cho chính Công ty, cổ đông, đóng góp tích cực cho an ninh Năng lượng Quốc gia.

Khó khăn

Năm 2020 là một năm nhiều khó khăn và biến động với hàng loạt những sự kiện xảy ra mà hầu hết chúng ta đều không lường trước được. Sự bùng phát của Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến kinh tế xã hội trên toàn thế giới. Đối với Việt Nam, năm 2020 còn là năm ghi nhận những diễn biến thiên tai bất thường. Theo Tổng cục Thống kê, thiệt hại do thiên tai gây ra ước khoảng 39.100 tỷ đồng, tương đương 1,7 tỷ USD trong năm, ảnh hưởng nặng nề đến đời sống của người dân và hoạt động sản xuất, kim hãm sức bật của nền kinh tế. Năm 2020, Chính phủ đặt ra mục tiêu kép “Vừa chống dịch, vừa phát triển kinh tế”. Để đạt được mục tiêu đó, Ngành Năng lượng có vai trò đặc biệt quan trọng, luôn song hành để đáp ứng cho nhu cầu phát triển Kinh tế Xã hội. Với các chính sách khuyến khích ngành năng lượng tái tạo của Chính phủ, tính đến cuối năm 2020 tổng công suất lắp đặt Điện Gió đạt 485 MW, Điện Mặt trời là 19.400 MWp - chiếm trên 25% tổng công suất nguồn điện toàn quốc, trong đó có 9.296 MWp từ các nguồn Điện Mặt trời Mái nhà và Điện Sinh khối đạt 327 MW. Theo ước tính, Việt Nam có thể đối mặt với nguy cơ thiếu điện trong giai đoạn 2021-2025, qua đó tiếp tục thúc đẩy việc phát triển nguồn năng lượng tái tạo vẫn là ưu tiên của Chính phủ. Đầu tháng 2/2020, Bộ Chính trị đã ban hành NQ 55 về Định hướng chiến lược phát triển Năng lượng Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong Tổng cung Năng lượng sơ cấp được xác định sẽ đạt khoảng 15-20% vào năm 2030, 25-30% vào năm 2045, tăng mạnh so với mức 10% vào cuối năm 2020.

8. Vị Thế Của Công Ty So Với Các Doanh Nghiệp Khác Trong Cùng Ngành

8.1. Vị Thế Của Công Ty Trong Ngành

Tổ Chức Niêm Yết là một trong những doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực năng lượng tái tạo tại Việt Nam. Quy mô doanh thu và tổng tài sản năm 2020 thuộc nhóm đầu nếu so sánh với một số công ty khác trong ngành.

Tổ Chức Niêm Yết hiện đang sở hữu danh mục dự án gồm 13 nhà máy thủy điện với tổng công suất 84MW, 05 nhà máy điện mặt trời và hệ thống ĐMT áp mái với tổng công suất 293MWp. Hiện tại, công ty đang đẩy mạnh tập trung đầu tư các dự án mới gồm 01 nhà máy điện mặt trời nổi lưới với công suất

49MWp và 05 nhà máy điện gió tổng công suất 260 MW, trong đó 03 nhà máy với 130 MW điện gió và đã vận hành trước tháng 11 năm 2021 để được hưởng cơ chế giá F.I.T.

8.2. Triển Vọng Phát Triển Của Ngành

Cho đến nay, không có công nghệ năng lượng nào rẻ bằng thủy điện. Các chi phí vận hành và bảo dưỡng hàng năm thấp so với vốn đầu tư và thấp hơn nhiều các nhà máy điện khác. Chi phí thực tế để sản xuất điện của các nhà máy thủy điện ở Việt Nam hiện nay rất thấp, khoảng 2-3 UScent/kWh; trong khi bình quân giá thành sản xuất điện của các loại hình năng lượng là 1.727 đồng/kWh, tương đương 7 UScent/kWh. Hiện Việt Nam đang khai thác vận hành 19.700 MW thủy điện, chiếm 40% công suất và 37% điện năng của hệ thống điện và là nguồn năng lượng chính đáp ứng nhu cầu điện trong nước. Theo chỉ số bổ sung năng lượng tái tạo của HIS Markit (Anh), Việt Nam hiện đang đứng thứ 3 trong khu vực và đứng đầu trong số các thị trường mới nổi khi Việt Nam đưa ra giá điện tốt để thu hút đầu tư vào điện gió và điện mặt trời. Có thể nói trong những năm gần đây, cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam đã mang lại sự phát triển bùng nổ đối với năng lượng tái tạo nói chung và điện mặt trời nói riêng. Toàn bộ sản lượng điện phát từ điện mặt trời trên toàn quốc trong cả năm 2020 là 11 tỷ kWh, chiếm khoảng 4% tổng sản lượng huy động nguồn toàn hệ thống điện Quốc gia. Nếu so sánh với cơ cấu công suất nguồn điện năm 2019 cho thấy Quyết định số 13 đã rất hấp dẫn, thu các nhà đầu tư vào điện mặt trời.

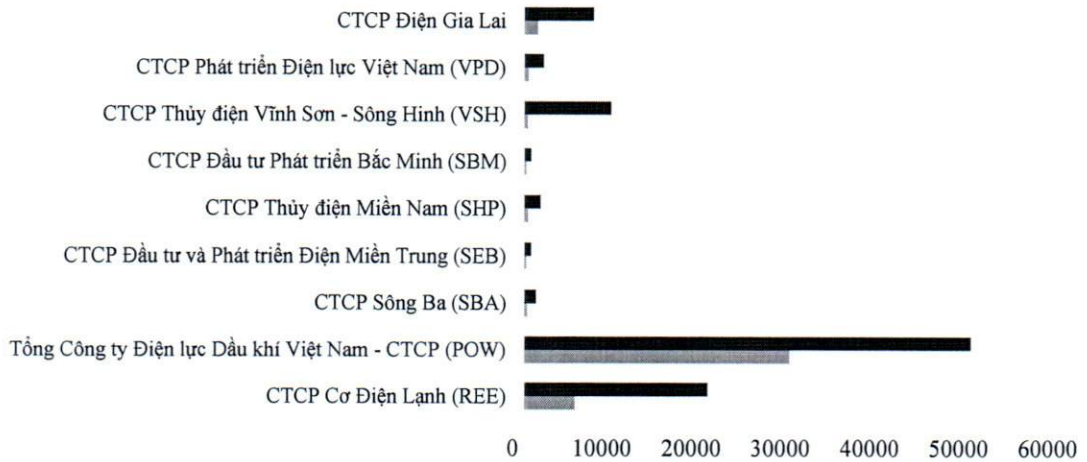
Với lợi thế đường biển dài hơn 3.200 km và tốc độ gió trung bình ở Biển Đông hàng năm lớn hơn 6m/s ở độ cao 65 m, phát triển năng lượng gió tại Việt Nam có triển vọng rất lớn. Rất nhiều dự án điện gió đã triển khai từ năm 2019 và đồng loạt triển khai mạnh mẽ từ 2020. Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2020, Bộ công thương đã có 3 văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ bổ sung quy hoạch thêm 7.000 MW điện gió vào quy hoạch điện. Đề nghị này đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý bổ sung quy hoạch tại văn bản số 795/TTg-CN ngày 25/6/2020, văn bản số 911/TTg-CN ngày 15/07/2020.

Sau khi phê duyệt bổ sung quy hoạch, Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản số 196/TTg-CN 18/2/2021 gửi Bộ công thương, về việc báo cáo kết quả rà soát danh mục các dự án điện gió đã hoàn thành công tác thẩm định. Báo cáo của BCT cho thấy đến nay quy mô công suất các dự án nguồn điện gió được bổ sung vào Quy hoạch điện VII (điều chỉnh) đã ở mức cao - 11.800 MW, trong đó mới chỉ có 538 MW đưa vào vận hành đến cuối năm 2020, còn khoảng 11.262 MW đang được triển khai. Như vậy, rất nhiều dự án đã và đang thực hiện các thủ tục đầu tư, xây dựng để chạy đua kịp tiến độ vào vận hành trước tháng 11/2021. Thực hiện dự án trong giai đoạn nước rút, việc mua thiết bị, tuabin không phải là dễ dàng, các doanh nghiệp phải xoay sở để tìm kiếm và đàm phán với các công ty cung cấp thiết bị trong Top 5 thế giới. Tất nhiên, do thời gian còn rất ngắn nên giá thiết bị cũng tăng trên 10% so với trước. Khi đã có hợp đồng mua sắm thiết bị, doanh nghiệp phải tìm kiếm đơn vị lắp đặt, lắp đặt thiết bị, tổ chức ký hợp đồng với đơn vị vận chuyển. Tất cả các hoạt động đều được thực hiện khẩn trương, gấp rút để đảm bảo tiến độ.

Bộ công thương cũng có văn bản gửi các Bộ, Ngành, đơn vị liên quan đề nghị cho ý kiến đối với dự thảo báo cáo Thủ tướng Chính phủ về phương án giải quyết khó khăn trong đầu tư xây dựng các dự án điện gió. Trong dự thảo, Bộ công thương kiến nghị Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương kéo dài thời điểm áp dụng giá FIT cho các dự án điện gió đến hết năm 2023. Các dự án vận hành từ tháng 11/2021 đến hết năm 2022 sẽ áp dụng mức giá mua vào 7,02 UScent/kWh cho điện gió mặt đất - giảm khoảng 17% so với giá FIT trước đó là 8,5 UScent/kWh và 8,47 UScent/kWh cho các điện gió ngoài khơi hoặc gần bờ - giảm khoảng 13% so với giá FIT trước đó là 9,8 UScent/kWh. Các dự án vận hành từ năm 2023 sẽ áp dụng mức giá lần lượt 6,81 UScent/kWh và 8,21 UScent/kWh. Đồng thời, do thời gian thẩm định riêng lẻ các dự án điện gió đến khi trình Quy hoạch điện VIII không còn nhiều, Bộ công thương tạm dừng xem xét thẩm định bổ sung huy hoạch các dự án điện gió vào Quy hoạch điện phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2011-2020, có xét đến 2030 - Quy hoạch điện VII hiệu chỉnh.

8.3. So Sánh Về Tình Hình Tài Chính Và Hoạt Động Kinh Doanh Của Các Doanh Nghiệp Trong Cùng Ngành

So sánh quy mô doanh thu, tổng tài sản một số doanh nghiệp lĩnh vực phát triển điện năng năm 2020 (tỷ Đồng)



Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020 của Tổ Chức Niêm Yết, VPD, VSH, SBM, SHP, SEB, SBA, POW và REE

8.4. Đánh Giá Về Sự Phù Hợp Định Hướng Phát Triển Của Công Ty Với Định Hướng Của Ngành, Chính Sách Của Nhà Nước Và Xu Thế Chung Trên Thế Giới

Định Hướng Phát Triển Ngành Điện Việt Nam Đến Năm 2030, Tầm Nhìn Đến 2045

Tại Nghị quyết 55-NQ/TW do Ban Chấp hành Trung ương ban hành ngày 11/2/2020 về Định hướng chiến lược phát triển Năng lượng Quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đề cập những mục tiêu cụ thể, hoạch định rõ ràng và chi tiết. Theo đó, định hướng phát triển Năng lượng Quốc gia trong giai đoạn tới cần phát triển nhanh và bền vững các nguồn phát điện với cơ cấu và phân bổ hợp lý, bảo đảm an toàn, tin cậy, ổn định theo hướng đa dạng hóa, chú trọng nâng cao hệ số công suất khả dụng và có dự phòng công suất phù hợp; đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường sinh thái.

Giảm phát thải khí nhà kính



Tỷ trọng của NLTT



Tiết kiệm năng lượng



Nguồn: Nghị quyết 55-NQ/TW

Đối với loại hình thủy điện sẽ:

- Huy động tối đa các nguồn thủy điện hiện có;
- Phát triển có chọn lọc, bổ sung một số thủy điện nhỏ và vừa, thủy điện tích năng;

- Có chiến lược hợp tác phát triển thủy điện gắn với nhập khẩu điện năng dài hạn từ nước ngoài.

Đối với loại hình điện gió và điện mặt trời sẽ:

- Ưu tiên phát triển phù hợp với khả năng bảo đảm an toàn hệ thống với giá thành điện năng hợp lý;
- Khuyến khích phát triển ĐMT áp mái và nổi;
- Xây dựng các chính sách hỗ trợ và cơ chế đột phá cho phát triển điện gió ngoài khơi gắn với triển khai thực hiện chiến lược biển Việt Nam.

Định Hướng Phát Triển Của Tổ Chức Niêm Yết Phù Hợp Với Xu Thế Phát Triển Chung

GEC vẫn không ngừng mở rộng quy mô danh mục đầu tư đặc biệt trong 2 năm gần đây. Sau bước đầu thành công khi đưa vào vận hành 13 nhà máy thủy điện với tổng công suất 84 MW, 5 nhà máy ĐMT và hệ thống ĐMT mái nhà với tổng công suất 293 MWp trải dài từ các tỉnh Miền Trung đến các tỉnh Nam Bộ. Bước sang năm 2021, cùng với các nhà thầu EPC uy tín, kinh nghiệm trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, GEC đang triển khai xây dựng và dự kiến đưa vào vận hành 3 nhà máy điện gió và 1 nhà máy điện mặt trời, chính thức ghi nhận dấu ấn của GEC trong lĩnh vực Điện Gió.

Đề đa dạng hóa danh mục năng lượng tái tạo theo chiến lược 5 năm 2021-2025, bắt đầu từ cuối năm 2018, GEC đã lắp đặt các trụ đo gió tại các khu vực Nam Bộ để đánh giá tiềm năng gió tại các vị trí tiềm năng phát triển điện gió. Bước ngoặt đầu tiên của GEC trong lĩnh vực điện gió là thành công M&A dự án điện gió V.P.L1 - Bến Tre với công suất 30 MW. Tiếp đến, GEC đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung quy hoạch 230 MW điện gió theo công văn số 795/TTg-CN ngày 25/6/2020 bao gồm dự án V.P.L 2 - Bến Tre với công suất 30 MW, Ia Bang 1 - Gia Lai với công suất 50 MW và cụm Tân Phú Đông - Tiền Giang với công suất 150 MW. Thị phần điện gió được bổ sung quy hoạch của GEC chiếm khoảng 2,2% trên thị trường gió với tổng công suất 260 MW so với tổng công suất là 11.800 MW. Dự kiến 130 MW sẽ vận hành thương mại (COD) trước tháng 11/2021 để hưởng Giá FIT 1 điện gió là 9,8 UScent/kWh và 8,5 UScents/kWh cho 2 dự án ngoài khơi V.P.L 1 tại Bến Tre, Tân Phú Đông 2 tại Tiền Giang và 1 dự án trên bờ Ia Bang 1 tại Gia Lai. Sau khi các dự án điện gió chính thức đi vào hoạt động sẽ đóng góp tỷ trọng khoảng 12% trong cơ cấu doanh thu điện năm 2021.

Với những tiềm năng và thuận lợi khi tham gia vào lĩnh vực năng lượng tái tạo cùng với kinh nghiệm hoạt động lâu năm trong ngành, Tổ Chức Niêm Yết định hướng sẽ phát triển thành một tập đoàn đầu tư hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng tái tạo.

9. Chính Sách Đối Với Người Lao Động

9.1. Số Lượng Người Lao Động Trong Công Ty

Công Ty sử dụng 348 lao động tính đến ngày 30 tháng 09 năm 2021.

Bảng dưới đây thể hiện tổng số lao động (không bao gồm lao động công nhật) và thu nhập bình quân tính đến ngày 30 tháng 09 năm 2021:

Năm	2018	2019	2020	30/09/2021
Tổng số nhân viên (người), trong đó:	319	373	337	348
- Nhân sự người Việt Nam (người)	318	372	336	347
- Nhân sự người nước ngoài (người)	1	1	1	1
Thu nhập bình quân/tháng (VND) của người Việt Nam	14	16	18	15

9.2. Chính Sách Đối Với Người Lao Động

Chế độ làm việc

Công Ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 5 ngày/tuần. Cán bộ nhân viên được hưởng chế độ nghỉ lễ và nghỉ phép theo quy định của pháp luật hiện hành. Cán bộ nhân viên có quyền lợi được cấp phát trang thiết bị làm việc đầy đủ và được hỗ trợ một số khoản phụ cấp nhằm đảm bảo hoàn thành công việc.

Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Cơ sở cho hoạt động tuyển dụng của Công Ty chính là quy trình tuyển dụng công khai, công bằng đối với tất cả các ứng viên. Để tận dụng tối đa thế mạnh về nguồn nhân lực, Công ty luôn chú trọng xây dựng chế độ, chính sách đối với người lao động cũng như môi trường làm việc phù hợp nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động phát huy khả năng và yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty. Công ty áp dụng các chế độ đãi ngộ đối với những nhân sự làm việc xa xứ nhằm động viên, khích lệ tinh thần làm việc của Cán bộ nhân viên. Đặc biệt, Công ty chú ý phát triển nguồn nhân lực địa phương với ưu điểm ổn định cũng như đạt được mục đích tạo thêm việc làm cho con em địa phương. Bên cạnh công tác tuyển dụng nhân sự truyền thống, hiện nay, Công ty thực hiện chính sách thu hút nhân tài thông qua các hoạt động tuyển sinh, phối hợp với các đơn vị đào tạo vận hành nhà máy, nhằm phục vụ cho đội ngũ nhân sự làm việc tại các Ban Quản lý dự án. Thế mạnh của GEC là thu hút được một đội ngũ nhân sự trung thành và gắn bó, thế mạnh này sẽ tiếp tục phát huy để đảm bảo tính hoạt động liên tục cũng như hiệu suất công việc của từng nhân sự. Lương, thưởng, đãi ngộ của Cán bộ nhân viên được xác định dựa trên những công việc thực hiện, năng lực, trách nhiệm, vị trí, thâm niên công tác, bằng cấp chuyên môn, kết quả, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chính sách hỗ trợ của Công ty trong từng thời kỳ.

Chính sách lương thưởng và phúc lợi

Công ty đã xây dựng chính sách đãi ngộ công bằng, xét nâng lương định kỳ, trả lương theo năng lực, thưởng theo thành tích, hiệu quả công việc và mức độ đóng góp vào sự phát triển của Công ty, xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh, tạo động lực phấn đấu cho tất cả Cán bộ nhân viên Công ty. Ngoài tiền lương hàng tháng, Công ty còn thực hiện chi trả lương tháng 13, thưởng hiệu quả cuối năm, tặng quà vào các ngày lễ trong năm cho Cán bộ nhân viên. Đồng thời, thường xuyên soát xét và cải tiến chính sách lương, thưởng cho phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo tính cạnh tranh trong thị trường lao động. Ngoài việc nỗ lực duy trì chế độ phúc lợi cho Cán bộ nhân viên theo đúng quy định của Công ty và Pháp luật hiện hành, trong năm 2018, GEC đã xây dựng một số chính sách về lương, thưởng nhằm khuyến khích, động viên và thúc đẩy tinh thần cống hiến của Cán bộ nhân viên:

- Ban hành Quy định chế độ làm việc cho Cán bộ nhân viên làm việc tại các dự án Năng lượng. Chính sách này là một sự hỗ trợ kịp thời bằng vật chất cho các nhân sự tham gia các dự án, góp phần nâng cao hiệu quả làm việc, đẩy nhanh tiến độ công việc tại các Dự án;
- Chính sách thưởng hiệu quả công việc đối với các gói thầu của Phòng thí nghiệm, khuyến khích Cán bộ nhân viên trong việc tạo nên và gia tăng DT;
- Ban hành Quy định khen thưởng cho công tác phát triển Dự án Điện Mặt trời, Điện Gió; khuyến khích Cán bộ nhân viên hoàn thành tiến độ dự án, tiết kiệm chi phí và tăng chất lượng công việc;
- Nghiên cứu phát triển các chính sách phúc lợi nhằm nâng cao đời sống về vật chất, tinh thần cho Cán bộ nhân viên, theo đó cấu trúc đãi ngộ được chia làm 2 hướng: Trực tiếp như Lương, thưởng, phúc lợi bằng hiện kim như tháng lương thứ 13 và chia lợi nhuận; Gián tiếp như Chế độ nghỉ phép/bù, bảo hiểm (bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn), an toàn lao động (khám sức khỏe định kỳ), phúc lợi người thân, dịch vụ khác (cơm trưa, quà tặng sinh nhật, quà Tết, nghỉ mát) ...



ul

Hoạt động đào tạo người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực luôn được đánh giá là lợi thế hàng đầu của doanh nghiệp, góp phần quan trọng trong việc duy trì và thúc đẩy phát triển bền vững thông qua năng suất lao động ngày một cải thiện. Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác đào tạo đội ngũ Cán bộ nhân viên, Công ty đã xây dựng kế hoạch tổng thể đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng đối với cán bộ, chuyên viên và đào tạo phát triển công nhân kỹ thuật lành nghề, công nhân chuyên ngành phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty. Chú trọng công tác đào tạo nội bộ, đồng thời thường xuyên cử Cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo bên ngoài nhằm đảm bảo Cán bộ nhân viên có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, Ban Lãnh đạo Công ty chú trọng đến công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực đặc biệt công tác xây dựng lực lượng kế thừa có đủ năng lực và trình độ chuyên môn để phát huy hiệu quả hoạt động của Công ty, để chuẩn bị kịp thời nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu hội nhập phát triển trong thời đại mới. GEC còn tổ chức các lớp Kỹ năng mềm nhằm phát triển mối quan hệ trong công việc, đảm bảo quản lý có kỹ năng, điều hành công việc hiệu quả, phân công đúng người, đúng việc. GEC luôn khuyến khích các cấp quản lý chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm với nhân viên, tạo sự gắn gũi cao nhất trong mối quan hệ giữa cấp trên và nhân viên. Các khóa đào tạo nội bộ về chuyên môn được chia sẻ bởi các nhân sự trong nội bộ Phòng ban như đào tạo kiến thức chuyên môn về lĩnh vực điện, nghiệp vụ quản lý Cổ đông, công bố thông tin, nghiệp vụ thư ký, trợ lý, các buổi sinh hoạt chuyên môn về nghiệp vụ kế toán...

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty có những chính sách đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của Pháp luật lao động như trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn. Công ty phối hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban Nữ công tổ chức Hội thao truyền thống, Giao lưu văn nghệ và tạo điều kiện cho người lao động tham gia, vừa góp phần nâng cao sự gắn kết giữa các Cán bộ nhân viên, vừa phục vụ đời sống tinh thần. Đối với các trường hợp phải làm ca đêm, Công ty còn có các chế độ bồi dưỡng thực tế nhằm bồi dưỡng sức khỏe, tinh thần cũng như tạo tâm lý tốt nhất cho người lao động trong quá trình làm việc. Định kỳ hàng năm, Công ty mời các cơ quan chức năng kiểm tra độ ồn, rung, bụi... để có căn cứ nghiên cứu và trang bị bổ sung thêm phương tiện bảo vệ cá nhân như đồng phục, thiết bị bảo hộ cho nhân viên nhằm hạn chế ảnh hưởng của môi trường đến sức khỏe người lao động, giảm trừ những yếu tố nguy hiểm, có hại...; từ đó cải thiện môi trường làm việc và đưa ra chế độ phụ cấp độc hại Công ty luôn nỗ lực xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, đảm bảo tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp; trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, tập huấn công tác an toàn, vệ sinh lao động cho toàn thể cán bộ nhân viên. Ngoài ra, hàng năm Công ty đều tạo điều kiện cho Cán bộ nhân viên được tham gia khám sức khỏe, tham quan nghỉ mát, khuyến khích Cán bộ nhân viên nghỉ phép để phục hồi sức lao động.

10. Chính Sách Vay Nợ Trong Thời Hạn Trái Phiếu, Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán Của Trái Phiếu Trong Danh Mục Nợ Của Tổ Chức Niêm Yết

10.1. Chính Sách Vay Nợ Trong Thời Hạn Trái Phiếu

Trong thời hạn của Trái Phiếu, trên cơ sở nhu cầu vốn hoạt động và trên cơ sở tự cân đối nguồn vốn, Tổ Chức Niêm Yết có thể sẽ cần huy động thêm vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu riêng lẻ hoặc phát hành trái phiếu ra công chúng hoặc các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

10.2. Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán Của Trái Phiếu Trong Danh Mục Nợ Của Tổ Chức Niêm Yết

Tổ Chức Niêm Yết có thể sẽ phát hành nhiều trái phiếu bao gồm trái phiếu có tài sản bảo đảm và trái phiếu không có tài sản bảo đảm. Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, có thứ tự thanh toán ngang bằng với các nghĩa vụ chung không phải là nợ thứ cấp và không được bảo đảm khác (dù là nghĩa vụ hiện tại hay tương lai) của Tổ Chức Niêm Yết (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo quy định của pháp luật). Các Trái Phiếu có các quyền, lợi ích ngang nhau và không Trái Phiếu nào có bất kỳ quyền ưu tiên nào so với bất kỳ Trái Phiếu nào khác vì bất kỳ lý do nào.

Khi thanh lý tài sản của Công Ty nhằm mục đích giải thể hay phá sản Công Ty, Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán sau các nghĩa vụ nợ đối với người lao động và Nhà nước nhưng trước so với các khoản phân chia cho cổ đông của Công Ty. Đối với những trái phiếu có tài sản đảm bảo, tài sản đảm bảo sẽ được xử lý để thanh toán cho nghĩa vụ trái phiếu cụ thể đó. Trong trường hợp giá trị tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty, các đối tượng (bao gồm các chủ sở hữu của Trái Phiếu) sẽ có cùng một thứ tự ưu tiên được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với số nợ.

11. Tình Hình Hoạt Động Tài Chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- Trích khấu hao TSCĐ:

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản phù hợp với Quyết định số 45/2013/QĐ-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian hữu dụng ước tính là như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	:	5 - 48 năm
Máy móc thiết bị	:	5 – 20 năm
Phương tiện vận tải	:	5 – 20 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	:	3 – 10 năm
Khác	:	2 - 20 năm

- Mức lương bình quân:

Mức thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên người Việt Nam của Tổ Chức Niêm Yết tại thời điểm 30 tháng 10 năm 2021 là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu Đồng)/người/tháng, nằm ở mức cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác trong cùng lĩnh vực.

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

- Các khoản nợ của Tổ Chức Niêm Yết đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác như: Phải trả người bán, Phải trả người lao động, Phải trả phải nộp khác được Tổ Chức Niêm Yết thanh toán đúng hạn và đầy đủ.
- Tổ Chức Niêm Yết và công ty con không vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết liên quan đến các khoản nợ.

- Các khoản phải nộp theo luật định:

Các loại thuế	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
---------------	------------	------------	------------

	(triệu VND)	(triệu VND)	(triệu VND)
Thuế giá trị gia tăng	2.081	20.096	15.806
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.561	9.379	11.933
Thuế thu nhập cá nhân	2.481	2.609	3.239
Thuế tài nguyên	2.261	4.363	5.003
Các loại thuế khác	2.548	1.241	4.632
Tổng	15.932	37.688	40.613

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý III/2021 của Tổ Chức Niêm Yết)

- Trích lập các quỹ theo luật định:

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
Quỹ đầu tư phát triển	78.813	87.319	95.106
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	31.566	35.714	36.795
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	590	283	199
Tổng cộng	110.969	123.316	132.100

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2021 của Tổ Chức Niêm Yết)

Năm 2019 và 2020, Tổ Chức Niêm Yết đã thực hiện trích lập các quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi theo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên của Tổ Chức Niêm Yết.

- Tổng dư nợ vay:

Đơn vị: triệu Đồng

	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	553.636	600.885	459.494
Vay ngân hàng	295.407	84.478	203.108
Vay bên liên quan	7.000	-	-
Trái phiếu phát hành đáo hạn trong vòng một năm	15.000	231.000	-
Vay dài hạn ngân hàng đáo hạn trong vòng một năm	236.094	282.800	-
Nợ thuê tài chính đáo hạn trong vòng một năm	-	2.529	-
Vay dài hạn khác đáo hạn trong vòng một năm	135	78	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	256.386
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.343.142	3.200.587	6.045.332
Vay ngân hàng	2.858.081	2.738.696	4.822.864

Phát hành trái phiếu	489.000	455.000	1.225.000
Chi phí phát hành trái phiếu	- 3.977	- 4.738	- 18.639
Nợ thuê tài chính	-	11.605	16.083
Khác	38	24	24
Tổng cộng:	3.896.778	3.801.472	6.504.826

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2021 của Tổ Chức Niêm Yết)

(*) Các trái phiếu này được phát hành bởi công ty con của Tổ Chức Niêm Yết và được ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổ Chức Niêm Yết theo nguyên tắc kế toán của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại 31/12/2020 và 30/9/2021 như sau:

STT	Bên cho vay ngắn hạn	Dư nợ tại 31/12/2020	Dư nợ tại 30/09/2021
1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Gia Lai	69.419	69.561
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") - CN Gia Lai	15.058	42.533
3	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam		91.014
	Tổng	84.477	203.108

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn tại 31/12/2020 và 30/9/2021 như sau:

STT	Bên cho vay dài hạn	Dư nợ tại 31/12/2020	Dư nợ tại 30/09/2021
1	Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai	750.400	3.410.046
2	Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai	664.000	-
3	Vietcombank - Chi nhánh Hồ Chí Minh	547.350	453.900
4	Agribank - Chi nhánh Gia Lai	431.000	378.500
5	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	406.361	342.361
6	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - CN Gia Định	86.073	165.739
7	BIDV - CN Gia Định	70.555	-
8	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ("Vietinbank") - CN 1 Hồ Chí Minh	49.256	-
9	Vietinbank - CN Gia Lai	-	-
10	Vietinbank - CN Quận 1 Hồ Chí Minh	-	-
11	Vietinbank - CN 1 Hồ Chí Minh	-	-
12	Vietinbank - CN 1	-	34.661
13	BIDV - CN Gia Định	16.500	
14	Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Tân Bình	-	27.507
15	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Phú Nhuận	-	9.800
16	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 4 TPHCM	-	350
	<i>Đáo hạn trong vòng 1 năm</i>	<i>- 282.800</i>	<i>-</i>
	Tổng	2.738.695	4.822.864

Bảng dưới đây liệt kê chi tiết các khoản trái phiếu của Công Ty và các công ty con đến thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2021:

<i>S</i>	<i>Mô tả công nợ</i>	<i>Bên</i>	<i>Bên</i>	<i>Khoản tiền</i>	<i>Năm</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Số dư còn lại</i>
<i>T</i>		<i>vay</i>	<i>cho</i>	<i>nợ gốc</i>	<i>đáo</i>	<i>(Năm đầu,</i>	<i>tại thời điểm</i>
<i>T</i>			<i>vay</i>	<i>(triệu</i>	<i>hạn</i>	<i>Biên độ các</i>	<i>30/9/2021³</i>
				<i>VND)</i>		<i>năm sau²)</i>	
1	Trái phiếu tiền Đồng có tài sản bảo đảm	GEG	Trái chủ	300.000	2028	7,8%; +2,6%	225.000
2	Trái phiếu tiền Đồng có tài sản bảo đảm	GEG	Trái chủ	200.000	2022	10,5%	200.000
3	Trái phiếu tiền Đồng có tài sản bảo đảm	GEG	Trái chủ	500.000	2024	9,5%; +3,3%	500.000
4	Trái phiếu tiền Đồng có tài sản bảo đảm, có bảo lãnh thanh toán của bên thứ ba	GEG	Trái chủ	300.000	2024	9,5%; +3,28%	300.000
	<i>Trừ: Chi phí phát hành</i>						18.639
	Giá trị ghi sổ của trái phiếu						1.206.361

- **Tình hình công nợ hiện nay:**

- o *Các khoản phải thu:*

Đơn vị: triệu Đồng

<i>Danh mục</i>	<i>31/12/2019</i>	<i>31/12/2020</i>	<i>30/09/2021</i>
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	688.224	1.434.321	739.030
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	213.458	321.099	275.573
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	74.261	466.162	93.157
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>	157.900/	144.200	219.176
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	243.109	503.134	151.398
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	(511)	(280)	(280)
<i>Tài sản thiếu chờ xử lý</i>	6	6	6
<i>Các khoản phải thu dài hạn</i>	573	25.783	17.351

² Lãi suất cho các năm tiếp theo được tính bằng tổng của bình quân lãi suất của các khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của bốn ngân hàng thương mại có tên tuổi ở Việt Nam và cộng biên độ.

³ Số dư trái phiếu tại thời điểm 30/6/2021 được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

60

<i>Phải thu dài hạn khác</i>	1.264	26.511	17.504
<i>Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi</i>	(691)	(728)	(152)
Tổng	688.796	1.460.104	756.381

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III/2021 của Tổ Chức Niêm Yết)

o **Các khoản phải trả:**

Đơn vị: triệu Đồng

Danh mục	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Nợ ngắn hạn	836.408	1.101.061	2.974.201
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	80.714	375.696	2.344.668
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	11.797	3.427	1.560
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước</i>	15.932	37.688	40.613
<i>Phải trả người lao động</i>	1.530	942	33
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>	13.694	34.311	59.457
<i>Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn</i>	26	246	196
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	127.513	12.151	31.384
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	553.637	600.885	459.495
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	31.566	35.714	36.796
Nợ dài hạn	3.347.183	3.204.132	6.048.787
<i>Doanh thu chưa thực hiện dài hạn</i>	-	46	39
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	3.343.143	3.200.587	6.045.332
<i>Dự phòng phải trả dài hạn</i>	3.450	3.216	3.216
<i>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ</i>	590	283	200
Nợ phải trả	4.183.591	4.305.192	9.022.988

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III/2021 của Tổ Chức Niêm Yết)

- **Các Chỉ Tiêu Khác**

o **Hàng tồn kho**

Đơn vị: triệu VND

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
<i>Hàng hóa</i>	252.264	97.574	95.352
<i>Nguyên vật liệu</i>	35.838	42.513	35.475
<i>Chi phí SXKD dở dang</i>	14.972	9.346	6.958
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	10.977	2.485	11.878
<i>Thành phẩm</i>	216	55	55

Tổng | **314.266** **151.973** **149.719**

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, năm 2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2021 của Tổ Chức Niêm Yết

o **Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn**

Đơn vị: triệu VND

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	12.000	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	2.600	-	87.416
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	2.600	-	93.800
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	-	- 6.383
Tổng	14.600	-	87.416

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, năm 2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất quý III/2021 của Tổ Chức Niêm Yết

11.2. Các Chỉ Tiêu Tài Chính Chủ Yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (đvt: lần)		
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,42	1,62
Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	1,05	1,48
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (đvt: lần)		
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0,62	0,55
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	1,62	1,24
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (đvt: vòng)		
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	3,01	3,14
Vòng quay tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,21	0,21
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%) (ROS)	21,65%	17,23%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%) (ROE)	11,16%	9,57%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (%) (ROA)	4,51%	3,54%
Hệ số Lợi nhuận từ Hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần (%)	26,25%	20,35%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất kiểm toán năm 2019, và năm 2020 của Tổ Chức Niêm Yết

12. Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, Kế Toán Trưởng

12.1. Hội Đồng Quản Trị

ku

HĐQT gồm sáu (06) thành viên, là cơ quan quản lý Tổ Chức Niêm Yết, có toàn quyền nhân danh Tổ Chức Niêm Yết để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Niêm Yết không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Tại ngày phát hành của Bản Cáo Bạch này, danh sách thành viên HĐQT của Tổ Chức Niêm Yết được thể hiện như sau:

STT	Họ và tên	Quốc tịch	Năm sinh	Chức vụ
1	Ông Tân Xuân Hiến	Việt Nam	1961	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Thùy Vân	Việt Nam	1980	Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
3	Ông Deepak Chand Khanna	Ấn Độ	1957	Thành viên HĐQT không điều hành kiêm thành viên Ủy ban Kiểm toán
4	Bà Phạm Thị Khuê	Việt Nam	1983	Thành viên HĐQT độc lập
5	Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Việt Nam	1991	Thành viên HĐQT không điều hành
6	Ông Nguyễn Thế Vinh	Việt Nam	1976	Thành viên HĐQT không điều hành

Thông tin về các thành viên HĐQT:

▪ **Ông Tân Xuân Hiến – Chủ tịch HĐQT**

- Họ và tên: Tân Xuân Hiến
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/07/1961
- CMND/CCCD/Hộ chiếu: 230558115
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Phú Yên
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn:
 - Kỹ sư Điện
 - Cử nhân Tài chính - Kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1992 đến năm 1998: Phó GD Công ty Điện Gia Lai
 - Từ năm 1998 đến tháng 8 năm 2010: Giám đốc Công ty Điện Gia Lai
 - Từ tháng 01 năm 2012 đến tháng 09 năm 2012: Chủ tịch HĐQT CTCP Điện – Cao su Gia Lai

- Từ năm 2010 đến năm 2014: Tổng giám đốc Công ty CP Điện Gia Lai
- Từ năm 2015 đến tháng 03 năm 2017: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Điện Gia Lai
- Từ tháng 03 năm 2017 đến tháng 02 năm 2018: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Điện Gia Lai
- Từ tháng 12 năm 2013 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy điện Trường Phú
- Từ tháng 03 năm 2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Điện Gia Lai
- Từ tháng 11 năm 2019 đến nay: Giám đốc CTCP Năng lượng Gia Minh

- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Niêm Yết: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Thủy điện Trường Phú
Giám đốc CTCP Năng lượng Gia Minh
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần CTCP Điện Gia Lai của bản thân: 0,019% tương đương 573.511 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần CTCP Điện Gia Lai của những người liên quan: 0,0031% tương đương 10.346 cổ phần

Tên	Quan hệ	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu chứng khoán
Đỗ Thị Nhung	Con dâu	346	0,0001%
Tân Xuân Hậu	Anh ruột	10.000	0,003%

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Niêm Yết: Không có
 - Các khoản nợ đối với Tổ Chức Niêm Yết: Không có
- Bà Nguyễn Thùy Vân – Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
- Họ và tên: Nguyễn Thùy Vân
 - Giới tính: Nữ

42

- Ngày tháng năm sinh: 11/3/1980
- CMND/CCCD/Hộ chiếu: 023339516
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: TP.HCM
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ 2004 đến 2007: Trưởng phòng Tài chính CTCP Vinamit
 - Từ 2007 đến 2008: Trưởng phòng Đầu tư Chi nhánh Công ty Cao su Đăk Lăk
 - Từ 2008 đến 2009: Trưởng phòng Giao dịch Hàng hóa phái sinh CTCP Đầu tư Tín Việt
 - Từ 2009 đến 2011: PGĐ CTCP Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín
 - Từ 2011 đến 2012: PTGD CTCP Kho vận Thiên Sơn
 - Từ 2012 đến 2015: Trưởng BKS CTCP Đầu tư Thành Thành Công
 - Từ 2012 đến 2017: Trưởng BKS CTCP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
 - Từ 2017 đến 08/2019: Thành viên HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
 - Từ 05/2018 đến 08/2019: Trưởng Tiểu ban Kiểm toán CTCP Thành Thành Công Biên Hòa
 - Từ 09/2018 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Điện Gia Lai; Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán CTCP Điện Gia Lai
 - Từ 06/2020 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Niêm Yết: Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT - CTCP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín (TTC Land).

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần CTCP Điện Gia Lai 0,10% tương đương 300.000 cổ phần của bản thân:
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần CTCP Điện Gia Lai Không có của những người liên quan:
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Niêm Yết Không có Yết:
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Niêm Yết: Không có

▪ **Ông Deepak Chand Khanna – Thành viên HĐQT kiêm thành viên Ủy ban Kiểm toán**

- Họ và tên: Deepak Chand Khanna
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22/07/1957
- CMND/CCCD/Hộ chiếu: Z3793943
- Quốc tịch: Ấn Độ
- Quê quán: Ấn Độ
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ 1987 đến 1998: Chuyên viên đầu tư tại Công ty IFC, Washington DC
 - Từ 1998 đến 2001: Giám đốc Quốc gia tại Công ty IFC, Hàn Quốc
 - Từ 2001 đến 2005: Giám đốc Vùng Mê Kông tại Công ty IFC, Việt Nam
 - Từ 2005 đến 2019: Giám đốc vùng khu vực Trung Đông và Bắc Phi tại Công ty IFC, Dubai
 - Từ 2016 – 04/2019: Thành viên HĐQT tại CTCP Điện Gia Lai
 - Từ 12/2019 đến nay: Cố vấn cấp cao tại Quỹ đầu tư Africa Pledge Partners
 - Từ 06/2020 đến nay: Thành viên HĐQT không điều hành tại CTCP Điện Gia Lai.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Niêm Yết: Thành viên HĐQT không điều hành

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Cố vấn cấp cao tại Quỹ đầu tư Africa Pledge Partners
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần CTCP Điện Gia Lai của bản thân: Không có
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần CTCP Điện Gia Lai của những người liên quan: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Niêm Yết: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Niêm Yết: Không có

▪ **Bà Phạm Thị Khuê – Thành viên HĐQT độc lập**

- Họ và tên: Phạm Thị Khuê
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 04/09/1983
- CMND/CCCD/Hộ chiếu: 025355887
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Bắc Giang
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Đông Nam Á, Thạc sĩ Châu Á học
- Quá trình công tác:
 - Từ 11/2006 đến 03/2012: Phụ trách bộ phận PR - Marketing tại CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (Mercedes-Benz Haxaco)
 - Từ 04/2012 đến 07/2012: Phụ trách Phòng Marketing tại Công ty TNHH Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho (Toyota Hùng Vương - TTSAMCO)
 - Từ 08/2012 đến 07/2016: Trợ lý Chủ tịch HĐQT tại CTCP Thương Mại Thành Thành Công (TTC Trading)
 - Từ 08/2016 đến 01/2020: PTGD vận hành tại CTCP Thương Mại Thành Thành Công (TTC Trading)
 - Từ 08/2018 đến 09/2019: Chánh Văn Phòng kiêm Giám Đốc Khối Hỗ Trợ tại CTCP Y Tế Việt Anh (DHA Medic)

- Từ 09/2019 đến 01/2020: Chánh Văn Phòng kiêm Giám Đốc Khối Hỗ Trợ tại CTCP Y Tế DHA (DHA Healthcare)
 - Từ 01/2020 đến nay: PTGD CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (TTCLand)
 - Từ 06/2020 đến nay: Thành viên HĐQT độc lập tại CTCP Điện Gia Lai
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Niêm Yết: Thành viên HĐQT độc lập
 - Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc - CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (TTC LAND)
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần CTCP Điện Gia Lai của bản thân: 0,10% tương đương 300.000 cổ phần
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần CTCP Điện Gia Lai của những người liên quan: Không có
 - Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Niêm Yết: Không có
 - Các khoản nợ đối với Tổ Chức Niêm Yết: Không có

▪ **Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: Đặng Huỳnh Anh Tuấn
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/07/1991
- CMND/CCCD/Hộ chiếu: 079091010028
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Trung Quốc
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Cử nhân Quản trị Du lịch
- Quá trình công tác:
 - Từ 10/02/2017 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Du lịch Thành Thành Công
 - Từ 21/11/2016 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Du lịch Đồng Thuận

- Từ 28/08/2018 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Nhà hàng Ngọc Lan Đình
 - Từ 01/12/2019 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Năng lượng TTC
 - Từ 29/04/2021 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Điện Gia Lai
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Niêm Yết: Thành viên HĐQT
 - Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Năng lượng TTC;
 - Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Nhà hàng Ngọc Lan Đình;
 - Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Du lịch Đồng Thuận;
 - Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Du lịch Thành Thành Công.
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần CTCP Điện Gia Lai của bản thân: 0,13% tương đương 400.000 cổ phần
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần CTCP Điện Gia Lai của những người liên quan: 4,46% tương đương 13.576.129 cổ phần

Tên	Quan hệ	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu chứng khoán
Đặng Văn Thành	Cha	11.646.953	3,83%
Huỳnh Bích Ngọc	Mẹ	1.100.548	0,36%
Đặng Huỳnh Úc My	Chị ruột	828.628	0,27%

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Niêm Yết: Không có
 - Các khoản nợ đối với Tổ Chức Niêm Yết: Không có
- **Ông Nguyễn Thế Vinh – Thành viên HĐQT**
- Họ và tên: Nguyễn Thế Vinh
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 20/05/1976

lu

- CMND/CCCD/Hộ chiếu: 079076009661
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Thành phố Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1999 đến năm 2006: Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín
 - Từ năm 2006 đến năm 2009: Tổng Giám đốc Công ty Sacombank – SBA
 - Từ năm 2009 đến năm 2014: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thành Tín
 - Từ năm 2009 đến năm 2014: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Giao dịch hàng hóa Sơn Tín
 - Từ năm 2009 đến năm 2014: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Kho vận Thiên Sơn
 - Từ năm 2014 đến năm 2018: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín
 - Từ năm 2014 đến năm 2018: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Thành Thành Công
 - Từ năm 2014 đến năm 2018: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh
 - Từ 05/2017 đến 4/2021: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công
 - Từ 09/2020 đến 06/2021: Phó Tổng Giám đốc Thường trực Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công
 - Từ 04/2021 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Điện Gia Lai
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Niêm Yết: Thành viên HĐQT.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần CTCP Điện Gia Lai của bản thân: 0,02% tương đương 50.000 cổ phần

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần CTCP Điện Gia Lai của những người liên quan: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Niêm Yết: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Niêm Yết: Không có

12.2. Ủy Ban Kiểm Toán

Bảng dưới đây thể hiện thông tin về Ủy Ban Kiểm Toán của Tổ Chức Niêm Yết:

Họ và tên	Quốc tịch	Năm sinh	Chức vụ
Bà Nguyễn Thùy Vân	Việt Nam	1980	Chủ tịch
Ông Deepak Chand Khanna	Việt Nam	1957	Thành viên

▪ Bà Nguyễn Thùy Vân – Chủ tịch

Vui lòng xem thông tin về Bà Nguyễn Thùy Vân – Thành viên HĐQT được nêu tại phần giới thiệu HĐQT phía trên đây.

▪ Ông Deepak Chand Khanna – Thành viên

Vui lòng xem thông tin về Ông Deepak Chand Khanna – Thành viên HĐQT được nêu tại phần giới thiệu HĐQT phía trên đây.

12.3. Ban Tổng Giám Đốc Và Kế Toán Trưởng

Bảng sau đây tổng hợp các thông tin về các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Tổ Chức Niêm Yết:

STT	Họ và tên	Quốc tịch	Năm sinh	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thái Hà	Việt Nam	1980	Tổng giám đốc
2	Ông Lê Thanh Vinh	Việt Nam	1975	Phó Tổng giám đốc thường trực
3	Ông Nguyễn Phong Phú	Việt Nam	1984	Phó Tổng giám đốc
4	Bà Trần Thị Hồng Thắm	Việt Nam	1983	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

▪ Bà Nguyễn Thái Hà - Tổng Giám Đốc

- Họ và tên: Nguyễn Thái Hà
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 14/11/1980
- CMND/CCCD/Hộ chiếu: 012033277
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Hà Nội
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế phát triển
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2001 đến năm 2002: Kiểm toán viên Công ty Kế toán - Kiểm toán A&C (TPHCM)
 - Từ năm 2001 đến năm 2002: Kiểm toán viên Công ty Kế toán - Kiểm toán A&C (TPHCM)
 - Từ năm 2002 đến năm 2012: Chánh văn phòng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (TPHCM)
 - Từ năm 2016 đến ngày 28 tháng 04 năm 2017: Trưởng BKS Công ty CP Điện Gia Lai
 - Từ năm 2012 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó TGĐ Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công
 - Từ tháng 10 năm 2018 – nay: Tổng Giám đốc CTCP Điện Gia Lai
 - Từ tháng 01 năm 2019 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Điện Mặt trời TTC Đức Huệ - Long An
 - Từ tháng 3 năm 2019 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Năng lượng TTC
 - Từ tháng 4 năm 2019 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Thủy điện Gia Lai
 - Từ tháng 5 năm 2020 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Điện Gió Ia Bang
 - Từ tháng 5 năm 2020 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Hợp tác phát triển năng lượng tái tạo VI-JA
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Niêm Yết: Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT, Phó TGĐ Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công

lu

- Chủ tịch HĐQT CTCP Thủy điện Gia Lai
- Chủ tịch HĐQT - CTCP Hợp tác phát triển năng lượng tái tạo VI-JA
- Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện Gió Ia Bang
- Thành viên HĐQT - CTCP Năng lượng TTC
- Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện Mặt trời TTC Đức Huệ - Long An.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần CTCP Điện Gia Lai của bản thân: 0,38% tương đương 1.146.501 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần CTCP Điện Gia Lai của những người liên quan: 17,8% tương đương 54.053.893 cổ phần

Tên	Quan hệ	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu chứng khoán
CTCP Đầu tư Thành Thành Công	Tổ chức có liên quan	54.053.893 cổ phần	17,8%

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Niêm Yết: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Niêm Yết: Không có

▪ Ông Lê Thanh Vinh – Phó Tổng Giám đốc Thường trực

- Họ và tên: Lê Thanh Vinh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 3/3/1975
- CMND/CCCD/Hộ chiếu: 024919225
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế phát triển
- Quá trình công tác:
 - Từ 2000 đến 2003: Giảng viên Khoa Tài chính - Trường Cao Đẳng Tài chính Kế toán IV - TP HCM

- Từ 2002 đến 2005: Phó Giám đốc Kinh doanh - Công ty TNHH Nam Long
 - Từ 2005 đến 2007: Giám đốc Đầu tư và Phát triển kinh doanh - CTCP Phát triển bất động sản Phát Đạt và Công ty NAI Việt Nam
 - Từ 2007 đến 2009: Tổng Giám đốc - CTCP BĐS Liên Minh và Quỹ đầu tư Ingate Capital
 - Từ 2007 đến 2009: Tổng Giám đốc - CTCP BĐS Liên Minh và Quỹ đầu tư Ingate Capital
 - Từ 2009 đến 2012: Phó TGD - CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín Sacomreal
 - Từ 2013 đến 2015: Phó TGD phụ trách Dự án bất động sản - CTCP Hoa Lâm
 - Từ 2016 đến 2017: Phó TGD - Tập đoàn Đầu tư KN; TGD - CTCP Đầu tư LDG
 - Từ 08/2017 đến 2019: Chủ tịch HĐQT - CTCP Năng lượng TTC
 - Từ 6/2020 đến 4/2021: Thành viên HĐQT - CTCP Thủy điện Gia Lai
 - Từ 03/2017 đến nay: Phó TGD thường trực - CTCP Điện Gia Lai
 - Từ 8/2017 đến nay: Thành viên HĐQT - CTCP Năng lượng TTC.
 - Từ tháng 5/2021 đến nay: Thành viên HĐQT - CTCP Hợp tác phát triển Năng lượng tái tạo VI-JA
 - Từ 5/2021 đến nay: Thành viên HĐQT - CTCP Điện Gió Ia Bang
 - Từ 2/2021 đến nay: Chủ tịch HĐQT - CTCP Năng lượng VPL.
 - Từ 9/2017 đến nay: Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện Mặt trời TTC Tây Sơn - Bình Định
 - Từ 7/2017 đến nay: Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An
 - Từ 8/2017 đến nay: Thành viên HĐQT - CTCP Điện Mặt trời TTC Đức Huệ - Long An
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Niêm Yết: Phó Tổng Giám đốc Thường trực
 - Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT: CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An

- Thành viên HĐQT: CTCP Điện Mặt trời TTC Đức Huệ - Long An
 - Chủ tịch HĐQT: CTCP Điện Mặt trời TTC Tây Sơn - Bình Định
 - Chủ tịch HĐQT: CTCP Năng lượng VPL.
 - Thành viên HĐQT: CTCP Điện Gió Ia Bang
 - Thành viên HĐQT: CTCP Hợp tác phát triển Năng lượng tái tạo VI-JA
 - Thành viên HĐQT: CTCP Năng lượng TTC.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần CTCP Điện Gia Lai của bản thân: 0,16% tương đương 494.403 cổ phần
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần CTCP Điện Gia Lai của những người liên quan: Không có
 - Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Niêm Yết: Không có
 - Các khoản nợ đối với Tổ Chức Niêm Yết: Không có

▪ Ông Nguyễn Phong Phú – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Phong Phú
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17/01/1984
- CMND/CCCD/Hộ chiếu: 331366997
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Vĩnh Long
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 03/2018 đến 11/2018: Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Nước Trong
 - Từ 03/2018 đến 11/2018: Phó Giám đốc CTCP Mía đường Tây Ninh

- Từ 11/2018 đến 12/2018: Trợ lý Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Điện Gia Lai
 - Từ 01/2019 đến 06/2019: Phó Giám đốc Khối Phát triển dự án CTCP Điện Gia Lai
 - Từ 07/2019 đến 4/2021: Giám đốc khối Phát triển dự án CTCP Điện Gia Lai
 - Từ tháng 1/2020 đến nay: Giám đốc - CTCP Điện mặt trời TTC Đức Huệ - Long An
 - Từ tháng 9/2019 đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - CTCP Năng lượng Điện gió Tiền Giang
 - Từ tháng 5/2020 đến nay: Giám đốc - CTCP Hợp tác Phát triển Năng lượng Tái tạo VI-JA
 - Từ tháng 2/2021 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc - Công ty Cổ phần Nhà máy Điện mặt trời Trúc Sơn
 - Từ 05/2021 đến nay: Phó TGĐ CTCP Điện Gia Lai
 - Từ 09/2021 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo mới số 1
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Niêm Yết: Phó Tổng Giám đốc
 - Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc - Công ty Cổ phần Nhà máy Điện mặt trời Trúc Sơn
 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị - CTCP Năng lượng Điện gió Tiền Giang
 - Giám đốc - CTCP Điện mặt trời TTC Đức Huệ - Long An
 - Giám đốc - CTCP Hợp tác Phát triển Năng lượng Tái tạo VI-JA
 - Chủ tịch HĐQT – CTCP Năng lượng tái tạo số 1
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần CTCP Điện Gia Lai của bản thân: 0,09% tương đương 279.250 cổ phần
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần CTCP Điện Gia Lai của những người liên quan: Không có

all

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Niêm Yết: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Niêm Yết: Không có

▪ **Bà Trần Thị Hồng Thắm – Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng**

- Họ và tên: Trần Thị Hồng Thắm
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 1/1/1983
- CMND/CCCD/Hộ chiếu: 231266439
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Bình Định
- Trình độ học vấn và năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 06/2006 đến 08/2006: Nhân viên Kế toán Công ty CP Điện Gia Lai
 - Từ 09/2006 đến 07/2007: Nhân viên kế toán Công ty CP Ayun Thượng
 - Từ 08/2007 đến tháng 04/2014: Kế toán trưởng Công ty CP Ayun Thượng
 - Từ 05/2014 đến 10/2016: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Xây lắp và CĐ Gia Lai
 - Từ 11/2016 đến 01/05/2017: Quyền Kế toán trưởng Công ty cổ phần Điện Gia Lai
 - Từ 1/2019 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Thủy điện Trường Phú
 - Từ 05/2019 đến nay: Giám đốc Tài chính Công ty CP Điện Gia Lai
 - Từ 11/2016 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Điện Gia Lai
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Niêm Yết : Giám đốc Tài chính kiêm kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT - CTCP Thủy điện Trường Phú

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần CTCP Điện Gia Lai của bản thân: 0,05% tương đương 149.250 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần CTCP Điện Gia Lai của những người liên quan: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Niêm Yết: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Niêm Yết: Không có

13. Tài Sản

13.1 Tài sản cố định

- Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại / Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	6.564.361	5.330.216	81%
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.810.644	1.362.748	75%
Máy móc thiết bị	4.139.933	3.544.493	86%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	353.959	256.945	73%
Thiết bị quản lý	83.865	63.679	76%
Khác	175.960	102.349	58%
Tài sản cố định thuê tài chính	28.087	27.832	99%
Máy móc thiết bị	28.087	27.832	99%
Tài sản cố định vô hình	21.320	16.745	79%
Quyền sử dụng đất	14.173	12.434	88%
Phần mềm máy vi tính	6.976	4.272	61%
Khác	171	39	23%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán của Tổ Chức Niêm Yết

- Tại ngày 30/9/2021

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại / Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	6.490.508	5.021.347	77,36%
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.829.031	1.314.684	71,88%
Máy móc thiết bị	3.550.505	2.791.254	78,62%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	354.548	258.012	72,77%
Thiết bị quản lý	81.705	56.513	69,17%

Khác	674.717	600.884	89,06%
Tài sản cố định vô hình	21.355	14.749	69,07%
Quyền sử dụng đất	14.173	11.977	84,51%
Phần mềm máy vi tính	7.011	2.743	39,12%
Khác	171	29	16,96%

Nguồn: BCTC hợp nhất quý III/2021 của Tổ Chức Phát Hành

13.2 Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	31/12/2019 (triệu VND)	31/12/2020 (triệu VND)	30/09/2021 (triệu VND)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	262.815	541.416	5.468.836
Tổng	262.815	541.416	5.468.836

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III/2021 của Tổ Chức Niêm Yết

14. Kế Hoạch Sản Xuất Kinh Doanh, Lợi Nhuận Và Cổ Tức Trong Các Năm Tiếp Theo

14.1 Kế Hoạch Lợi Nhuận

Chỉ tiêu hợp nhất	Năm 2021 (*)		Năm 2022 (**)	
	Giá trị (tỷ VND)	% tăng giảm so với năm 2020	Giá trị (tỷ VND)	% tăng giảm so với năm 2021
Tổng Doanh thu	1.830,6	22,49%	-	-
Lợi nhuận trước thuế	320,1	3,76%	-	-
Vốn điều lệ	3.037	12%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Tổng doanh thu	17,49%	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ	10,54%	-	-	-
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức	-	-	-	-

(*) Đại hội đồng cổ đông chỉ đưa ra các chỉ tiêu về tổng doanh thu, tổng chi phí và lợi nhuận trước thuế cho kế hoạch hoạt động năm 2021, do vậy các chỉ số được tính theo các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông đặt ra theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

(**) Công Ty chưa có kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Nguồn: Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông Công Ty thông qua vào ngày 29/04/2021

14.2 Căn Cứ Để Đạt Được Kế Hoạch Lợi Nhuận Và Cổ Tức Nêu Trên

Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Tổ Chức Niêm Yết được đặt ra dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh giữ tốc độ tăng trưởng ổn định, trong khi triển vọng ngành điện có động lực tăng trưởng mạnh mẽ. Với

tốc độ tăng trưởng sản lượng điện khoảng 10%/năm (theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh) đến năm 2025, dự kiến nhu cầu công suất nguồn điện của hệ thống điện quốc gia sẽ là hơn 90.000 MW, gấp đôi hiện nay. Đến năm 2030, sẽ tăng lên khoảng 130.000 MW. Trong đó Việt Nam sẽ tập chung đẩy nhanh phát triển nguồn điện từ năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối v.v...), giảm tỷ trọng nguồn điện từ các nguyên vật liệu gây ô nhiễm môi trường, giá vốn cao, công nghệ thấp.

Các nhà máy thủy điện 85 MW của Tổ Chức Niêm Yết trong 9 tháng năm 2021 vẫn hoạt động hiệu quả, sản lượng và doanh thu đều tăng trưởng tốt, lần lượt ghi nhận 35% và 25% so với cùng kỳ. Sản lượng từ 5 nhà máy điện mặt trời và hệ thống áp mái tổng với tổng công suất 300 MWp đạt 212 triệu kWh - tăng nhẹ so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng từ thủy điện chiếm 28% - tăng so với mức 23% cùng kỳ trong khi điện mặt trời và áp mái là 72%. Doanh thu từ hoạt động bán điện vẫn chiếm tỷ trọng ưu thế 98% so với 96% của cùng kỳ. Phần còn lại là doanh thu từ hợp đồng xây dựng và cung cấp dịch vụ, xây lắp và bán hàng hóa ở ngưỡng 1%, bao gồm cung ứng các dịch vụ O&M, thí nghiệm và cung cấp các tấm pin Năng lượng.

Trong suốt 5 năm từ 2016 - 2020, biên lợi nhuận gộp của Công ty luôn duy trì trên 51% và tối ưu hơn nhiều so với các Công ty cùng ngành.

Tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế hợp nhất tính của Công Ty đến ngày 30/9/2021 lần lượt đạt 938 tỷ đồng và 229 tỷ đồng, tương ứng đạt 51,24% tổng doanh thu và 71,54% lợi nhuận trước thuế. Như vậy, kế hoạch đặt ra của Công Ty trong năm 2021 là khả thi.

14.3 Kế Hoạch Đầu Tư

GEC vẫn không ngừng mở rộng quy mô danh mục đầu tư đặc biệt trong 2 năm gần đây. Sau bước đầu thành công khi đưa vào vận hành 13 NM Thủy điện với tổng công suất 84 MW, 5 NM Điện Mặt trời và hệ thống Điện Mặt trời Mái nhà với tổng công suất 293 MWp trải dài từ các tỉnh Miền Trung đến các Tỉnh Nam Bộ. Bước sang năm 2021, cùng với các Nhà thầu EPC uy tín, kinh nghiệm trong lĩnh vực NLTT, GEC đang triển khai xây dựng và dự kiến đưa vào vận hành 3 NM Điện Gió và 1 NM Điện Mặt trời, chính thức ghi nhận dấu ấn của GEC trong lĩnh vực Điện Gió.

Bước sang năm 2022, công ty dự kiến tiếp tục triển khai dự án điện gió gần bờ Tân Phú Đông 1 công suất 100MW cũng như các dự án năng lượng tái tạo khác trong danh mục để thực hiện chiến lược 5 năm đến 2025 tổng công suất phát điện từ các nguồn năng lượng tái tạo của Công ty đạt trên 1700MW..

14.4 Kế Hoạch Tăng Vốn Điều Lệ

Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên của Công Ty diễn ra vào ngày 29/4/2021, ĐHĐCĐ đã phê duyệt việc tăng vốn điều lệ lên 3.037,2 tỷ đồng thông qua thông qua việc: (i) chia cổ tức bằng cổ phiếu (đã hoàn thành ngày 23/8/2021), (ii) chào bán cho cổ đông hiện hữu (đã hoàn thành vào ngày 23/8/2021) và (iii) phát hành ưu đãi cho cán bộ công nhân viên (đã hoàn thành vào ngày 29/10/2021). Phần vốn tăng thêm đã được thực hiện niêm yết bổ sung theo Quyết định số 607/QĐ-SGDHCM ngày 01/11/2021 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Đánh Giá Của Tổ Chức Tư Vấn Về Kế Hoạch Lợi Nhuận Và Cổ Tức

Về kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Niêm Yết

Với tư cách là tổ chức tư vấn, trên cơ sở những thông tin và phân tích số liệu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Niêm Yết trong những năm vừa qua. Tổ Chức Tư Vấn xin đưa ra những đánh giá về kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của Tổ Chức Niêm Yết như sau:

- Các hợp đồng dự kiến thực hiện trong các năm tới là cơ sở khả thi để Tổ Chức Niêm Yết đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận.
- Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ, kinh nghiệm là những điều kiện tốt để Tổ Chức Niêm Yết hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

Về khả năng cân đối thanh toán trả nợ gốc và lãi của Trái Phiếu

Tổ Chức Niêm Yết dự kiến sử dụng dòng tiền thuần thu được từ hoạt động kinh doanh và các nguồn thu hợp pháp khác của mình để cân đối trả nợ lãi và gốc Trái Phiếu. Theo kế hoạch kinh doanh, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh và các nguồn thu khác, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán các nợ lãi và gốc đến hạn, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và các Trái Phiếu. Tổ Chức Tư Vấn nhận thấy rằng kế hoạch và khả năng thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu của Tổ Chức Niêm Yết có thể thực hiện được nếu không xảy ra các rủi ro bất khả kháng.

Tổ Chức Tư Vấn xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý bảo đảm giá trị chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo đối với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư Trái Phiếu của Tổ Chức Niêm Yết.

16. Thông Tin Về Những Cam Kết Nhưng Chưa Thực Hiện Của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Tổ Chức Niêm Yết không có cam kết nào chưa được thực hiện tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này.

17. Các Thông Tin, Các Tranh Chấp KIỆN TỤNG Liên Quan Tới Công Ty Mà Có Thể Ảnh Hưởng Đến Giá Cả Chứng Khoán Niêm Yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại Trái Phiếu:

Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành.

2. Ngày Phát Hành:

11/10/2021 (“Ngày Phát Hành”)

3. Ngày Đáo Hạn:

11/10/2024 (“Ngày Đáo Hạn”)

4. Thời Hạn Trái Phiếu:

44

36 (ba mươi sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành.

5. Mệnh Giá:

100.000 VND (Một trăm nghìn Đồng)/ 1 (một) Trái Phiếu.

6. Mục đích phát hành:

Nhằm tăng cường tiềm lực tài chính cho doanh nghiệp cũng như để huy động nguồn vốn với chi phí hợp lý trên thị trường trong giai đoạn lãi suất đang thấp hiện nay, HĐQT Công Ty phê duyệt tại Nghị Quyết số 16/2021/NQ – HĐQT, Nghị Quyết số 27/2021/NQ-HĐQT, và Nghị Quyết số 37/2021/NQ-HĐQT về việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng để tăng quy mô vốn cho doanh nghiệp.

Cụ thể, Công Ty sử dụng số tiền thu được từ Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng cho mục đích như sau:

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiền Công ty cần thanh toán (VND)</i>	<i>Thời gian</i>
1	Thanh toán trước hạn gốc trái phiếu của Tổ Chức Niêm Yết được phát hành theo Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 09 năm 2020	200.000.000.000	14/10/2021
2	Thanh toán trước hạn gốc trái phiếu của Tổ Chức Niêm Yết được phát hành theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 04 năm 2021	500.000.000.000	14/10/2021
Tổng cộng		700.000.000.000	

7. Nguồn Thanh Toán Trái Phiếu:

- **Thanh toán lãi Trái Phiếu:** Lãi Trái Phiếu được thanh toán định kỳ 3 (ba) tháng một lần kể từ Ngày Phát Hành. Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng phần lợi nhuận thu được từ các hoạt động kinh doanh, đầu tư và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các chi phí sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư. Theo kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán lãi Trái Phiếu.
- **Thanh toán gốc Trái Phiếu:** Gốc Trái Phiếu được thanh toán 1 (một) lần vào Ngày Đáo Hạn hoặc ngày mua lại trước hạn Trái Phiếu. Tùy tình hình thị trường thực tế, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng (i) lợi nhuận thu được từ các hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc (ii) vốn huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác để thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm Trái Phiếu đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu.

8. Tổng Số Trái Phiếu Niêm Yết:

7.000.000 (bảy triệu) Trái Phiếu (chiếm 100% tổng số Trái Phiếu đã phát hành).

9. Lãi Suất:

- a. Đối với 4 (bốn) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: lãi suất cố định **9,5%/năm** (chín phẩy năm phần trăm một năm); và
- b. Đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 4 (bốn) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: lãi suất thả nổi bằng tổng của **3,28%/năm** (ba phẩy hai mươi tám phần trăm một năm) và Lãi Suất Tham Chiếu của Kỳ Tính Lãi đó.

lu

Trong đó,

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” có nghĩa là lãi suất cơ sở trung dài hạn dành cho khách hàng doanh nghiệp thuộc Khối Ngân hàng bán buôn áp dụng cho các khoản vay/trái phiếu trung dài hạn phát sinh từ ngày 30/03/2021 với kỳ định giá 3 (ba) tháng, do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam công bố vào hoặc vào khoảng 11:00 giờ sáng (giờ Việt Nam) của ngày xác định lãi suất của Kỳ Tính Lãi có liên quan.

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là mỗi thời hạn kéo dài 3 (ba) tháng liên tục bắt đầu từ ngày phát hành đến Ngày Đáo Hạn (hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn dù là tự nguyện hoặc mua lại bắt buộc). Trường hợp Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu thì Kỳ Tính Lãi cuối cùng sẽ được tính từ ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi gần nhất cho đến (nhưng không bao gồm) ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn hoặc mua lại bắt buộc có liên quan.

10. Kỳ Trả Lãi:

Lãi sẽ được thanh toán sau, định kỳ vào ngày tròn 3 (ba) tháng từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn hoặc mua lại bắt buộc.

11. Số Lượng Trái Phiếu Bị Hạn Chế Chuyển Nhượng Theo Quy Định Của Pháp Luật Hoặc Của Tổ Chức Niêm Yết:

Không có.

12. Xếp Hạng Tín Nhiệm:

Không có.

13. Phương Pháp Tính Giá

Trái Phiếu GEGB2124002 là trái phiếu có kỳ hạn, trả lãi định kỳ và có lãi suất kết hợp giữa cố định và thả nổi theo đó lãi suất được điều chỉnh theo sự thay đổi của lãi suất thị trường. Thị giá hay giá của Trái Phiếu (Market value) là giá giao dịch thứ cấp của Trái Phiếu do thị trường quyết định và luôn thay đổi theo quan hệ cung cầu trên thị trường.

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi nhà đầu tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó:

PV: là Giá của Trái Phiếu

FV: là Mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu

CF_i: là lãi của Trái Phiếu nhận vào kỳ trả lãi thứ i

n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu

k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá trái phiếu có thể khác nhau giữa các nhà đầu tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau. Để tính giá trái phiếu, nhà đầu tư có thể tham khảo các bước tính toán như sau:

1. Xác định ngày thanh toán thực tế (ở Việt Nam là ngày t+1 so với ngày giao dịch);
2. Xác định số kỳ hưởng lãi coupon còn lại và các ngày nhận lãi coupon;
3. Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất cố định đã công bố áp dụng;
4. Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất thả nổi và dự phóng theo mô hình phù hợp;
5. Xác định mức lợi suất yêu cầu phù hợp (căn cứ lợi suất giao dịch thứ cấp/sơ cấp của tài sản có tính chất tương tự có thời gian đáo hạn tương tự hoặc trên cơ sở dự báo biến động của đường cong lợi suất);
6. Lựa chọn phương thức tính ngày (Day-count Convention) phù hợp theo thông lệ thị trường và loại tài sản (ví dụ: Actual/Actual ICMA, Actual/Actual ISDA, Actual/365 Fixed, Actual/360, Actual/364, Actual/365L, Actual/Actual AFB, 30/360...).
7. Áp dụng công thức nêu trên để tính giá trái phiếu

Ví dụ minh họa:

Mệnh giá Trái Phiếu (FV):	100.000 Đồng/Trái Phiếu;
Ngày phát hành:	11/10/2021;
Ngày đáo hạn (Maturity):	11/10/2024;
Kỳ hạn:	36 tháng
Kỳ trả lãi (Frequency):	vào các ngày 11/1/2022, 11/4/2022, 11/7/2022, 11/10/2022, 11/1/2023, 11/4/2023, 11/7/2023, 11/10/2023, 11/1/2024, 11/4/2024, 11/7/2024, 11/10/2024.
Lãi suất (CPN):	Lãi suất cho 4 (bốn) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: 9,5% (chín phẩy năm phần trăm)/năm; và Lãi suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi sau 4 (bốn) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: Tổng của 3,28% (ba phẩy hai mươi tám phần trăm)/năm và lãi suất tham chiếu là lãi suất cơ sở trung dài hạn dành cho khách hàng doanh nghiệp thuộc Khối Ngân hàng bán buôn áp dụng cho các khoản vay/trái phiếu trung dài hạn phát sinh từ ngày 30 tháng 03 năm 2021 với kỳ định giá 3 (ba) tháng, do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam công bố vào hoặc vào khoảng 11:00 giờ sáng (giờ Việt Nam) của ngày xác định lãi suất có liên quan.
Giá định Ngày định giá (và cũng là ngày giao dịch đầu tiên trên sàn)	22/12/2021
Số kỳ hưởng lãi và ngày nhận lãi còn lại	12 kỳ vào các ngày 11/1/2022, 11/4/2022, 11/7/2022, 11/10/2022, 11/1/2023, 11/4/2023, 11/7/2023, 11/10/2023, 11/1/2024, 11/4/2024, 11/7/2024, 11/10/2024;
Lãi coupon đã xác định	9,5% cho các kỳ 11/1/2022, 11/4/2022, 11/7/2022, 11/10/2022.



Handwritten signature or mark.

Lãi coupon chưa xác định

Giá sử lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi sau 4 kỳ tính lãi đầu tiên giảm theo xu hướng chung của thị trường, giá định giảm 0,25% so với mức lãi của bốn Kỳ Tính Lãi đầu tiên: **9,25%**

Lợi suất yêu cầu⁴ hay Lãi suất chiết khấu (k)

- Lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 03 năm là 1,1079% (giao dịch kết thúc ngày 22/10/2021 theo thông tin tại <https://hnx.vn/vi-vn/trai-phiau.html>)
- Giá định mức biên chênh lệch giữa trái phiếu doanh nghiệp và lợi suất trái phiếu chính phủ cùng kỳ hạn 3 năm được yêu cầu bởi nhà đầu tư là 5%
- Như vậy mức lợi suất yêu cầu được xác định là **6,1079%/năm**
- Actual/365

Cơ sở tính ngày (day count convention)

Ngày	11/01/2022	11/04/2022	11/07/2022	11/10/2022	11/01/2023	11/04/2023	11/07/2023	11/10/2023	11/01/2024	11/04/2024	11/07/2024	11/10/2024
	Kỳ trả lãi 1	Kỳ trả lãi 2	Kỳ trả lãi 3	Kỳ trả lãi 4	Kỳ trả lãi 5	Kỳ trả lãi 6	Kỳ trả lãi 7	Kỳ trả lãi 8	Kỳ trả lãi 9	Kỳ trả lãi 10	Kỳ trả lãi 11	Kỳ trả lãi 12
Lãi suất coupon (CPN)	9,5%	9,5%	9,5%	9,5%	9,25%	9,25%	9,25%	9,25%	9,25%	9,25%	9,25%	9,25%
Dòng tiền lãi CF(i)=CPN*số ngày thực tế của kỳ tính lãi/365	2395	2342	2368	2395	2332	2281	2306	2332	2332	2306	2306	2332
Gốc trái phiếu (Redemption)												100000
Số ngày nắm giữ	20	110	201	293	385	475	566	658	750	841	932	1024
LS chiết khấu	6,1079%	6,1079%	6,1079%	6,1079%	6,1079%	6,1079%	6,1079%	6,1079%	6,1079%	6,1079%	6,1079%	6,1079%

Với các đặc điểm và giả định nêu trên, tại ngày giao dịch đầu tiên trên sàn HNX dự kiến **22/12/2021**, giá của Trái Phiếu là:

$$\begin{aligned}
 FV = & \frac{2395}{(1+6,1079\%)^{20/365}} + \frac{2342}{(1+6,1079\%)^{110/365}} + \frac{2368}{(1+6,1079\%)^{201/365}} + \frac{2395}{(1+6,1079\%)^{293/365}} + \frac{2332}{(1+6,1079\%)^{385/365}} + \frac{2281}{(1+6,1079\%)^{475/365}} + \frac{2306}{(1+6,1079\%)^{566/365}} \\
 & + \frac{2332}{(1+6,1079\%)^{658/365}} + \frac{2332}{(1+6,1079\%)^{750/365}} + \frac{2306}{(1+6,1079\%)^{841/365}} + \frac{2306}{(1+6,1079\%)^{932/365}} + \frac{102332}{(1+6,1079\%)^{1024/365}} = 110.473 \text{ VND}
 \end{aligned}$$

14. Tính Lợi Suất Đáo Hạn

Lợi suất đáo hạn - YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu từ khi mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây.

⁴ Đây chỉ là một ví dụ tham khảo về các xác định lợi suất yêu cầu đối với trái phiếu doanh nghiệp trên cơ sở credit spread đối với trái phiếu chính phủ cùng kỳ hạn theo thông lệ quốc tế. Nhà đầu tư có thể tham khảo thêm lợi suất giao dịch của trái phiếu doanh nghiệp có cùng rating và cùng kỳ hạn hoặc các phương pháp khác để xác định lợi suất yêu cầu.

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa:

Một Trái Phiếu có các đặc tính sau:

- Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 đồng/Trái Phiếu;
- Ngày phát hành: 11/10/2021;
- Ngày đáo hạn: 11/10/2024;
- Kỳ trả lãi: vào các ngày 11/1/2022, 11/4/2022, 11/7/2022, 11/10/2022, 11/1/2023, 11/4/2023, 11/7/2023, 11/10/2023, 11/1/2024, 11/4/2024, 11/7/2024, 11/10/2024;
- Lãi suất:
 - 4 kỳ trả lãi đầu tiên: 9,5%/năm;
 - Cho tất cả các kỳ trả lãi sau 4 kỳ trả lãi đầu tiên: 9,25%/năm (đang giả định lãi suất ổn định, không thay đổi nhiều giữa các kỳ sau 4 kỳ trả lãi đầu tiên).
- Ngày giao dịch dự kiến: 22/12/2021

Với các đặc điểm trên, nếu nhà đầu tư giao dịch tại ngày 22/12/2021 với giá 100.000 VND và nắm giữ tới khi đáo hạn thì lợi suất trái phiếu khi đáo hạn (k) là:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ngày	11/01/2022	11/04/2022	11/07/2022	11/10/2022	11/01/2023	11/04/2023	11/07/2023	11/10/2023	11/01/2024	11/04/2024	11/07/2024	11/10/2024
	Kỳ trả lãi 1	Kỳ trả lãi 2	Kỳ trả lãi 3	Kỳ trả lãi 4	Kỳ trả lãi 5	Kỳ trả lãi 6	Kỳ trả lãi 7	Kỳ trả lãi 8	Kỳ trả lãi 9	Kỳ trả lãi 10	Kỳ trả lãi 11	Kỳ trả lãi 12
Lãi suất coupon (CPN)	9,5%	9,5%	9,5%	9,5%	9,25%	9,25%	9,25%	9,25%	9,25%	9,25%	9,25%	9,25%
Dòng tiền lãi CF(i)=CPN*số ngày thực tế của kỳ tính lãi/365	2395	2342	2368	2395	2332	2281	2306	2332	2332	2306	2306	2332
Gốc trái phiếu (Redemption)												100000
Số ngày nắm giữ	20	110	201	293	385	475	566	658	750	841	932	1024

Áp dụng phương pháp nội suy: $k = 6,1079\%/năm$

15. Phương Pháp Thực Hiện Quyền

15.1. Lãi Trái Phiếu

- Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi với lãi suất (“**Lãi Suất**”) được xác định như sau:
 - (i) Lãi suất cho 4 (bốn) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: lãi suất cố định 9,5% (chín phẩy năm phần trăm)/năm;
 - (ii) Lãi suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi còn lại: lãi suất thả nổi và bằng tổng của 3,28% (ba phẩy hai mươi tám phần trăm)/năm và Lãi Suất Tham Chiếu.

Trong đó:

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” có nghĩa là lãi suất cơ sở trung dài hạn dành cho khách hàng doanh nghiệp thuộc Khối Ngân hàng bán buôn áp dụng cho các khoản vay/trái phiếu trung dài hạn phát sinh từ ngày 30 tháng 03 năm 2021 với kỳ định giá 3 (ba) tháng, do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam công bố vào hoặc vào khoảng 11:00 giờ sáng (giờ Việt Nam) của ngày xác định lãi suất có liên quan.

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là mỗi thời hạn kéo dài 3 (ba) tháng liên tục bắt đầu từ ngày phát hành đến ngày đáo hạn của Trái Phiếu (hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn dù là tự nguyện hoặc mua lại bắt

buộc).

- Trái Phiếu sẽ hưởng lãi theo Lãi Suất cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành cho đến (nhưng không bao gồm) Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn (dù là tự nguyện hay bắt buộc). Lãi phát sinh trên khoản tiền gốc của Trái Phiếu được tính cho số ngày thực tế đã trôi qua trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.
- Lãi trên khoản tiền gốc của Trái Phiếu sẽ đến hạn và được thanh toán định kỳ vào ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi ("**Ngày Thanh Toán Lãi**") như sau:
 - (i) Đối với Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên; và
 - (ii) Đối với bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào sau Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Thanh Toán Lãi liền trước đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đó.
- Trái Phiếu sẽ ngừng hưởng lãi từ Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn (dù là tự nguyện hay bắt buộc) (tùy trường hợp áp dụng), trừ khi vào ngày đó, gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị Tổ Chức Niêm Yết từ chối thanh toán mà việc từ chối đó không phù hợp. Trong trường hợp đó, khoản tiền gốc Trái Phiếu bị chậm thanh toán sẽ tiếp tục được hưởng lãi với lãi suất quá hạn phù hợp với quy định của pháp luật.
- Trừ khi những người sở hữu Trái Phiếu có chấp thuận khác và phù hợp với mức độ pháp luật cho phép, Tổ Chức Niêm Yết phải thanh toán lãi trên bất kỳ khoản tiền nào bị chậm thanh toán (dù là gốc, lãi hay bất kỳ khoản thanh toán nào khác) với lãi suất quá hạn bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) Lãi Suất áp dụng vào ngày liền trước ngày đến hạn thanh toán của khoản tiền đó. Trong trường hợp pháp luật áp dụng có quy định mức lãi suất chậm thanh toán tối đa đối với bất kỳ khoản tiền nào nêu trên mà mức lãi suất tối đa đó thấp hơn 150% (một trăm năm mươi phần trăm), lãi suất được áp dụng sẽ là lãi suất tối đa theo quy định của pháp luật đó.

Lãi quá hạn sẽ được tính cho số ngày thực tế trôi qua trong giai đoạn từ (và gồm cả) ngày đến hạn thanh toán đến (nhưng không gồm cả) ngày khoản tiền chậm thanh toán được Tổ Chức Niêm Yết thanh toán trên thực tế trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

15.2. Thanh Toán Gốc Và Lãi Trái Phiếu

Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định tại các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu. Từ khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của VSD. Chi tiết về việc thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu được quy định cụ thể tại Điều Khoản 9 của Các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu.

15.3. Mua Lại Trái Phiếu

• Mua Lại Vào Ngày Đáo Hạn

Trừ khi được mua lại trước hạn hoặc mua lại bắt buộc (tùy từng trường hợp áp dụng) và hủy bỏ trước hạn theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu, vào Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu, Tổ Chức Niêm Yết sẽ mua lại toàn bộ các Trái Phiếu đang lưu hành với mức giá mua lại mỗi Trái Phiếu bằng tổng mệnh giá, lãi và tất cả các khoản tiền khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán đối với Trái Phiếu tính đến Ngày Đáo Hạn đó.

- **Mua Lại Trước Hạn**

(a) Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Tổ Chức Niêm Yết được phép mua lại toàn bộ hoặc một phần số Trái Phiếu đang lưu hành bằng việc gửi một thông báo chào mua Trái Phiếu (“Thông Báo Chào Mua”) cho Đại Lý Đăng Ký (nếu áp dụng), Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Lưu Ký tối thiểu 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc trước Ngày Mua Lại Trước Hạn và công bố thông tin trước cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu) trong thời hạn phù hợp với quy định của pháp luật. Thông Báo Chào Mua phải nêu rõ phương thức tổ chức mua lại, tổng số Trái Phiếu chào mua lại, giá mua lại, Ngày Mua Lại Trước Hạn, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng tương ứng, ngày cuối cùng đăng ký thực hiện quyền bán lại Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu và các điều kiện, điều khoản khác (nếu có). Trong đó, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng là Ngày Làm Việc ngay sau ngày của Thông Báo Chào Mua và không muộn hơn Ngày Làm Việc thứ 11 (mười một) trước Ngày Mua Lại Trước Hạn. Sau khi nhận được Thông Báo Chào Mua của Tổ Chức Niêm Yết, Tổ Chức Lưu Ký sẽ thực hiện các thủ tục chào mua phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các văn bản pháp luật áp dụng (bao gồm việc gửi Thông Báo Chào Mua cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu). Để làm rõ, Người Sở Hữu Trái Phiếu có toàn quyền bán lại (một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu chào mua) hoặc không bán lại Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Niêm Yết khi nhận được Thông Báo Chào Mua như vậy và phải gửi cho Tổ Chức Lưu Ký đăng ký thực hiện quyền bán lại cho Tổ Chức Lưu Ký muộn nhất vào ngày cuối cùng đăng ký thực hiện quyền bán lại Trái Phiếu.

(b) Nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSD, việc mua lại Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định tại đoạn (a) nêu trên (trong phạm vi không trái với quy định của pháp luật có liên quan, quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán), và/hoặc các quy định của pháp luật có liên quan, quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có hiệu lực tại thời điểm đó.

- **Mua Lại Khi Xảy Ra Sự Kiện Vi Phạm**

Tổ Chức Niêm Yết phải mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm phù hợp với quy định tại Điều Kiện 11 của Các Điều Kiện Trái Phiếu.

- **Mua Lại Trái Phiếu Sau Khi Niêm Yết**

Nếu Trái Phiếu được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán thì trừ trường hợp pháp luật có liên quan hoặc các quy định, quy chế của Sở Giao Dịch Chứng Khoán hoặc của VSD có quy định khác, bên cạnh việc mua lại trước hạn Trái Phiếu theo quy định tại Điều Kiện 10.2(b) của Các Điều Kiện Trái Phiếu và các hình thức mua lại trước hạn khác không trái với các quy định của pháp luật, Tổ Chức Niêm Yết có thể mua lại Trái Phiếu tại bất kỳ thời điểm nào từ sau Ngày Phát Hành, từ bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào và theo bất kỳ giá nào phù hợp với quy định pháp luật có liên quan, quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

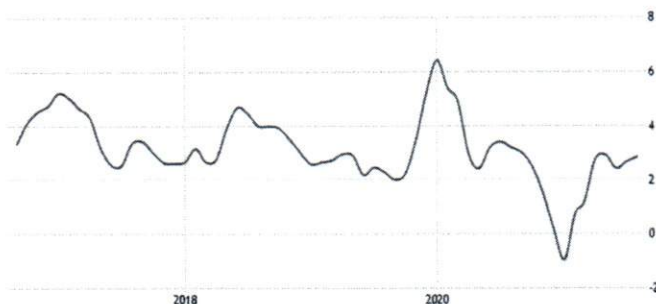
16. Đánh Giá Tác Động Của Tình Hình Lạm Phát Đối Với Trái Phiếu Niêm Yết

Lạm phát được xác định là một trong những chỉ tiêu quan trọng trong điều hành kinh tế vĩ mô ở Việt Nam từ trước tới nay. Nhận thức rõ vai trò của lạm phát, trong những năm gần đây, Chính phủ đã xác định mức cụ thể và coi lạm phát hàng năm là một chỉ tiêu phải được kiểm soát một cách chặt chẽ bên cạnh các chỉ tiêu kinh tế quan trọng khác. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, lạm phát bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với bình quân năm 2018, mức tăng bình quân thấp nhất trong 3 năm gần nhất. Trong

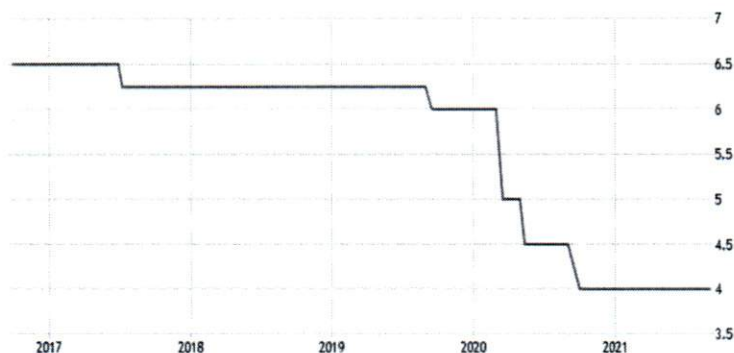
năm 2020, lạm phát ở mức 3,23% và tiếp tục trong tầm kiểm soát so với mục tiêu 4% được đề ra trong năm của NHNN.

Tỷ lệ lạm phát giữ ở mức thấp và ổn định sẽ tạo điều kiện cho các chính sách tiền tệ tích cực và kích thích sản xuất kinh doanh phát triển. Một số thay đổi trong điều hành lãi suất những năm qua luôn được Ngân hàng Nhà nước tuân thủ nguyên tắc đảm bảo tính ổn định và thực hiện các mục tiêu kiểm soát lạm phát, tăng trưởng kinh tế. Việc quy định trần lãi suất cho vay, đặc biệt đối với lĩnh vực ưu tiên, đã góp phần gia tăng cơ hội tiếp cận vốn cho các doanh nghiệp.

Diễn biến lạm phát giai đoạn từ năm 2016 đến đầu năm 2021



Diễn biến lãi suất Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giai đoạn từ năm 2016 đến đầu năm 2021



(Nguồn: *Tradingeconomics.com, vietstock.vn, Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*)

Giá trị Trái Phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu (các) dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại, do đó chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường hay còn gọi là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị Trái Phiếu sẽ giảm khi lãi suất thị trường tăng, và ngược lại. Khi tỷ lệ lạm phát gia tăng, lãi suất thị trường sẽ có xu hướng tăng tương ứng, khiến cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ Trái Phiếu cao hơn, làm tăng lãi suất chiết khấu, do đó làm giảm giá trị hiện tại của Trái Phiếu. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm làm giảm chi phí đi vay của doanh nghiệp, tăng khả năng thanh toán nợ và trực tiếp làm tăng giá trị Trái Phiếu. Có thể kết luận rằng, tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá của Trái Phiếu.

Trong trường hợp diễn biến kinh tế vĩ mô trong thời hạn Trái Phiếu không có biến động bất thường, Trái Phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình hình lạm phát và lãi suất.

17. Cam Kết Về Tỷ Lệ Đảm Bảo

Handwritten signature or mark.

Để đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư, và cũng để thực hiện các cam kết của TTCS đối với Đại diện Người sở hữu Trái Phiếu, TTCS đã thực hiện việc bổ sung tài sản bảo đảm cho Trái Phiếu. Do đó có sự thay đổi về loại hình trái phiếu giữa Giấy đăng ký niêm yết chứng khoán và Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 185/GCN-UBCK ngày 20/09/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Thông tin cụ thể như sau:

- Tại ngày phát hành (20/09/2021): Trái Phiếu chưa có tài sản bảo đảm. Tuy nhiên, tại Điều 6.9(c) của Hợp đồng Đại diện Người sở hữu Trái Phiếu số 04/2021/BHA/GEC-TCBS ngày 7/9/2021, Tổ Chức Niêm Yết có cam kết về việc bổ sung tài sản bảo đảm khi có yêu cầu của Đại diện Người sở hữu Trái Phiếu.
- Ngày 12/10/2021, Đại diện Người sở hữu Trái Phiếu ban hành Thông báo số 011210/21/TB-TCBS đề nghị Tổ Chức Niêm Yết thực hiện việc thế chấp tài sản bảo đảm để bảo đảm cho trái phiếu theo cam kết nêu trên, thời hạn để hoàn thành việc thế chấp tài sản bảo đảm là không muộn hơn 20 (hai mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày được những Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận về Phương án bổ sung tài sản bảo đảm theo nghị quyết/ quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc một thời hạn khác được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận);
- Ngày 12/10/2021, Tổ Chức Niêm Yết ban hành Thông báo về việc lấy ý kiến người sở hữu trái phiếu về việc bổ sung tài sản bảo đảm.
- Ngày 12/10/2021, Đại diện Người sở hữu Trái Phiếu gửi Thông báo số 021210/21/TB-TCBS cho người sở hữu trái phiếu để lấy ý kiến và chốt danh sách người sở hữu trái phiếu về việc bổ sung tài sản bảo đảm cho Trái Phiếu bằng văn bản, và Thông báo số 021310/21/TB-TCBS ngày 13/10/2021 cho người sở hữu trái phiếu để lấy ý kiến và chốt danh sách người sở hữu trái phiếu về việc bổ sung tài sản bảo đảm cho Trái Phiếu bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.
- Ngày 14/10/2021, Đại Diện Người sở hữu Trái Phiếu đã tiến hành các thủ tục xin ý kiến những người sở hữu trái phiếu và đã được những người sở hữu trái phiếu thông qua theo Nghị quyết số 111410/21/TB-TCBS với tỉ lệ đồng ý thông qua là 75,19%.
- Ngày 04/11/2021, Hội đồng Quản trị của Tổ Chức Niêm Yết đã ban hành Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐQT về việc phê duyệt bổ sung tài sản bảo đảm cho Trái Phiếu.

Các tài sản bảo đảm bao gồm:

- Bất động sản là Nhà máy Thủy điện Đa Khai: thuộc sở hữu của Tổ Chức Niêm Yết, có giá trị: **400.868.000.000 VND** (Bằng chữ: Bốn trăm tỷ tám trăm sáu mươi tám triệu Đồng), được tạo lập theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2021/HDTC-BDS/ĐK/GEC-TCB ngày 11/11/2021 giữa Tổ Chức Niêm Yết và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam;
- Động sản và quyền tài sản: thuộc sở hữu của Tổ Chức Niêm Yết, được tạo lập theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2021/HDTC-DSQTS/ĐK/GEC-TCB ngày 11/11/2021 giữa Tổ Chức Niêm Yết và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam;
- Bất động sản là Nhà máy Thủy điện H'Mun: thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai, có giá trị: **601.221.000.000 VND** (Bằng chữ: sáu trăm lẻ một tỷ hai trăm hai mươi một triệu Đồng), được tạo lập theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2021/HDTC-BDS/HM/GEC-GHC-TCB ngày 15/11/2021 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam;

- Động sản và quyền tài sản: thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai, được tạo lập theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2021/HDTC-DSQTS/HM/GEC-GHC-TCB ngày 15/11/2021 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam;
 - Cổ phần GHC: thuộc sở hữu của Tổ Chức Niêm Yết.
- Ngày 10/11/2021, Công Ty đã gửi công văn số 313/2021/CV-GEC xin ý kiến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc gia hạn thời gian bổ sung tài sản bảo đảm, theo đó thời hạn mới để bổ sung tài sản bảo đảm là 30/11/2021, và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã chấp thuận trên công văn trên;
- Ngày 29/11/2021, Công Ty đã gửi công văn số 321/2021/CV-GEC xin ý kiến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc gia hạn thời gian bổ sung tài sản bảo đảm, theo đó thời hạn mới để bổ sung tài sản bảo đảm là 31/01/2022, và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã chấp thuận trên công văn trên;
- Tiến độ bổ sung tài sản bảo đảm:

<i>STT</i>	<i>Loại tài sản bảo đảm</i>	<i>Tình trạng bổ sung tài sản bảo đảm</i>	<i>Thời gian hoàn thiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Bất động sản Đa Khai	Đã hoàn thành	11/11/2021	
2	Động sản và quyền tài sản Đa Khai	Đã hoàn thành	15/11/2021	
3	Bất động sản H'Mun	Đã hoàn thành	18/11/2021	
4	Động sản và quyền tài sản H'Mun	Đã hoàn thành	16/11/2021	
5	Cổ phần GHC	Đang thực hiện các thủ tục bao gồm: - Kí kết Hợp đồng thế chấp cổ phần; - Đăng ký phong tỏa cổ phần tại VSD; - Đăng ký giao dịch bảo đảm tại VSD.	Đang thực hiện	<i>Tài sản mang tính chất cầm kèm, do các tài sản bảo đảm trên đã đủ bảo đảm cho trái phiếu.</i>

Tổ chức nhận TSBD: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam được lựa chọn làm Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm ban đầu, đại diện cho Người Sở Hữu Trái Phiếu và Ngân Hàng Tài Trợ để nhận và quản lý Tài Sản Bảo Đảm và thực hiện các nhiệm vụ, công việc khác được quy định theo Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm và các Hợp Đồng Bảo Đảm khác nhân danh và vì quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu và Ngân Hàng Tài Trợ.

Thời gian định giá TSBD: Tài Sản Bảo Đảm sẽ được định giá lại/đánh giá lại bởi một Công Ty Định Giá Được Phép trong bất kỳ tình huống nào sau đây:

- (i) định kỳ 01 (một) năm/lần kể từ ngày 27 tháng 05 năm 2021 (hoặc một thời hạn khác được Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm chấp thuận) đối với Tài Sản Bảo Đảm BDS Đa Khai và Tài Sản Bảo Đảm BDS H'Mun;
- (ii) Theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành nhằm giải chấp một phần hoặc toàn bộ Tài Sản Bảo Đảm theo quy định tại Điều 3.3 của Hợp Đồng này;
- (iii) Theo yêu cầu của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu) khi phát sinh những sự kiện có thể làm ảnh hưởng giảm đáng kể giá trị của Tài Sản Bảo Đảm hoặc theo các quy định tại các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan;
- (iv) Trong các trường hợp định giá lại khác theo quy định của Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (nếu có).

Phương pháp định giá TSBD: Tài Sản Bảo Đảm sẽ được định giá lại/đánh giá lại bởi một Công Ty Định Giá Được Phép.

Trong suốt thời hạn của Trái Phiếu, Tổ Chức Niêm Yết và các bên bảo đảm phải đảm bảo rằng kể từ ngày hoàn thành thế chấp tài sản bảo đảm, tổng giá trị bảo đảm của các tài sản bảo đảm sẽ không thấp hơn tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành.

18. Giới Hạn Về Tỷ Lệ Nắm Giữ Đối Với Người Nước Ngoài (Theo Quy Định Của Pháp Luật Về Chứng Khoán Và Pháp Luật Chuyên Ngành)

Theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Điều lệ của Tổ Chức Niêm Yết không giới hạn về tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu đối với nhà đầu tư nước ngoài.

19. Các Loại Thuế Có Liên Quan Đến Trái Phiếu

19.1. Thuế Thu Nhập Cá Nhân

Tại Việt Nam, thuế thu nhập cá nhân được điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật sau đây:

- (i) Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân số 04/2007/QH12 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/11/2007; Luật số 26/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân; và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế (gọi chung là *Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân*).
- (ii) Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính Phủ hướng dẫn Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 sửa đổi, một số điều tại các Nghị định quy định về thuế và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
- (iii) Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân; Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Nghị Định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của chính phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông Tư Số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của bộ tài chính, Thông Tư Số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của bộ tài chính;

- (iv) Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;
- (v) Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế; và
- (vi) Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện thuế Giá trị gia tăng và Thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.

Căn cứ vào các văn bản trên:

- Thu nhập từ đầu tư vốn bao gồm, ngoài các khoản khác, khoản thu nhập cá nhân nhận được từ lãi trái phiếu, tín phiếu và các giấy tờ có giá khác do các tổ chức trong nước phát hành, trừ thu nhập từ lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và thu nhập từ lãi trái phiếu Chính Phủ. Đối với cá nhân cư trú và không cư trú, thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn áp dụng theo biểu thuế toàn phần là 5%; và
- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm, ngoài các khoản khác, khoản thu nhập cá nhân nhận được từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của Luật Chứng khoán; thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Đối với cá nhân cư trú và không cư trú, thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần.

19.2. Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp

Văn bản pháp luật hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- (i) Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế;
- (ii) Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
- (iii) Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

- (iv) Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014 về việc hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam;
- (v) Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;
- (vi) Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;
- (vii) Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; và
- (viii) Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài Chính.

Căn cứ vào các văn bản trên:

Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước

Doanh nghiệp có thu nhập từ lãi vay thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế suất đối với thu nhập này là 22%. Từ ngày 1/1/2016, thuế suất áp dụng là 20%.

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của doanh nghiệp là thu nhập có được từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định. Doanh nghiệp có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế suất đối với thu nhập này là 22%. Từ ngày 1/1/2016, thuế suất áp dụng là 20%.

Đối với nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài

Theo quy định pháp luật về nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam thì tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá

nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu thì là đối tượng chịu thuế nhà thầu.

Theo quy định về thuế nhà thầu thì thu nhập từ lãi tiền vay là thu nhập của bên cho vay từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào mà khoản vay đó có hay không được đảm bảo bằng thế chấp, người cho vay đó có hay không được hưởng lợi tức của người đi vay; thu nhập từ lãi tiền gửi (trừ lãi tiền gửi của các cá nhân người nước ngoài và lãi tiền gửi phát sinh từ tài khoản tiền gửi để duy trì hoạt động tại Việt Nam của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính Phủ tại Việt Nam), kể cả các khoản thưởng đi kèm lãi tiền gửi (nếu có); thu nhập từ lãi trả chậm theo quy định của các hợp đồng; thu nhập từ lãi trái phiếu, chiết khấu giá trái phiếu (trừ trái phiếu thuộc diện miễn thuế), tín phiếu kho bạc; thu nhập từ lãi chứng chỉ tiền gửi. Lãi tiền vay bao gồm cả các khoản phí mà Bên Việt Nam phải trả theo quy định của hợp đồng.

Do vậy, thu nhập từ lãi trái phiếu do tổ chức/cá nhân nước ngoài nắm giữ sẽ chịu thuế nhà thầu. Tỷ lệ (%) Thuế Thu nhập Doanh nghiệp tính trên doanh thu tính thuế đối với lãi tiền vay (lãi trái phiếu) là 5%.

Ngoài ra, trường hợp tổ chức/cá nhân nước ngoài chuyển nhượng trái phiếu thì áp dụng thuế tỷ lệ (%) thuế Thu nhập Doanh nghiệp tính trên doanh thu tính thuế đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán (bao gồm chuyển nhượng trái phiếu) là 0,1%.

Trong trường hợp Hiệp định Tránh đánh thuế hai lần có quy định khác đi và có lợi hơn, các doanh nghiệp này có thể áp dụng các điều khoản của Hiệp định và thông báo cho bên Việt Nam về việc miễn, giảm thuế theo Hiệp định tại Việt Nam.

Tổ Chức Niêm Yết sẽ tiến hành khấu trừ thuế thay cho nhà thầu nước ngoài. Tuy nhiên Tổ Chức Niêm Yết có quyền, vào bất kỳ thời điểm nào và không phụ thuộc vào phương pháp khấu trừ thuế, khấu trừ thuế với mức cao hơn để nộp cho Ngân sách Nhà nước nếu Tổ Chức Niêm Yết tin rằng làm như vậy theo đúng quy định của pháp luật. Tổ Chức Niêm Yết không chịu trách nhiệm về bất kỳ nghĩa vụ thuế nào của các nhà đầu tư trái phiếu tiềm năng liên quan đến Trái Phiếu và bất kỳ khiếu nại nào về việc áp dụng phương thức khấu trừ thuế.

19.3. Thuế Giá Trị Gia Tăng

Văn bản pháp luật hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- (i) Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013; và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế; và luật số 106/2016/QH13 ngày 6/4/2016 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế;
- (ii) Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế. Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế; Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 9/2/2017 ban hành quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và sửa đổi, bổ sung khoản 4 điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013;

- (iii) Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật thuế Giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế Giá trị gia tăng;
- (iv) Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;
- (v) Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;
- (vi) Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; và
- (vii) Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 hướng dẫn nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Giá trị gia tăng, Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý Thuế và sửa đổi một số điều tại các thông tư về thuế.

Theo quy định trên, hoạt động chuyển nhượng chứng khoán và thu nhập từ lãi trái phiếu không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng. Theo đó, chuyển nhượng trái phiếu và lãi trái phiếu sẽ không chịu thuế giá trị gia tăng. Trong trường hợp pháp luật Việt Nam có quy định áp dụng thuế giá trị gia tăng đối với việc chuyển nhượng Trái Phiếu sau Ngày Phát Hành thì người sở hữu trái phiếu có nghĩa vụ thanh toán thuế giá trị gia tăng này.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI**

Địa chỉ : Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh

Số fax : (+84-02) 76375 7250

Số điện thoại : (+84-02) 76383 9834

Website : www.ttcsugar.com.vn

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: **CÔNG TY TNHH PwC (Việt Nam)**

Địa chỉ : Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 01, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (84-28) 3823 0796

Website : <https://www.pwc.com/vn/vn>

3. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG**

Địa chỉ : Tầng 10 + Tầng 21, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Số fax : (84-24) 3944 6583

Số điện thoại : (84-24) 3944 6368

Website : www.tcbs.com.vn

4. ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG**

Địa chỉ : Tầng 10 + Tầng 21, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Số fax : (84-24) 3944 6583

Số điện thoại : (84-24) 3944 6368

Website : www.tcbs.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu, và Nghị quyết HĐQT phê duyệt phương án phát hành;
2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức đăng ký niêm yết;
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ quý III/2021
 - Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất và riêng lẻ năm 2020
 - Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất và riêng lẻ năm 2019
4. Phụ lục IV: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức đăng ký niêm yết

Được lập tại Gia Lai, ngày 06 tháng 12 năm 2021

TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI



CHỦ TỊCH HĐQT

Tân Xuân Hiến

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thái Hà

**GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH KIỂM
KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Trần Thị Hồng Thắm

CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN

Nguyễn Thùy Vân

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thu Hiền

